

TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU

PHẬT HỌC

CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

SỐ 4-2014 (127)

NĂM THỨ 24

Rồng thời Lý và biểu tượng Phật giáo

Thơ Vu lan nhớ mẹ

Khái quát lịch sử tư tưởng

NHƯ LẠI TẠNG

SUY NGẪM VỀ
CHỮ "NGÃ" TRONG PHẬT GIÁO





Cuộc sống hoàn hảo

Sang trọng, đẳng cấp và độc đáo là những tiêu chuẩn mà các dự án bất động sản như Khu đô thị biển An Viên ở Nha Trang do Công ty Cổ phần An Viên làm chủ đầu tư hướng đến để tạo ra một môi trường sống hoàn hảo!



AN VIÊN GROUP

Tại số: 78 Trần Phú, Nha Trang, Khánh Hoà • ĐT: 058-524828 • Fax: 058-524541
VPDD Tại TP.HCM: 24 Lê Thành Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1 • ĐT: 08-8236699 • Fax: 08-8236688
Mrs.Loc: 0903456094 • Email: myloc@anviengroup.com
Website: www.anviengroup.com



Hội đồng cố vấn
 Hòa thượng THÍCH PHỔ TUỆ
 Giáo sư VŨ KHIÊU
 Giáo sư HÀ VĂN TẤN
 Giáo sư PHẠM MINH HẠC
 Cư sĩ TRẦN KHÁNH DŨ
 Ông BUI HỮU DƯỢC

Tổng Biên tập
 Hòa thượng THÍCH GIA QUANG

Phó Tổng Biên tập
 Hòa thượng THÍCH THANH NHIỀU
 Đại đức THÍCH ĐỨC THIÊN
 Cư sĩ PHẠM NHẬT VŨ

Trưởng Ban Biên tập
 GIỚI MINH

Biên tập
 THÍCH ĐAM HÌNH
 BẢO CHÂN

Trình bày
 LÊ MẠNH THẮNG

Phụ trách hình ảnh
 PHÙNG ANH TUẤN

Toà soạn và trị sự
 CHÙA QUẢN SỨ
 Số 73 phố Quán Sứ, Hà Nội
 Điện thoại: 04. 39423887

Email: phathocvietnam@gmail.com
 Tài khoản: 102010000032825 - Sở Giao dịch I
 Ngân hàng Công thương Việt Nam

Đại diện phía Nam
 CHÙA VINH NGHIÊM
 Số 339, Nam Kỳ khởi nghĩa, P.7, Q.3, TP. HCM
 Đại đức THÍCH THANH PHONG
 Điện thoại: 08. 38 483 153
 Email: vinhnghiemvn@yahoo.com

Giấy phép xuất bản
 Số 01/GP-BVHTT ngày 02/01/2002

Chế bản và in tại
 Công ty Cổ phần In nhanh Hoàng Minh
 Giá: 30.000đ



Ảnh bìa 1: THÍCH GIÁC THÔNG

TRONG SỔ NÀY



Thư Toà soạn 3

GIÁO LÝ

Thông điệp của Đức Pháp chủ 4
Giang sơn gấm vóc 5
Hiếu Đạo là hiếu Đạo 6
Khái quát lịch sử tư tưởng Như Lai Tạng 8

LỊCH SỬ TRIẾT HỌC

Thiền sư Nguyễn Minh Không và một số lễ hội Phật giáo tiêu biểu ở miền Bắc 11
Tế lễ thế nào mới đúng pháp 16
Rồng thời Lý và biểu tượng Phật giáo 18
Phật giáo Việt Nam từ 1945 - 1954 22

TRAO ĐỔI

Suy ngẫm về chữ "Ngã" trong Phật giáo 28
Từ cái nhìn Phật giáo với sự hâm nóng toàn cầu về bảo vệ môi trường 30
Tìm hiểu về thái độ học tập của Tăng, Ni sinh Học viện PGVN tại Thành phố Hồ Chí Minh 34
Vai trò của nữ giới trong giáo lý Phật đà 38
Vài suy nghĩ về pháp môn niệm Phật 40

VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

Thơ Vu lan nhớ mẹ 42
Bài học đầu tiên 43
Thơ: "Ở đây bây giờ" 45
Dòng tâm sự con viết riêng gửi mẹ 46
Lòng tử và sự cảm thông 47

SƯƠNG MAI

Lời cảm ơn dành tặng mẹ 48
Con xin làm Sen nhỏ và nâng đôi gót hài 50

SUY NGẪM

Sự sống được biểu tượng qua bốn bà vợ 52
Ta ở nơi nào? 55

SƯU TẮM TRỌN BỘ

THƯ KẾT NỐI 57
PHẬT GIÁO TRONG NƯỚC 58
PHẬT GIÁO THẾ GIỚI 60
CHỌN SÁCH GIÙM BẠN 62
TRA CỨU 63
PHƯƠNG DANH CÙNG DÀNG 64

Lời tri ân mùa báo hiếu!

Kính bạch các bậc Chư tôn thiên đức!

Kính thưa các bậc thiện trí thức, quý độc giả cùng quý phật tử trong và ngoài nước! Nhân mùa báo hiếu, lời tri ân đầu tiên trân trọng nhất, Ban Biên tập Tạp chí Nghiên cứu Phật học xin thành kính gửi tới quý vị - những người đã đồng hành cùng Tạp chí trong nhiều năm qua!

Thưa toàn thể quý vị!

Trong truyền thống đạo lý của dân tộc ta, ân báo hiếu tổ tiên ông bà, cha mẹ là một trong Tứ trọng ân quan trọng nhất hằng in đậm trong tâm hồn mỗi người dân Việt. Bởi vậy, thật diệu dụng, như nước hòa tan trong sữa, ngày lễ Vu Lan từ truyền thống Phật giáo đã trở thành một ngày lễ mang nét đẹp nhân văn, ngày càng được đắp bồi, càng làm sáng hơn đạo lý của dân tộc Việt Nam.

Thưa quý vị!

Tháng Bảy về mang theo lời nhắc nhở mỗi người con nhớ về mùa báo hiếu. Ai sinh ra cũng có cội nguồn. Cha mẹ cho ta hình hài và quê hương nuôi dưỡng cho tâm hồn ta mang dáng hình sứ xứ. Bởi vậy, cùng với nghĩa tri ân gửi đến sự hy sinh sánh ngang biển trời của cha mẹ, ta cúi đầu dành tặng lời tri ân với đất mẹ Việt Nam. Hơn tất cả, hạnh hiếu đến đẹp nhất là ân cha mẹ hòa với trọng ân cùng Xã tắc Giang sơn. Và ân với chúng sinh vạn loài thức trong ta lòng từ và sự biết ơn, đó là những hạt mầm xanh nhú trên cánh đồng Phật pháp nhiệm màu. Trong suốt hành trình đời sống tâm linh cuộc đời mình, ta ghi nhớ không bao giờ quên, Ân với Tam bảo, ân Sư Trưởng - Những người thầy đã cùng với cha mẹ dạy dỗ ta từ những bước đầu tiên vào đời.

Ôn lại hạnh nguyện cứu mẹ của Ngài Mục Kiến Liên ngàn thuở trước, ghi nhớ lời Phật dạy về bốn phận làm con vượt qua mọi khoảng cách về không gian địa lý và trùng trùng thời gian, quay về soi chiếu lại tâm mình, mùa báo hiếu, khi còn mẹ, hãy nhủ lòng, dù có bận ngàn phương, cũng xin được quay về bên mẹ. Mẹ đã chắt chiu từ giọt máu hồng. Mẹ đã dành cạn nguồn sữa nóng. Mẹ luôn nâng đỡ, chở che và có thể dành cho con cả tính mạng của mình. Nhưng sẽ đến lúc, mẹ ngóng con từng ngày mong tìm một chút hơi ấm để tựa nương!

Với tâm thức tỉnh, người thực hiểu với cha mẹ không thể đợi đến khi cha mẹ không còn nữa mới tìm cơ hội vái vọng đáp đền. Từng giây phút sống, hiếu thuận và kính ngưỡng cha mẹ như vị Phật của đời mình, đó mới là đạo hạnh tốt lành. Lỡ khi cha mẹ chưa mở rộng tâm hướng Phật, đạo làm con phải khai trí, gieo trồng thiện duyên, giúp mẹ cha hướng thiện, vun đắp gốc từ bi.

Còn đây, những ai mẹ đã khuất bóng bên trời, xin hãy thành tâm dành một bông hồng chớ đẩy phước báu dâng lên Tam bảo làm nghĩa cử hồi hướng cho cha mẹ. Với tâm thành và tỉnh giác, với niềm tin tinh tấn và chuyên cần, với hạnh trong lành và thanh sạch, mỗi người con sẽ làm nơi nương tựa tâm linh cho các bậc sinh thành của mình tìm về nương tựa Tam bảo. Gieo duyên nơi cửa Phật cho cha mẹ mình bằng tuệ giác, đó là một con đường báo hiếu chân chính của những người con muốn giúp mẹ cha vượt thoát nẻo sinh tử luân hồi, tìm về tỉnh giác, an vui.

Kính bạch các bậc chư tôn thiên đức!

Kính thưa các bậc thiện trí thức, quý độc giả cùng quý phật tử!

Hòa trong tâm thành hướng về mùa báo hiếu, Tạp chí Nghiên cứu Phật học xin cùng chấp tay dành tặng những bông hoa đạo hiếu đẹp nhất tri ân đến tất cả những người mẹ trong cuộc đời này.

Và xin tri ân tâm thành của tất cả những người con đã gieo duyên, hoằng dương, hộ trì chánh pháp bằng cả tài trí và tài vật với Tạp chí trong suốt chặng đường vừa qua. Ngưỡng mong, công đức dù lớn lao hay nhỏ bé của tất cả thầy quý vị đều góp thêm những giọt nước cam lồ tưới mát tâm chúng sinh và từ đó chuyển công đức hồi hướng tới các bậc sinh thành.

Kính chúc các quý chư tôn, quý thiện trí giả cùng đồng bào phật tử đón một mùa báo hiếu trong pháp lượng vô biên của Tam Bảo!

Nam mô Đức Bản sư Thích Ca Mâu Ni Phật!

BBT Tạp chí Nghiên cứu Phật Học





Ban Thông tin Truyền thông T.Ư

Công ty Truyền thông Miền Bắc

Đài Truyền hình Kỹ thuật số VTC

CHƯƠNG TRÌNH GIAO LƯU NGHỆ THUẬT ĐẠI LỄ VU LAN VỚI PHẬT TỬ & DOANH NHÂN

Nhân kỷ niệm 33 năm ngày thành lập Giáo hội Phật Giáo Việt Nam; mừng thành công Đại lễ Phật đản Liên hợp quốc – Vesak 2014, trong tháng lễ Vu Lan (Rằm tháng 7 Giáp Ngọ), Ban Thông tin Truyền thông GHPGVN phối hợp cùng Công ty Cổ phần Truyền thông Miền Bắc tổ chức Chương trình **ĐẠI LỄ VU LAN VỚI PHẬT TỬ & DOANH NHÂN** lúc 20h ngày 04/08/2014 (9/7/Giáp Ngọ) tại Nhà hát Lớn Hà Nội và được truyền hình trực tiếp trên Đài Truyền hình Kỹ thuật số VTC. Thông qua chương trình Ban tổ chức gửi thông điệp tới cộng đồng về việc tôn vinh đạo Hiếu với cha mẹ - truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta từ ngàn đời nay. Nhân dịp này Ban tổ chức còn vận động cộng đồng ủng hộ một số ngôi Chùa đang nuôi dưỡng người già cô đơn không nơi nương tựa, trẻ em mồ côi lang thang cơ nhỡ.

Với ý nghĩa cao đẹp đó. Ban tổ chức chương trình xin trân trọng cảm ơn các nhà tài trợ, các nhà hảo tâm đã tài trợ ủng hộ cho chương trình.

Doanh nghiệp tư nhân quý	Nhà Hàng Như Ý	Chùa Yên Ninh	Chùa Trung Hậu	Chùa Đức La	Chùa Thanh Bình	Chùa Bách Lâm	Chùa quán thế âm



Giang sơn gấm vóc

● Đại đức Thích Phước Ngọc

Kìa đây nước Việt Nam tôi
Cờ đỏ sao vàng tung bay phấp phới
Dãy Trường Sơn bao năm bom dội
Lửa đạn không sờn vẫn trùng điệp hiên ngang....

Giang sơn là đây, tấc đất tấc vàng
Xuôi từ Lũng Cú- Hà Giang đến mũi Cà Mau cuối trời tổ quốc
Núi non trùng điệp, đồng lúa xanh rì
Biển rộng, sông dài.... một màu yên ả....
Đường xá đông vui những lúc tan tằm
Đồng ruộng hoan ca bên hò bên đối
Thuyền đầy cá tôm ngoài khơi sóng gọi
Rẫy nương trúng mùa vang hội cổng chiêng...

Ôi, đất nước ta, đất nước của hàng ngàn năm văn hiến
Văn hóa ba miền hòa quyện yêu thương
Từ đất liền, vùng trời đến hải đảo, biên cương
Không một phút, một giây lãng quên lịch sử
Những khúc tráng ca có bi thương và giận dữ
Có cung oán, cung sầu,.... trăm bóng ngân nga
Những khúc khải hoàn ca vang dội khắp sơn hà
Nhắc ta nhớ, tấc đất tấc biển quê hương là máu xương cha ông đổ xuống.

Nay, núi liền núi, sông liền sông
Hoàng Hà, Cửu Long hòa chung dòng đổ về biển Đông quê mẹ
Có dòng chảy nào không mạnh mẽ
Khi nặng tình Tổ quốc non sông?
Chắp tay nguyện một niềm ân
Giang sơn gấm vóc... Tứ ân vẹn bản!



HIẾU ĐẠO LÀ HIẾU ĐẠO

● Diệu Hòa

Nói về đạo Phật, chữ “đạo” là con đường dẫn lối cho những giá trị chân - thiện - mỹ của Phật giáo đến gần hơn với con người. Có rất nhiều giá trị như thế đã và đang hòa hợp cùng những truyền thống văn hóa - tinh thần của người Việt. Trong đó, truyền thống hiếu đạo đã đi sâu vào trong tâm khảm của phật tử.

Rằm tháng 7 đối với người phật tử là lễ Vu Lan báo hiếu. Theo tín ngưỡng dân gian, ngày Rằm tháng 7 cũng là ngày xá tội vong nhân, mọi nhà bày mâm cơm chay cúng chúng sinh, để tạo phúc duyên cho chúng sinh giải trừ nghiệp chướng. Vu Lan, tên gọi tắt của Vu Lan Bốn, được phiên âm từ tiếng Phạn là “*Ulambara*” nghĩa là giải đảo huyền, tức cứu người bị tội treo ngược. Lễ Vu Lan có duyên khởi từ Đại Hiếu Mục Kiền Liên Bồ tát đã cứu mẹ thoát khỏi cảnh ngục quỷ. Cho nên, hàng năm, ngày lễ Vu Lan nhắc nhở mỗi người con tri ân cha mẹ ở kiếp này và các kiếp trước. Đại lễ Vu Lan trở thành sự kiện trọng đại bên cạnh Đại lễ Phật đản Vesak của cộng đồng Phật giáo trên thế giới. Vì tâm hiếu là tâm Phật, hạnh hiếu là hạnh Phật. Sự hiếu thảo là hành trang vô giá cho mỗi con người để tiến đến quả vị Chính đẳng chính giác theo chân đức Thế Tôn - vị Giáo chủ Bản

Sư được trời người quy kính: “*Ta trải qua nhiều kiếp tinh tấn đến nay mới thành Phật toàn là công ơn của cha mẹ. Vậy nên người học đạo không thể không tinh tấn hiếu thảo cha mẹ*” [Kinh Đại Phương Tiện Phật Báo Ân]

Hành trang tu đạo là hiếu và thương. Mỗi người con Phật cần học cách vun trồng tâm thức, để tình thương yêu tỏa bóng mát che chở những mảnh đời bất hạnh. Như một cái cây lớn lên cần có gốc rễ vững chãi, tình thương dành cho tha nhân chỉ có thể phát triển từ tình yêu dành cho cha mẹ, tình yêu đó được xem như là tình cảm thiêng liêng và cao đẹp nhất trong các thứ tình cảm của con người.

Vì tình cảm của con cái dành cho cha mẹ chỉ bằng một phần rất nhỏ so với tình yêu của cha mẹ dành cho con, vậy nên mỗi lần con bày tỏ tình yêu với cha mẹ, con luôn được đáp lại tình cảm nhiều hơn thế. Bởi tình cảm giữa

cha mẹ và con cái bền vững hơn cả tình bạn ngoài xã hội, nên mỗi gia đình là một tế bào của xã hội. Tình cảm gia đình song hành cùng sự hiếu thuận góp phần giáo dục, xây dựng một xã hội bình ổn và hạnh phúc. Người phật tử tại gia nếu chưa đủ duyên xuất gia tu đạo, thì họ vẫn có thể đóng góp tâm sức cho đạo Pháp trên đường làm lợi lạc cho xã hội:

"Tu đâu cho bằng tu nhà

Thờ cha kính mẹ cũng là chận tu"

Phật pháp cảm hóa những người con lầm lạc trong dòng đời được trở về bên cha mẹ để giữ trọn đạo làm người. Từ thời đức Phật tại thế, có một thanh niên trẻ sống cùng người mẹ đã cao tuổi trong mái nhà nhỏ. Cậu nghe mọi người kể về đức Phật trí tuệ và từ bi, cậu khởi lòng mến mộ và bỏ nhà trèo đèo lội suối để tầm sư học đạo.

Đức Phật bằng pháp tha tâm thông, đã nhận thấy tấm lòng kính ngưỡng của cậu, không những vậy Ngài còn thấu cả nỗi lòng áy náy lo lắng từ sâu thẳm tâm trí của cậu; nên Ngài quyết định hóa thân thành một ông cụ xuất hiện trên đường cậu thanh niên đang đi. Ngài bảo cậu hãy quay trở lại, đi đến một nơi, cậu nhìn thấy một người đang đi dúi dép trái, thì đó chính là Phật hiện thân. Cậu đi theo chỉ dẫn và cảm thấy vô cùng lạ lẫm khi mình lại đứng trước ngôi nhà quen thuộc, người mẹ già nằm trong nhà nghe tiếng biết con mình trở về, bà mừng quá vội vàng xỏ dép đi ra ngoài đón con. Anh thanh niên nhìn thấy mẹ mình đi dép trái đón mình giống hệt như lời mô tả về vị Phật hiện thân, anh chợt hiểu ra tất cả...

Chư Phật hoan hỷ vì biết con người sống trên đời nhiều chướng duyên mà họ vẫn muốn bỏ bến mê để quay về bờ Giác với Tam Bảo, cũng tương tự như mẹ hiền vì quá nhớ mong con nên vui mừng đến nỗi vội vàng xỏ dép trái để đón con. Điều đó cho ta thấy mẹ yêu con cái cũng nhiều như Phật thương chúng sinh vậy:

"Thương yêu người khác như con ruột

Người trở mặt oán hận lại ta

Lòng không đối coi như con ốm bệnh

Thương nhiều hơn, ấy hạnh Bồ đề"

Bạn có nhớ chăng, khi bạn còn đang được bế ẵm đến khi lớn lên, nhiều khi bạn ốm bệnh tật quấy khóc, mẹ vẫn ôm bạn dịu dàng trong vòng tay vỗ về, bao dung, chờ che qua nhiều đêm thức trắng. Bạn còn nhớ không, trong cuộc đời có những lúc bạn gặp thất bại, sa sút, tâm lý bất ổn, bạn không còn là đứa con dễ thương, cha mẹ vẫn cảm thông, vẫn ôm lấy bạn an ủi vỗ về; bên cạnh đó cha mẹ động viên bạn phụng dưỡng từ những việc làm chăm sóc nhỏ nhỏ hàng ngày.

Đức Phật thời còn tại thế cũng từng kiên nhẫn, bao dung để mở lòng thương yêu tất cả chúng sinh một cách bình đẳng, oán thân như một, lòng đầy từ bi. Là người đệ tử Phật tại gia còn đang được sống cùng bố mẹ, mỗi người cần gần bó gần gũi cha mẹ nhiều hơn để cảm nhận và học hỏi theo tình thương yêu bao la từ cha mẹ. Điều ấy cũng quan trọng tương tự như việc Quy y Tam Bảo, để nhận được tờ giấy khai sinh của người con Phật.

Mỗi phật tử đặc biệt là những thanh thiếu niên còn trẻ trung đã biết rủ nhau sớm biết đi chùa, đó là cả một niềm

an ủi và hạnh phúc cho mỗi bậc phụ huynh, vì biết con em mình "sống trong môi trường tốt/được tạo tác nhân lành/được đi trên đường chính/là phúc đức lớn nhất"

Ở những khóa tu tại chùa dù không vào dịp Vu Lan, những thanh thiếu niên phật tử thường được thể hiện tình cảm tôn kính hiếu thảo của mình đối với cha mẹ của mình. Các em đã khóc vì niềm nhớ nhung đối với các đấng sinh thành, khóc vì sự ăn năn, hối lỗi, khóc vì sự tiếc nuối bởi những hành động bông bột đã làm cho cha mẹ buồn.v.v.. Nhưng tất cả đều phát xuất từ lòng hiếu thảo của mình đối với ông bà, cha mẹ. Lòng hiếu thảo đó đã rất lâu các em không thể thốt ra thành lời nhưng đến với khóa tu, các em đã có cơ hội thể hiện hạnh hiếu của mình qua nghĩa cử cao đẹp: rửa chân tay cho cha mẹ, ông bà và những người xung quanh.

Thời đức Phật Thích Ca Mâu Ni còn tại thế, Tôn giả Ananda và Tăng đoàn vẫn thường tiến hành nghi lễ rửa chân thị giả đức Phật. Đối với tu sĩ xuất gia, đức Phật và các bậc Bản Sư chính là đấng Từ phụ để Tăng đoàn kính tôn và phụng dưỡng, bên cạnh việc tu hành để hồi hướng phúc đức về cho cha mẹ ruột ở nhà.

Đến nay, hồng ân Tam Bảo vẫn dẫn dắt cho thế hệ phật tử trẻ tiếp nối nghi lễ rửa tay chân dành cho cha mẹ mình, đó đã là truyền thống phụng dưỡng không những từ ảnh hưởng của Phật giáo du nhập từ Ấn Độ, mà còn từ thời phong kiến Việt Nam dưới tư tưởng Nho giáo. Sự kế thừa truyền thống này mang đến một phúc duyên thù thắng.

Thế hệ phật tử ngày nay không có phúc duyên được thị giả đức Phật để gieo nhân lành, vậy nên phật tử giờ đây hành trì giới luật, hiếu dưỡng cha mẹ theo lời Phật dạy, điều đó cũng tương tự như họ đang được ở gần bên đức Phật. Vì tu theo Phật, mỗi người sẽ nhận ra cha mẹ hiện tiền như Phật tại thế. Chư Hiếu trong đạo Phật phân định nhân cách và tri thức của con người. Để cho mỗi người cảm nhận được hơi ấm tình thương của bàn tay cha mẹ đang ở trong tay mình, khi những bàn tay lớn nhỏ tiếp xúc trong chậu rửa. Trong cuộc sống gấp gáp, thật đáng quý nếu mỗi người có thể ngồi lại với cha mẹ để nắm tay cha mẹ thật chặt, lắng nghe cha mẹ mình nhiều hơn. Bởi hơi ấm trong gia đình luôn sẵn sàng tiếp thêm nghị lực sống cho họ trong cuộc sống. Để những người con được nâng niu đôi chân đôi tay tần tảo của cha mẹ vì nuôi con lớn khôn, và cảm nhận được rằng tình thương yêu mà cha mẹ dành cho con thấm lặn mà lớn lao chừng nào, hy vọng mỗi ngày, đôi tay nhỏ nhắn mềm mại của con trai được xoa dịu những vết chai ráp trên tay chân cha mẹ sau mỗi ngày mưu sinh nhọc nhằn.

Phật tử kế thừa truyền thống của Tăng đoàn từ thời đức Phật, sống hòa - hiếu theo lời Phật dạy, để tăng trưởng lòng từ thương người trong tâm, chỉ có như vậy, trong lòng mỗi người luôn được ấm áp và an lạc. Tâm từ chỉ có thể phát triển từ tình yêu thương gia đình. Các vị tu sĩ xuất gia bởi phúc duyên lớn, để tu hành tích lũy phúc đức hồi hướng cho cha mẹ hiện đời và cha mẹ nhiều kiếp quá khứ. Noi theo tâm và hạnh của chư Phật và Tăng đoàn, cư sĩ tại gia hiếu đạo trong gia đình từ những điều giản dị hàng ngày là hiếu đạo để hiếu đạo và hiếu đạo để hiếu đạo.



KHÁI QUÁT LỊCH SỬ TƯ TƯỞNG NHƯ LAI TẠNG

● Thích Quảng An

Như Lai Tạng là một thuật ngữ Phật giáo xuất hiện rất sớm trong văn hiến Phật giáo, tuy nhiên sự hình thành nên tư tưởng Như Lai Tạng là cả một quá trình chịu sự tương tác của các yếu tố nội tại và ngoại tại. Trong phạm vi của một bài viết dành cho Tạp chí, chúng tôi xin được trình bày khái quát sự hình thành của tư tưởng Như Lai Tạng.

1. Định nghĩa danh từ “Như Lai Tạng”

Như Lai Tạng theo nghĩa thông thường là chỉ cho tất cả tạng kinh do đức Phật tuyên thuyết. Kinh Tạng nhất A-hàm nói: Người nào chuyên tâm trì tụng kinh Tạng nhất tức là tổng trì Như Lai Tạng. Ở đây “*Như Lai Tạng*” là một thuật ngữ hình thành thời kỳ Phật giáo phát triển mà ý

nghĩa của nó được hiểu như sau:

“*Như Lai Tạng*” (S. Tathāgata-garbha): Chỉ cho pháp thân Như lai xưa nay vốn thanh tịnh (tức là tự tính thanh tịnh) ẩn tàng trong thân phiền não của hết thảy chúng sinh, nhưng không bị phiền não làm ô nhiễm, bản tính vẫn tuyệt đối thanh tịnh và vĩnh viễn bất biến. Mặt khác,

tất cả hiện tượng ô nhiễm và thanh tịnh đều duyên theo Như Lai Tạng mà sinh khởi, gọi là Như Lai Tạng duyên khởi. Trong các kinh luận, tư tưởng này thường được dùng để nói rõ về ý nghĩa mê và ngộ đối lập trong con người.

Chương "**Pháp thân**" trong kinh Thắng man nói: "*Pháp thân Như lai không lia phiền não, ẩn tàng trong phiền não, gọi là Như lai tạng*"

Kinh Đại phương đẳng Như Lai Tạng cũng nêu 9 thí dụ như: Trong hoa sen có hóa Phật, mặt ngọc trong rừng rậm ở núi cao, vàng ròng rơi vào chỗ nhơ bẩn, tượng vàng bọc trong giẻ rách, cô gái hèn mang thai quý tử... để giải thích rõ ý nghĩa Như Lai Tạng ẩn giấu trong phiền não.

Phẩm "**Như Lai Tạng**" trong Phật tính luận quyển 2, ghi "**tàng**" có 3 nghĩa:

1. **Sở nhiếp tạng:** Hết thảy chúng sinh đều được thu nhiếp vào trong trí Như lai.

2. **Ẩn phủ tạng:** Pháp thân Như lai bất luận ở nhân vị hay quả vị đều không thay đổi, nhưng chúng sinh bị phiền não che lấp nên chẳng thấy được.

3. **Năng nhiếp tạng:** Quả đức Như lai đều thu nhiếp trong tâm phàm phu.

Phẩm "**Tự thể tướng**" của Phật tính luận quyển 2 và chương "**Tự tính thanh tịnh**" trong kinh Thắng man cho rằng "**tạng**" có 5 nghĩa:

1. **Tự tính:** Muôn vật đều là tự tính Như lai, đó là nói theo nghĩa tự tính, nên gọi là Như lai tạng.

2. **Nhân:** Tàng này là đối cảnh do Thánh nhân tu hành chính pháp mà sinh ra. Đó là nói theo nghĩa trở thành nhân của cảnh giới, nên gọi là Chính pháp tàng, hoặc Pháp giới tàng.

3. **Chí đặc:** Tin tưởng tạng này có thể đạt được quả

của "**tàng**" nêu trên được gọi là Ngũ chủng tàng.

Theo Đại thừa chỉ quán pháp môn, (quyển 1), thì 'tàng' có 3 nghĩa: Năng tàng, Sở tàng và Năng sinh.

Theo Viên giác kinh lược sơ quyển thượng thì nêu 3 nghĩa: Ẩn phủ, Hàm nhiếp và Xuất sinh, gọi là Tam chủng Như lai tạng.

"Chương Không nghĩa ẩn phủ chân thật" trong kinh Thắng Man cho rằng Như Lai Tạng có thể chia làm 2 loại:

1. Như Lai Tạng vượt ngoài phiền não, hoặc chẳng giống với phiền não, cũng tức trong Như lai tạng, phiền não là không, gọi là Không Như lai tạng.

2. Như Lai Tạng đầy đủ tất cả pháp mà chẳng lia, chẳng thoát, chẳng khác với phiền não, gọi là Bất không Như lai tạng.

Chương "**Pháp thân**" kinh Thắng Man ghi: Như Lai Tạng còn có thể chia làm 2 loại:

1. **Tại triển:** Ở trong trạng thái bị phiền não trói buộc (triển), bao hàm Không Như lai tạng và Bất không Như lai Tạng.

2. **Xuất triển:** Trạng thái đã thoát ra khỏi sự trói buộc (xuất triển) của phiền não.

Luận Đại thừa khởi tín ghi: "*Chân như có 2 mặt là Như thực không và Như thực bất không. Thể tướng của giác nếu được ví dụ bằng 4 tấm gương thì tức là: 1. Gương Như thực không: Tức Không Như lai tạng. 2. Gương Nhân huân tập: Tức Bất không Như lai tạng. 3. Gương Pháp xuất li. 4. Gương Duyên huân tập. Hai ví dụ trước là Tại triển, 2 ví dụ sau là Xuất triển.*"

Luận Thích ma ha diễn, quyển 2 qui nạp các thuyết kể trên mà lập ra 10 loại Như lai tạng: Đại tổng trì Như lai tạng, Viễn chuyển viễn phược Như lai tạng, Dữ hành dữ tướng Như lai tạng, Chân như chân như Như lai tạng, Sinh diệt chân như Như lai tạng, Không Như lai tạng, Bất không Như lai tạng, Năng nhiếp Như lai tạng và Ẩn phủ Như lai tạng".

Từ định nghĩa của Phật Quang đại từ điển có thể đúc kết thành 3 điểm:

- Rất nhiều kinh luận đề cập đến Như Lai Tạng, điều này chứng tỏ học thuyết Như lai tạng là một trong những cốt tủy của giáo lý Đại thừa.

- Tuy xuất sinh nhiều quan điểm tùy thuộc vào nhiều góc độ khác nhau để phán định về Như Lai Tạng, nhưng nhìn chung là đại đồng tiểu dị và đồng lập cước trên nguyên nghĩa: thể tính thanh tịnh hay Phật tính luôn hàm tàng trong mỗi một chúng sinh, dù chúng sinh đó hiện hữu bất kỳ trong trạng huống nào thì bản chất ấy cũng không mất đi.

- Có thể xem học thuyết Như Lai Tạng là chìa khóa để giải quyết nhiều vấn đề về nhân sinh quan và vũ trụ quan trong Phật giáo. Để làm rõ hơn vấn đề này, dưới đây người viết sẽ trình bày quá trình phát triển của học thuyết Như Lai Tạng.

2. Sự hình thành và phát triển tư tưởng Như Lai Tạng

Như Lai Tạng (*tathāgata-garbha*) là từ kết hợp của *tathāgata* và *garbha*, hai từ vốn đã có nguồn gốc từ thần giáo Ấn Độ được Phật giáo thu nhận và phát triển thành hệ tư tưởng đặc thù. Như đã trình bày ở phần dẫn nhập, thuyết Như Lai Tạng hình thành vào thời trung kỳ Phật



Ảnh: Diệu Âm

đức pháp thân Như Lai. Đó là nói theo nghĩa chí đặc (đạt được), nên gọi là Pháp thân tàng.

4. **Chân thật:** Tạng này vượt ra ngoài tất cả sự hư dối của thế gian. Đó là nói theo nghĩa chân thực nên gọi là Xuất thế tàng, hoặc Xuất thế gian thượng thượng tạng.

5. **Bí mật:** Tất cả pháp nếu thuận theo tàng này thì được thanh tịnh, trái lại thì trở thành ô trọc. Đó là nói theo nghĩa bí mật, nên gọi là Tự tính thanh tịnh tàng. 5 nghĩa

giáo Đại thừa, đó là một quá trình thừa kế, phát huy và hoàn thiện trong lịch trình diễn tiến tất yếu của lịch sử tư tưởng Phật giáo Đại thừa nói chung và học thuyết Như Lai tạng nói riêng, có thể khái lược như sau: Thuyết Như Lai tạng lấy Như Lai làm vấn đề trọng tâm. Như Lai ban đầu chỉ cho Đức Phật Thế Tôn sống động ở nhân gian mà hàng đệ tử được ở chung, được nghe Ngài thuyết pháp. Sau khi Như Lai diệt độ, các đệ tử kính nhớ chỉ còn biết nương tựa vào giáo pháp và giới luật làm thầy dẫn đường và xem giáo pháp là pháp thân, là thân bất diệt của Như Lai. Kinh Tăng Nhất A-hàm nói: *"Thấy của chúng ta là Đức Thế Tôn xuất hiện với thọ mạng ngắn ngủi ở thế gian, nhục thân của Ngài tuy đã mất, nhưng Pháp thân của Ngài vẫn còn."* Thời kỳ phân chia bộ phái, một phần của Thượng Tọa Bộ (*Sthavira*) và Nhất Thiết Hữu Bộ (*Sarvāstivādin*) đã có lập trường khá kiên toàn về Phật thân bao hàm cả hiện thực và lý tánh. Họ cho rằng sắc thân là hữu lậu và pháp bố-đề là vô lậu, pháp bố-đề chính là pháp thân. Quan niệm về Như lai của hệ Đại chúng bộ (*Mahāsāghika*), cũng trong quá trình phát triển vừa mang tính tín ngưỡng, vừa mang tính lý tưởng. Họ cho rằng: *"Đức Như lai sinh ra và lớn lên trong thế gian, hoặc đi, hoặc đứng... đều không bị pháp thế gian làm ô nhiễm. Do vậy nên biết rằng thân của đức Như lai cũng là vô lậu."* Đại bộ tông luận cũng đã có một kết luận thấu đáo và làm rõ chi tiết này: *"Chủ trương căn bản của Đại chúng bộ, Nhất thiết bộ, Thuyết xuất thế bộ, Kế cận bộ là giống nhau, cho rằng: Chư Phật Thế tôn đều là những bậc xuất thế gian, tất cả Như lai đều không có pháp hữu lậu."* Những quan điểm về thân Như Lai như thế có thể nói là một sự lý tưởng hóa nên khó trách khỏi siêu thực vì thế gặp phải những vấn đề hiện thực khó giải đáp thỏa đáng chẳng hạn như vấn đề đại tiểu tiện từ nhục thân của Như Lai. Tiếp nhận tư tưởng này, thời kỳ đầu của Đại thừa chưa có sự phân biệt chi ly về nhục thân và pháp thân nhưng về sau đã phân biệt Pháp thân và Hóa thân (và sau nữa còn phân biệt 3 thân, 4 thân...) tư tưởng thân Như Lai tiếp tục phát triển theo trào lưu của Đại thừa đến thời kinh Kim Cang Bát-nhã đã có quan điểm rõ ràng và khẳng định:

*"Nếu từ sắc thấy ta
Từ âm thanh cấu ta
Người ấy hành đạo tà
Không thể thấy Như Lai"*

và còn mạnh hơn xác quyết: *"Nếu thấy các tướng đều chẳng phải là tướng, đó là thấy được Như Lai"*.

Phật giáo Đại thừa thời kỳ đầu đã có những thành tựu nhất định như đã trình bày và đưa giáo lý Đại thừa thành hệ thống, đồng thời biểu hiện thành giáo hội, tuy nhiên trên phương diện lý luận còn có một số điểm cần kiện toàn:

- Mối quan hệ căn bản giữa vọng tâm và tịnh tâm cũng như sự vận hành của chúng?

- Quan điểm hết thấy chúng sinh đều thành Phật vẫn chưa có hệ thống lý luận rõ ràng.

- Lập luận về Phật-đà còn nhiều chỗ khuyết điểm, nhất là quan niệm về pháp thân chưa được hoàn bị.

Mặt khác nhằm để thích ứng với đà phát triển tư tưởng

của Thượng tọa bộ, Đại chúng bộ cũng như chủ trương của Phệ-đàn-đà (*Vedānta*) hay Số luận (*Sāmkhya*), vì thế vào thời kỳ giữa Đại thừa đã xuất hiện những học thuyết mới như học thuyết Như Lai Tạng, A-lại-da, Phật tính và pháp thân thường trụ... tuy nói rằng mới nhưng những học thuyết đó chính là thừa kế và phát huy trên nền tảng của tư tưởng trước đó. Đến thời kỳ này khái niệm và học thuyết Như Lai tạng mới được hình thành. Danh từ *"Như Lai tạng"* có thể được xuất hiện sớm nhất trong kinh Thập Địa, nhưng đến khi kinh Như Lai tạng xuất hiện mới làm rõ về khái niệm và phối thai cho một học thuyết. Tư tưởng Như Lai Tạng được phát triển ngày càng tinh mật rõ ràng qua các kinh Bất tăng bất giảm; kinh Thắng-man, kinh Đại Niết-bàn, kinh Vô thượng y; kinh Giải thâm mật và có thể nói cho đến kinh Lăng-già thì triết học Như Lai Tạng đã phát triển đến chỗ hoàn bị.

Tóm lại có thể nói rằng lịch sử hình thành tư tưởng Như Lai Tạng bắt đầu từ ý niệm về sự vắng bóng của nhục thân Như Lai phát triển thành pháp thân thường trụ và không bao lâu đã chuyển tiến đến quan điểm Phật thân thường trụ, thế rồi tiếp tục phát triển thành quan điểm Phật tính thường trụ và tiềm ẩn nơi mỗi một chúng sinh, tuy nhiên không dừng lại ở đó mà phát triển thành học thuyết Như Lai Tạng và điểm cực mỹ của học thuyết này là tư tưởng kinh Lăng-già và kinh Mật-nghiêm đã điều hòa và kết hợp tư tưởng Như Lai Tạng và A-lại-da nâng triết lý Đại thừa cao lên một bậc giải quyết trọn vẹn cả 2 chiều giải thoát quan và sinh tử quan. Chính vì thế mà Lữ Trùng đã nhận định: *"Lăng-già kinh và Mật-nghiêm kinh xuất hiện, dùng thái độ điều hòa 2 thuyết kể trên nói rằng A-lại-da và Như Lai tạng chỉ có tên gọi bất đồng còn pháp thể là một, nghĩa lý cũng là một, cho rằng A-lại-da không chỉ có nhiễm mà còn có tịnh, như thế là có ý đem hai thuyết tổng hợp lại."*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Kimura Taiken, Đại thừa Phật giáo tư tưởng luận, HT Thích Quảng Độ dịch, Tập I,II,III, NXB Tôn Giáo, năm 2012.
2. Lữ Trùng, Ấn Độ Phật học nguyên lưu lược giảng, HT. Thích Phước Sơn dịch, NXB Phương Đông, năm 2011.
3. Kinh Lăng-già, Tỳ-kheo Thích Duy Lực dịch, Thành Hội Phật Giáo HCM xuất bản, 1994.
4. (CBETA)
5. Từ điển điện tử Babylon
6. <http://www.jiexinglin.com/List.asp?ID=888> truy cập: 5/8/2013
7. <http://www.a202.idv.tw/a202-big5/Book1029/Book1029-4.htm> truy cập: 5/8/2013
8. <http://www.fomen123.com/fo/new/bore/9023.html> truy cập: 5/8/2013
9. <http://www.yinshun.org.tw/books/22/yinshun22-17.htm> truy cập 15/8/2013
10. http://thuvienhoasen.org/D_1-2_2-77_4-7481_5-50_6-1_17-45_14-1_15-1/ truy cập 5/6/2013
11. <http://www.giaohoi-phatgiaovietnam.vn/component/content/article/38-phat-hoc/152-i-cng-kinh-lng-gia.html>. Truy cập Saturday, June 08, 2013.



THIÊN SƯ NGUYỄN MINH KHÔNG VÀ MỘT SỐ LỄ HỘI PHẬT GIÁO TIÊU BIỂU Ở MIỀN BẮC

● ThS. Trần Mạnh Quang
Viện Nghiên cứu Tôn giáo
Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam

1. Thiền sư Nguyễn Minh Không, lịch sử và huyền thoại

Theo pháp hệ được Thiền uyển tập anh ghi lại, Thiền sư Nguyễn Minh Không (1066 – 1141) là vị Thiền sư thuộc thế hệ thứ mười ba của dòng pháp Tỳ Ni Đa Lưu Chi. Ngài nổi danh là một vị thiền sư đức cao vọng trọng, được triều đình nhà Lý tôn phong làm Quốc sư. Thân thế và công nghiệp của ngài được cả chính sử lẫn dã sử đề cập, trong đó đáng chú ý có một số yếu tố nhuộm màu huyền thoại.

Chính sử tiêu biểu là Đại Việt sử ký toàn thư viết: “*Tân Hợi, Thuận Thiên năm thứ 4 (1131). Dựng nhà cho đại sư*

Minh Không”. Đến “*Bính Thìn, Thiên Chương Bảo Tự năm thứ 4 (1136), tháng 3 (...) Vua (Lý Thần Tông) bệnh nặng, chữa thuốc không khỏi, nhà sư Minh Không chữa khỏi, phong làm Quốc sư*”. Đại Việt sử ký toàn thư còn cho biết thêm: “*Tục truyền khi nhà sư Từ Đạo Hạnh sắp trút xác, trong khi ốm đem thuốc niệm thần chú rồi trao cho học trò là Nguyễn Chí Thành tức Minh Không, dặn rằng 20 năm sau nếu thấy quốc vương bị bệnh lạ thì đến chữa ngay, có lẽ là việc này*”. Như vậy theo đó, Thiền sư Nguyễn Minh Không tên thật là Nguyễn Chí Thành, vốn là học trò của Thiền sư Từ Đạo Hạnh. Ngài được triều đình trọng vọng, dựng

nhà cho ở. Về sau, với y thuật siêu việt, ngài chữa khỏi bệnh cho vua Lý Thần Tông, được nhà vua ban phong làm Quốc sư. Cũng theo Đại Việt sử ký toàn thư, ngài viên tịch vào năm Tân Dậu, niên hiệu Đại Định thứ 2 (1141) đời vua Lý Anh Tông: *"Mùa thu, tháng 8, quốc sư Minh Không mất"*. Mỗi khi có tai ương hạn lụt, ngài đều ứng hiện giúp dân.

Hay như Khâm định Việt sử thông giám cương mục có ghi: *"Bình Thìn, năm thứ 4 (1136), tháng 3, mùa xuân (...) Nhà vua đã khỏi tật; ban hiệu Quốc sư cho Minh Không"*. Ngoài ra còn ban tô thuế mấy trăm hộ để ngài được hưởng dụng.

Sách Thiên uyển tập anh khi đề cập tới hành trạng ngài có bổ sung chi tiết hơn: *"Quốc sư Minh Không, chùa Quốc Thanh, Trường An, người làng Đàm Xá, Đại Hoàng, họ Nguyễn tên Chí Thành"*. Ngài bản tính ham học hỏi, thường đi du lãm khắp nơi. Một ngày đến chùa Thiên Phúc, ngài được Thiền sư Từ Đạo Hạnh yêu mến, thu nhận đi theo. Qua 17 năm trời khổ cực, ngài được Thiền sư Từ Đạo Hạnh ban tâm ấn, cho tên là Minh Không. Khi vua Lý Thần Tông mắc bệnh lạ, các lương y trong thiên hạ đều bất lực, vô phương cứu chữa. Ngài ra tay, bệnh tình nhà vua mới khỏi hết. Ngài được nhà vua phong làm Quốc sư, cho thuế vài trăm hộ để tưởng thưởng.

Đó là những dữ liệu lịch sử ghi nhận về Thiền sư Nguyễn Minh Không. Sang huyền thoại về ngài, có nhiều dã sử và truyền thuyết dân gian xung tụng. Trước hết là sự tích quan hệ giữa ngài và Thiền sư Từ Đạo Hạnh. Lĩnh Nam chích quái viết: *"Xưa ở làng Đàm Xá, huyện Đại Hoàng, đất Trường An, có người tên là Nguyễn Chí Thành ở chùa Quốc Thanh, hiệu là Minh Không quốc sư, lúc ít tuổi đi du học, gặp Đạo Hạnh, học được đạo pháp, trải hơn mười năm"*. Theo tích này thì ngài là đệ tử của Thiền sư Từ Đạo Hạnh, được Thiền sư Từ Đạo Hạnh truyền cho đạo pháp. Việt điện u linh lại nêu một thuyết khác, đó là giữa ngài, Thiền sư Từ Đạo Hạnh và Thiền sư Giác Hải là bạn bè. Cả ba người cùng nhau học được linh pháp. Ban đầu do có chút hiểu lầm nên bất hòa, sau đó hiểu lầm được hóa giải, ba người kết nghĩa anh em. Đạo Hạnh làm anh cả, Minh Không làm anh thứ, Giác Hải làm em út, cùng nhau trao đổi phép tiên. Còn theo Thiên uyển tập anh thì Thiền sư Từ Đạo Hạnh và ngài đều thuộc dòng pháp Tỳ Ni Đa Lưu Chi, tuy nhiên, Thiền sư Từ Đạo Hạnh thuộc thế hệ thứ mười hai, và là thầy của ngài.

Thứ hai là sự tích ngài chữa bệnh cho vua. Các truyền thuyết đều đề cập đến chi tiết vua Lý Thần Tông bị bệnh lạ, lông tóc mọc dài, thân thể rất đau đớn. Các lương y giỏi nhất đã dùng đủ mọi cách mà vẫn bất lực. Triều đình đang tuyệt vọng thì nghe trẻ con hát rằng: *"Dục trị thiên tử bệnh, tu đắc Nguyễn Minh Không"* (Nghĩa là: Muốn chữa bệnh thiên tử, phải tìm Nguyễn Minh Không). Sứ giả được lệnh tức tốc lên đường. Khi gặp được ngài, quan quân mệt mỏi rã rời, ngài bèn lấy nôi nhỏ nấu cơm cho ăn, lạ kỳ thay mọi người ăn mãi vẫn không hết. Đêm hôm đó, ngài bảo lính thuyền cứ ngủ say. Sáng hôm sau, thuyền đã về đến kinh sư, ai nấy đều lấy làm kính phục. Vào triều kiến thiên tử, quần thần thấy ngài y phục quê mùa nên xem thường. Ngài bèn lấy một cây đinh dài đóng vào cột điện,

thách ai nhổ ra được. Quần thần không ai dám bước ra, ngài mỉm cười lấy 2 ngón tay kéo cây đinh ra, từ đó không kẻ nào dám coi thường ngài. Ngài sai lấy vạc đựng dầu, đun sôi lên sùng sục, cho tay vào khoảng mấy lần rồi vẩy lên mình vua, tức khắc bệnh vua khỏi hết. Ở sự tích này, Việt điện u linh có thêm chi tiết là Thiền sư Giác Hải phụ trợ bên ngài để làm phép.

Thứ ba là sự tích tổ nghề đúc đồng. Thiền sư Nguyễn Minh Không được dân gian suy tôn là ông tổ nghề đúc đồng. Truyền thuyết lưu truyền rằng ngài là người có công đúc nên *"Tứ đại khí"* nổi danh thời Lý: Tháp Báo Thiên, chuông Quy Điền, tượng Phật Quỳnh Lâm, vạc Phổ Minh. Nhiều làng nghề đúc đồng nổi tiếng như làng Chè, Ry (Thanh Hóa), làng Tống Xá (Nam Định), Lò Đúc, Ngũ Xã (Hà Nội)... đều thờ Thiền sư Nguyễn Minh Không làm tổ nghề. Hội hè hàng năm đều có nghi thức tế rước ngài một cách long trọng với mong muốn được ngài chở che, phù hộ làng nghề phát triển, no ấm. Một hoạt động khá độc đáo ở hội Chợ Viêng (Nam Định) hay hội Ngũ Xã (Hà Nội) gắn với sự tích tổ nghề đúc đồng của Thiền sư Nguyễn Minh Không, đó là cứ đến hội người dân thường bày bán đồ đồng để tưởng nhớ đến ngài. Theo quan niệm dân gian, người nào mua được món đồ đồng ưng ý tại hội về nhà thì sẽ có lộc suốt cả năm.

Ngoài ra cũng cần lưu ý, truyền thuyết về Thiền sư Nguyễn Minh Không đôi khi có sự đồng nhất với Thiền sư Dương Không Lộ. Nam ông mộng lục của Hồ Nguyên Trừng nêu chi tiết Nguyễn Minh Không tu ở ngôi chùa có tên là Không Lộ. Không Lộ thiền sư ký ngữ lục lưu giữ tại chùa Keo (Thái Bình) thuật lại tiểu sử Dương Không Lộ, chỉ khác tên họ, quê quán, còn lại sự tích hoàn toàn trùng khớp với Nguyễn Minh Không. Theo Thánh tổ thực lục diễn ca cũng tại chính chùa Keo (Thái Bình) lại nói Không Lộ là pháp hiệu của Nguyễn Minh Không. Xét trên góc độ học thuật, thân thế hai vị Thiền sư phần nào đã được các nhà nghiên cứu làm rõ. Tuy nhiên, trong tâm thức dân gian, đặc biệt tại các nơi thờ tự, tách biệt về sự tích giữa Thiền sư Nguyễn Minh Không và Thiền sư Dương Không Lộ thường mờ nhạt, trong nhiều trường hợp đã được hòa làm một.

2. Một số lễ hội Phật giáo tiêu biểu ở miền Bắc có liên quan

Với đức hạnh và công nghiệp cao cả, Thiền sư Nguyễn Minh Không được thờ tự ở nhiều đền chùa trên khắp cả nước. Trong số các chùa thờ ngài, tập trung nhiều tại các địa phương miền Bắc, tiêu biểu như chùa Viên Quang (Ninh Bình), chùa Keo (Thái Bình), chùa Cổ Lễ (Nam Định), chùa Ngũ Xã (Hà Nội), chùa Trông (Hải Dương), chùa Quỳnh Lâm (Quảng Ninh). Cũng tại các chùa này, hàng năm đều có mở hội tưởng nhớ và tôn vinh công đức ngài.

Lễ hội chùa Viên Quang

Tích xưa truyền rằng, Thiền sư Nguyễn Minh Không sau khi đắc đạo đã trở về quê hương Đàm Xá dựng ngôi chùa nhỏ gọi là chùa Viên Quang, nay thuộc địa phận hai xã Gia Thắng, Gia Tiến, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình. Ngài đã tu trì Phật pháp tại đây cho đến lúc viên tịch. Nhân dân



Chùa Keo - Thái Bình
Ảnh: Quang Bào

về sau đã biến chùa Viên Quang thành nơi thờ tự ngài (còn gọi là đền Thánh Nguyễn), được xưng tụng là một trong "Hoa Lư tứ trấn".

Tự hào là mảnh đất xuất sinh Thiền sư Nguyễn Minh Không, cứ đến ngày mồng 6, mồng 7/3 Âm lịch, hội chùa Viên Quang lại được diễn ra. Phần lễ trang trọng với nghi thức dâng hương chư Phật, tế rước Đức Thánh Nguyễn là Thiền sư Nguyễn Minh Không. Phần hội nhộn nhịp với nhiều trò chơi dân gian đặc sắc. Có một chi tiết đậm màu huyền hoặc trong lễ hội là người dự hội sẽ được chiêm ngưỡng cây đèn đá cao hơn một mét, tương truyền khi Thiền sư Nguyễn Minh Không ngồi thiền tịnh, cây đèn đá này tự nhiên mọc lên, ánh đèn sáng tỏ tới tận trời cao, chim thú theo đó mà kéo về chầu tụ xung quanh.

Lễ hội chùa Keo

Chùa Keo còn có tên chữ là Thần Quang tự, nằm ở địa phận xã Duy Nhất, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình. Đây được đánh giá là một trong những ngôi chùa cổ nhất Việt Nam với lịch sử gần 400 năm. Theo Thánh tổ thực lục điển ca lưu giữ ở chùa thì ban đầu chùa có tên gọi là Nghiêm

Quang tự, sư tổ của chùa chính là Lý Triều Quốc Sư: Thiền sư Nguyễn Minh Không (pháp hiệu là Không Lộ). Nhằm suy tôn và tưởng nhớ tới ngài, lễ hội chùa Keo hàng năm được diễn ra từ ngày 13 đến ngày 15/9 Âm lịch với nhiều nghi lễ tôn giáo và tập tục cổ truyền.

Phần lễ của hội chùa Keo bắt đầu từ sáng ngày 13/9 với nghi thức dâng hương tế bái tại ban thờ sư tổ cùng chư Phật. Tiếp sau là nghi thức rước kiệu quy mô lớn, phụng lại các sự tích giúp vua giúp nước của sư tổ xưa. Đi đầu đám rước là đôi ngựa hồng, ngựa bạch với đầy đủ yên cương, chân ngựa có 4 bánh, do các trai làng khỏe mạnh kéo. Theo theo là 8 lá cờ thần, có đội bát bửu, lỗ bộ cùng 42 người vác đồ tế khí hộ tống. Kiệu thánh là cỗ kiệu bát cống uy nghi, hai bên là những người cầm quạt che kín. Đám rước với hàng nghìn người tham dự, mô phỏng sự tích nhà vua mời ngài vào cung chữa bệnh. Chiều ngày 14, tại tòa Giá Roi thực hiện nghi lễ chầu thánh. Ngày 15, đám rước hoàn cung.

Phần hội chùa Keo đáng chú ý với nhiều trò chơi dân gian cùng các hoạt động biểu diễn nghệ thuật độc đáo. Chiều ngày 13 diễn ra các cuộc thi bơi chải, sôi động, gợi

nhớ lại tích ngài làm phép đưa thuyền về kinh sư trong một đêm. Tối ngày 13 còn có thêm các cuộc thi kèn, trống. Chiều ngày 14, hội lại rộn ràng với các điệu múa chèo cạn, múa "éch vớ" mang đậm chất phóng khoáng của vùng dân cư ven sông nước. Song song với những hoạt động hội ngoài trời, bên trong chùa cũng nhộn nhịp với các cuộc thi diễn xướng về đề tài: hương, đăng, hoa, trà, quả, thực. Qua 3 ngày 3 đêm, lễ hội chùa Keo đã thể hiện được tấm lòng thành kính của người dân nơi đây đối với Thiền sư Nguyễn Minh Không - vị Thiền sư có nhiều công lao giúp dân giúp nước thời nhà Lý. Đồng thời qua đó cũng phản ánh thêm nét sinh hoạt tín ngưỡng cộng đồng của nền văn hóa nông nghiệp đồng bằng Bắc Bộ.

Lễ hội chùa Cổ Lễ

Dù ai buôn bán trăm nghề

Mười tư tháng Chín thì về hội Ông

Hội Ông hay chính là hội chùa Cổ Lễ, nhằm để tưởng nhớ tới Thiền sư Nguyễn Minh Không. Hội được diễn ra từ ngày 13 đến 16/9 Âm lịch tại chùa Cổ Lễ, thuộc địa phận thị trấn Cổ Lễ, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định. Tương truyền vào thế kỷ XII, Thiền sư Nguyễn Minh Không tu thành chính quả đã về đây dựng chùa. Trong suốt thời gian trụ trì chùa Cổ Lễ, ngoài tu giảng Phật pháp, ngài còn bốc thuốc chữa bệnh giúp dân, đúc nên "Tứ đại khí" lừng danh, được người dân ca tụng, tôn xưng ông tổ nghề đúc đồng.

Hội chùa Cổ Lễ được đánh giá là một trong những lễ hội truyền thống còn bảo lưu được nhiều giá trị văn hóa cổ truyền. Phần lễ có các nghi thức dâng hương cúng Phật, tế rước Thánh sư tức Thiền sư Nguyễn Minh Không. Lễ rước chính được tổ chức vào 14/9 Âm lịch - tương truyền là ngày Thánh Đản sinh. Đám rước kiệu Thánh từ chùa vòng đi quanh làng. Dẫn đầu là đội múa lân sư mở đường, đi sau là đội tế nam quan, nữ quan, nghi trượng, bát bửu, biểu lệnh. Đặc biệt, một bảo vật rất có giá trị ở chùa Cổ Lễ, khẳng định niềm tự hào về vị Thánh sư đúc đồng của tín đồ, Phật tử và người dân nơi đây là quả chuông cao hơn 4m, nặng 9 tấn, được đúc với nhiều họa tiết tinh xảo.

Phần hội ngoài các trò chơi dân gian như đấu vật, cờ người, tổ tôm, múa rối nước thì đặc sắc nhất là hội thi bơi chải. Đây là hoạt động diễn ra trong suốt thời gian tổ chức lễ hội, kỷ niệm sự tích Thiền sư Nguyễn Minh Không xuôi theo đường thủy lên kinh chữa bệnh cho vua Lý Thần Tông. Theo quan niệm dân gian tại hội chùa Cổ Lễ thì "Hễ mà bơi chải râm rạn; Thánh cho đôi chữ bình an đời đời" nên các cuộc thi tài vô cùng sôi động và quyết liệt. Chải được nhà chùa phối hợp cùng ban tổ chức mời các nghệ nhân lành nghề đóng. Các hộ tham gia tuyển chọn trai tráng tập luyện, chuẩn bị đầy đủ trang phục, dụng cụ thi đấu. Chiều 12/9 Âm lịch các hộ tổ chức rước kiệu lên chùa hầu Thánh, trên cạn là kiệu rước, đội bát âm, dưới nước có các đội bơi chải, gọi là nghi thức "bơi chầu Thánh". Sáng 13/9 Âm lịch, sau khi nhà sư trụ trì chùa Cổ Lễ làm lễ tẩy uế các chải, hội bơi chải chính thức được bắt đầu. Trên mỗi chải có khoảng 16 người, gồm 12 tay bơi, 1 người lái,

1 tay mô, 1 tay cờ và 1 tay tát nước. Các chải phân biệt qua màu sắc xanh, đỏ, tím, vàng. Trong 4 ngày hội (13 - 16), mỗi ngày các chải thi đấu 4 vòng quanh sông, thành tích được tính theo điểm số quy định. Chải thắng cuộc là chải có sự phối hợp nhịp nhàng, khéo léo nhất giữa các thành viên. Năm nào chải của họ nào thắng thì cả họ năm đó tin rằng sẽ được Thánh phù hộ cho may mắn.

Lễ hội chùa Ngũ Xã

Chùa Ngũ Xã hay còn gọi là chùa Thần Quang thuộc địa phận làng Ngũ Xã, vốn nổi tiếng với nghề đúc đồng đất Thăng Long xưa, nay là phố Ngũ Xã, phường Trúc Bạch, quận Ba Đình, Hà Nội. Theo bia Thần Quang tự bi ký tại đây thì chùa có niên đại từ thế kỷ XVIII, thờ Phật cùng Thiền sư Nguyễn Minh Không - được dân làng Ngũ Xã xưng tụng là Đức Thánh Tổ Thành Hoàng, tổ sư nghề đúc đồng. Tên gọi Thần Quang tự của chùa được đặt theo tên chữ chùa Keo (Thần Quang tự) ngôi chùa gốc thờ Thiền sư Nguyễn Minh Không ở Thái Bình.

Hàng năm, cứ đến ngày mồng 1/11 âm lịch, chùa Ngũ Xã lại cùng với dân làng mở hội tưởng nhớ vị tổ nghề đúc đồng - Thiền sư Nguyễn Minh Không. Hội Ngũ Xã gắn với truyền thuyết trâu vàng hồ Tây, truyện xưa kể rằng khi Thiền sư Nguyễn Minh Không ra Thăng Long có đúc một quả chuông đồng. Chuông đúc xong đánh lên tiếng vang rất xa. Trâu vàng trong kho của nhà Tống bên Trung Quốc nghe thấy tiếng chuông mẹ gọi bèn vùng lên chạy sang. Sợ hai nước vì thế mà hiểu lầm, sinh ra chiến tranh nên Thiền sư Nguyễn Minh Không cho đẩy chuông xuống hồ, trâu vàng theo đó cũng nhảy xuống rồi lặn mất. Chùa Ngũ Xã hiện nay còn lưu giữ một pho tượng Phật A Di Đà bằng đồng tọa trên đài sen cao gần 4m, nặng hơn 10 tấn, là kiệt tác đúc đồng của nghệ nhân Ngũ Xã, từng được sách kỷ lục Việt Nam năm 2010 ghi nhận là pho tượng Phật A Di Đà bằng đồng lâu đời nhất Việt Nam hiện còn với nhiều giá trị lịch sử và thẩm mỹ quý báu.

Hội chùa Ngũ Xã diễn ra trang trọng với nghi thức dâng hương thỉnh Phật, thỉnh Tổ. Dân làng Ngũ Xã coi đây là lễ giỗ tổ chung của làng, các hộ đều bày soạn cỗ tế với xôi gà, hoa quả thịnh soạn. Phần hội tiếp theo với màn hát văn, quan họ cùng nhiều trò chơi dân gian sôi nổi như đấu cờ, chọi gà. Ngoài ra, du khách tới hội còn được chiêm ngưỡng triển lãm các sản phẩm đúc đồng truyền thống Ngũ Xã như đỉnh đồng, lư hương, hạc, tượng tinh xảo.

Lễ hội chùa Trông

Ấn ban phong tặng Quốc sư

Linh cấp thêm gia Thánh tổ

(Ấn ban phong tặng Quốc sư

Linh thiêng ban thêm Thánh tổ)

Đó là đôi câu đối tại chùa Trông ca ngợi công tích Thiền sư Nguyễn Minh Không. Chùa Trông tên chữ là Hưng Long tự, thuộc địa phận xã Hưng Long, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương. Tương truyền chùa được Thiền sư Nguyễn Minh Không dựng nên vào khoảng thế kỷ XII, đời vua Lý Thần Tông. Sự tích chùa kể rằng, hai làng Hãn Lý, Hào Khê (xã Hưng Long) xưa vốn là một làng, cũng chính là quê

mẹ của ngài. Sau khi ngài chữa khỏi bệnh cho nhà vua đã không màng danh lợi, mà dời gót thiền về đây dựng chùa, rồi hóa trên ngọn núi Tam Viên. Để ghi nhớ công ơn, hàng năm từ 15 đến 26/3 Âm lịch, nhà chùa cùng với nhân dân Hán Lý, Hào Khê lại mở hội tôn vinh Ngài.

Hội chùa Trông diễn ra trang trọng với nhiều nghi lễ tế rước trang nghiêm. Trong đó, quan trọng nhất là các lễ: rước nước (15/3), "xuất đông nhập tây" (20/3) và lễ tế Thánh về trời (26/3).

Lễ rước nước bắt đầu vào ngày 15/3. Đây là nghi lễ xin nước để cầu mong Thánh tổ Nguyễn Minh Không che chở. Ngay từ sáng sớm, người dân trong xã đã tập trung về chùa, đợi có hiệu lệnh của chủ tế sẽ xuất hành ra đê sông Luộc. Tại đây, ban tổ chức bố trí sẵn 2 thuyền rước, vật phẩm mang theo có chước sứ, thau đồng, gạo đồng, bát bửu, trống cái, trống con... Mỗi thuyền chở khoảng 20 người, bơi ra đến giữa dòng sông lấy nước gọi là nước "Thanh thủy", thời gian lấy nước thường vào đúng 12 giờ trưa. Nước sau đó được đưa trở lại chùa, dùng để dâng lên tế lễ, tắm tượng, thay áo mới cho Thánh. Áo cũ thay ra được chia thành nhiều mảnh, với quan niệm là "lộc Thánh" ban cho các giáp.

Qua mấy ngày hội hè rộn rã, đến 20/3, hội tổ chức lễ "xuất đông, nhập tây". Đây là nghi lễ tưởng nhớ ân đức Thánh tổ Nguyễn Minh Không cùng thân mẫu, thân phụ Ngài. Đoàn rước gồm 3 kiệu là kiệu Thánh tổ, kiệu thân phụ và kiệu thân mẫu Thánh. Các kiệu đi theo cung đường "nghinh thần": từ cổng phải chùa (phía đông) ở Hán Lý vòng qua Hào Khê đến cổng Tam Viên (nơi ngài hóa, còn gọi là Mã Thủy) rồi trở về chùa theo cổng trái (phía tây). Tiếp sau đó sẽ tiến hành nghi thức tế Thánh. Theo lệ, tế phẩm phải gồm lục lễ là hương, đăng, hoa, quả, trà, oản. Thời gian tế khoảng 2 đến 3 tiếng, đến cuối buổi tế mới đọc chúc văn.

Kết thúc lễ hội chùa Trông là nghi lễ tế Thánh về trời vào sáng ngày 26/3. Toàn thể tín đồ, phật tử, người dân tham dự thành kính dâng hương trước tượng đức Thánh. Lễ tế được kết thúc trước giờ Ngọ (12 giờ trưa) vì tương truyền rằng đó là giờ thiêng để Thánh về cõi Phật.

Ngoài phần lễ chính, lễ hội chùa Trông còn có phần hội với nhiều hoạt động sôi nổi như hát chèo, múa hoa đăng, chọi gà, vật võ cổ truyền cùng nhiều trò chơi dân gian phong phú, đặc sắc khác.

Lễ hội chùa Quỳnh Lâm

Thuộc địa phận xã Tràng An, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, chùa Quỳnh Lâm nổi tiếng là ngôi chùa cổ, từng được xem là một trong những trung tâm Phật giáo Đại Việt xưa. Tương truyền chùa được khởi dựng cuối thế kỷ V đầu thế kỷ VI thời Tiền Lý. Sang thế kỷ XI-XII, Thiền sư Nguyễn Minh Không từng có thời gian tu tập ở chùa. Ngài đã đúc cho chùa pho tượng Phật Di Lặc bằng đồng nguyên khối, cao hơn 6 trượng - dân gian quen gọi là tượng Phật Quỳnh Lâm, được xưng tụng là một trong "Tứ đại khí" của nước Nam. Ngoài ra tại chùa, ngài còn tạc thêm một tấm bia đá có chiều cao gần 2,5m, bề ngang

khoảng 1,5m. Sang thế kỷ XIV, với sự vận động tích cực của trụ trì chùa lúc đó là Trúc Lâm Nhị Tổ Pháp Loa, chùa Quỳnh Lâm đã trở thành "Đệ nhất danh lam", cơ sở tu tập, truyền kinh, giảng đạo hàng đầu cả nước.

Dẫu qua bao thăng trầm của lịch sử, cứ mồng 1 đến mồng 4/2 Âm lịch hàng năm, chùa Quỳnh Lâm lại mở hội tưởng nhớ đến công ơn hộ quốc tỳ dân, hoàng dương Phật pháp của các vị sư tổ, trong đó, Thiền sư Nguyễn Minh Không là vị sư tổ với nhiều huyền tích xoay quanh. Tượng Phật Quỳnh Lâm ngài đúc hiện chỉ còn trong ghi chép của sử sách, bia đá cao lớn với hoa văn uốn lượn ghi dấu tạc của ngài cũng mai một qua thời gian. Nhưng trong tâm thức dân gian, tới lễ hội chùa Quỳnh Lâm, tín đồ, phật tử và khách hành hương luôn hướng tới Ngài với tấm lòng thành kính nhất. Khai lễ chùa là màn tế rước, dâng hương chư Phật cùng các vị sư tổ. Ngoài tín đồ, phật tử và du khách, các làng của xã Tràng An theo truyền thống cũng tới chùa tế bái. Ai nấy đều trang nghiêm, cầu mong cho tâm hồn luôn được an lạc, thanh thản.

Tiếp sau phần lễ là phần hội chùa với những nét văn hóa đặc sắc. Các chương trình nghệ thuật chọn lọc, nhiều trò chơi dân gian độc đáo, kèm theo là những hoạt động thể thao sôi nổi, đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí của mọi người. Lễ hội chùa Quỳnh Lâm có thể nói là sự hài hòa giữa truyền thống tôn giáo mà cụ thể ở đây là Phật giáo với truyền thống văn hóa dân tộc, được biểu hiện rõ nét qua hành tích, công nghiệp của vị sư tổ - Thiền sư Nguyễn Minh Không.

Ngoài những lễ hội Phật giáo tiêu biểu ở miền Bắc có liên quan tới Thiền sư Nguyễn Minh Không đã nêu trên, còn một số lễ hội Phật giáo khác có liên quan tới Ngài, trong khuôn khổ quy định của bài viết chúng tôi chưa có điều kiện để cập được hết. Hy vọng có dịp trở lại, chúng tôi sẽ trình bày vấn đề được đầy đủ và chi tiết hơn.

3. Đôi lời kết

Thiền sư Nguyễn Minh Không - Một nhân vật Phật giáo được nhân dân nhớ ơn, xưng tụng như một vị tổ sư nghề đúc đồng, biểu hiện qua nhiều lễ hội Phật giáo tôn vinh. Các sự tích về Ngài mang đậm nét văn hóa kết tinh giữa tinh hoa Phật giáo với tín ngưỡng cổ truyền, được tái hiện sinh động trong các nghi thức lễ hội: Đám rước kiệu long trọng - tưởng nhớ tích nhà vua mời ngài lên kinh chữa bệnh; hội bơi chải - tưởng nhớ tích ngài hóa phép cho thuyền tới Thăng Long trong một đêm; lễ tế Thánh sư - tưởng nhớ tích ngài đúc nên Tứ đại khí, ông tổ nghề đúc đồng nước Nam.

Các lễ hội Phật giáo tiêu biểu ở miền Bắc có liên quan tới Thiền sư Nguyễn Minh Không bên cạnh ý nghĩa biểu hiện tấm lòng tôn kính, ngưỡng vọng ngài của tín đồ, phật tử và người dân, còn là minh chứng cụ thể cho lịch sử gắn bó, đồng hành cùng dân tộc qua hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước của Phật giáo Việt Nam. Về giá trị văn hóa, hoạt động lễ hội còn góp phần phản ánh thêm nét sinh hoạt tín ngưỡng cộng đồng của cư dân nông nghiệp vùng đồng bằng Bắc bộ.



TẾ LỄ THẾ NÀO MỚI ĐÚNG PHÁP

● Thích Huệ Sĩ

Theo bài kinh Kutadanta, kinh Trường bộ, tập 1. Khi Phật ở tại một làng Khànumata thuộc Magadha, của người Bà-la-môn tên Kútadanta. *"Lúc bấy giờ, một đàn tế lớn đang được thiết lập cho Bà-la-môn Kútadanta, bảy trăm con trâu đực, bảy trăm con nghé đực lớn, và bảy trăm con nghé cái lớn, bảy trăm con dê và bảy trăm con cừu đã được dắt đến trụ tế lễ cho đàn tế"*.

Khi người Bà-la-môn này chuẩn bị lễ tế đầu vào đây thì hay tin Phật đến làng. Vì muốn cho lễ tế được thành công mỹ mãn nên ông muốn đến gặp Phật để được tham vấn. Ban đầu mọi người ngăn không cho ông đi vì sợ ảnh hưởng đến sự cao quý của dòng tộc ông nhưng ông cố thuyết phục mọi người. Cuối cùng ông đã thuyết

phục được họ và cùng nhau đến gặp Phật. Sau khi đưa ra những ý tưởng và những câu hỏi, ông được Phật dùng hình ảnh lễ tế đàn quá khứ để chỉ cho ông biết về cách tế đàn và lợi ích của nó.

Trong cuộc tế lễ thì người chủ tế phải trong sạch, Quốc vương phải được trong sạch, và đặc biệt là không có sự hối tiếc trước, đang và sau khi tế lễ. Muốn cho lợi ích cuộc tế lễ lớn hơn thì *"Hãy tổ chức tế đàn một cách khiến nội tâm được an vui hoan hỷ"* và *"trong lễ tế đàn này, không có trâu bò bị giết, không có dê cừu bị giết, không có gà heo bị giết, không có loại sinh vật nào khác bị sát thương, không có cây cối bị chặt làm trụ để tế lễ... những người nô bộc hay người đau tin hay những người làm thuê không bị dọa nạt"*

bởi hình phạt... Tế đàn nay hoàn thành chỉ với dầu, sanh tô, thực tô, mật, đường miếng".

Qua đoạn trích trên ta thấy tế đàn trên là tiêu biểu cho tế đàn của thời quá khứ mà chính đức Phật là người chủ tế. Nó cũng là lời nhắc nhở cho những người đương thời tổ chức tế đàn như vậy là đúng pháp. Vì ngoài sự trong sạch của người chủ tế, người đứng ra tổ chức, thì yếu tố kế đến là mọi người tham gia buổi tế phải hoan hỷ. Vì có hoan hỷ thì kết quả mới được thành công một cách tốt đẹp nhất. Và thêm các yếu tố quan trọng nữa là trong lễ tế không có sinh vật bị giết, không có người khác bị sợ hãi. Vật tế là những món đồ làm từ thực vật hay ít nhất là những vật thực không tổn hại đến sanh mạng của chúng sanh như những tế đàn đương thời.

Vì khi một tế lễ không có sự giết chóc, không có người bị tổn thương chính là thể hiện tính từ bi, bình đẳng tôn trọng mạng sống của nhau. Và đây cũng nói lên tinh thần bình đẳng của đức Phật không giới hạn ở loài người mà còn lan toả khắp chúng sanh vạn loại. Vì nếu tình thương của đức Phật chỉ giới hạn với loài người thì những chúng sanh khác sẽ không hưởng được giáo lý giải thoát của Ngài. Và tinh thần bình đẳng của Ngài sẽ chỉ dừng lại một giới hạn nào đó. Như vậy, Phật giáo khác với tôn giáo đương thời, ngoài yếu tố con người, Phật giáo còn quan tâm đến chúng sanh khác.

Cũng trong lời dạy về tế đàn, Phật cũng đưa ra một số cách làm ít tốn kém, ít phiền não nhưng lại có kết quả thiết thực hơn như là: bố thí, cúng dường, xây dựng tịnh xá, Quy y, giữ Giới,... Trong những yếu tố trên thì yếu tố "giữ giới" có liên quan gián tiếp đến sự bình đẳng của chúng sanh.

Vì trong các giới mà Phật đã chế, đối với người Phật tử thì không sát sanh nằm trong năm Giới căn bản. Còn đối với người xuất gia không sát sanh nằm trong bốn Giới trọng. Mà trong bài kinh Sa môn quả thuộc Trường bộ kinh, tập 1 cũng có đề cập về vấn đề này như sau: "Đại vương! Thế nào là Tỷ kheo giới hạnh cụ túc? Ở đây, này Đại vương, Tỷ kheo từ bỏ sát sanh, tránh xa sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tầm quý, có lòng từ, sống thương xót đến tất cả hạnh phúc của chúng sanh và loài hữu tình. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật". Hay trong kinh Trường bộ, tập 2, bài kinh Giáo thọ Thi-ca-la-việt cũng dạy rằng: "Sát sanh và trộm cắp, nói láo, lấy vợ người, Kê trí không tán thán, Những hạnh nghiệp như vậy".

Qua đó, nếu một con người biết tuân thủ giới không sát sanh, ngoài ý nghĩa thể hiện lòng từ bi, tránh oán thù vay trả ở kiếp sau mà nó còn thể hiện tính tôn trọng các mạng sống các loài vật khác. Với việc sát sanh, trộm cắp, nói dối, lấy vợ người,... là việc làm người trí không khen ngợi. Ở đây, tầm quan trọng của việc không sát sanh được đức Phật đặt lên hàng đầu khi dạy cho người Phật tử, mà trong bài kinh này Phật dạy cho người gia chủ Thi-

ca-la-việt. Điều này mang một ý nghĩa là tất cả chúng sanh đều có quyền được sống như nhau.

Nếu người nào sau khi sát sanh mà tinh thần hoan hỷ thì đức Phật gọi đó là người ngu si. Không những rời xa sự yếm ly, ly tham, tịch diệt, an tịnh, thắng trí giác ngộ và Niết-bàn mà còn phải chịu luân hồi trả vay do sát nghiệp mình gây ra. Và sát sanh chính là coi thường mạng sống của kẻ khác, tạo ra sự bất bình đẳng về luật sống giữa các chúng sanh với nhau.

Vì vậy thông qua hình ảnh các lễ tế đàn mà Phật cho là đúng pháp. Nếu ai thực hành theo sẽ được lợi ích cho chính bản thân họ và lợi ích cho những chúng sanh không phải chết vì các tế đàn vô nghĩa. Nếu vì sức khỏe, hay vì một lợi ích nào đó cho bản thân gia đình mà giết hại sanh vật khác để cúng tế thì mất đi ý nghĩa bình đẳng về quyền được sống giữa chúng sanh với nhau. Còn về mặt đạo đức tâm linh, giết đi một sinh mạng để cầu mong sự an lành cho sinh mạng khác là đều không thể, đôi khi còn mang kết quả ngược lại.

Như vậy, tế lễ mà Phật muốn nói đến là tế lễ mà mọi người khi tham dự đều được hạnh phúc, an lạc.

Ảnh: Thích Giác Thông



RỒNG THỜI LÝ VÀ BIỂU TƯỢNG PHẬT GIÁO

● Lý Viết Trường

Trong lịch sử mỹ thuật Việt Nam rồng (con rồng) là hình tượng nghệ thuật rất phổ biến, hình tượng con vật này luôn gắn bó với ý thức và lý tưởng của thời đại đã sinh ra nó. Thời Lý Phật giáo Việt Nam phát triển đến đỉnh cao, vì vậy hình tượng con rồng cũng mang những biểu hiện của mỹ thuật Phật giáo, điều này đã được chứng minh qua những di vật khảo cổ và lịch sử đã được phát hiện.

1. Nguồn gốc con rồng

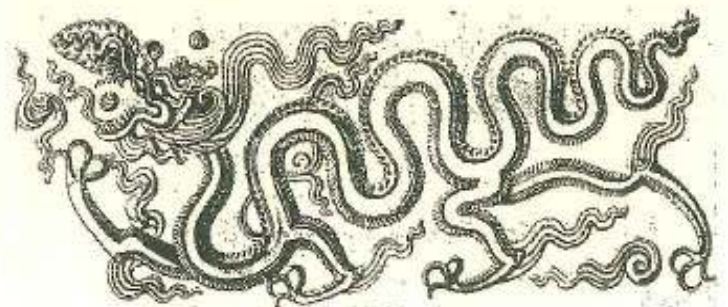
Có nhiều quan điểm khác nhau về nguồn gốc con rồng, cụ thể: Theo ông Văn Tân thì nguồn gốc của rồng Việt có thể được sinh ra từ cá sấu cụ thể trong tạp chí nguyên cứu lịch sử có viết "Đầu tiên Tô-tem của người Việt có thể là một giống rắn nào đó - một giống bò sát nào đó. Giống rắn này có thể lớn và có mào, lại có thể có cả chân, ít nhiều điểm giống con rồng. Người Việt Nam xưa vẫn cho là một giống rắn thân thân dài, mào đỏ chói. Nhiều làng ở Việt Nam xưa đã thờ giống rắn thần đó (Kim Hoàng, Hậu Ái...)", ông Văn Tân lại tiếp tục chứng minh nguồn gốc con rồng từ cá sấu "Ngờ rằng con Giao Long mà người Việt xưa xăm vào mình có lẽ là con cá sấu". Cùng quan điểm với ông Văn Tân thì có Gs.Phạm Huy Thông, Gs.Hà Văn Tấn "Như vậy theo chúng tôi, hình hai con cá sấu được cách điệu hài hòa giao nhau trên búa đồng Đông Sơn là hình của con Giao Long. Phải chăng đây là hình tượng con rồng đầu tiên trong lịch sử nghệ thuật Việt Nam". Tuy nhiên các quan điểm thể hiện ở những mức độ khác nhau Gs.Phạm Huy Thông viết "Chúng ta chưa khẳng định mười mươi rằng con rồng có tiền thân từ con cá sấu Đông Nam Á. Nhất là động vật học chưa xác định sự tồn tại của cá sấu ở vùng biển Bắc Bộ".

Chu Quang Trứ dựa vào hình thuyền trên trống và thạp đồng (nhất là thạp Đào Thịnh) có dáng dấp hình con rắn và con cá sấu để giải thích về nguồn gốc con rồng: "Phải chăng những loại trùng và hình thuyền trên (trên trống và thạp - LVT) đã gọi lên bóng dáng đầu tiên của con rồng Việt Nam, mà thiên thần thoại Lạc Long Quân nhắc đến dưới cái tên Giao Long"



Hình cá sấu giao nhau và thuyền hình cá sấu trên thạp đồng Đào Thịnh (Yên Bái)

Nhà sử học Ngô Sĩ Liên có quan điểm cho rằng con rồng có truyền thống lâu đời cụ thể truyền thuyết Con rồng cháu tiên quan niệm rằng Lạc Long Quân là dòng dõi nhà rồng "Ta là giống rồng, nàng là giống tiên, thù hỏa khắc nhau, chung hợp thật khó" vì vậy họ đã chia nhau 50 con theo cha về Nam Hải, 50 con về với mẹ. Còn tác giả



Rồng thời Lý

Hoàng Lương lại ý kiến cho rằng con Giao Long không phải xuất phát từ loài cá sấu “Cho nên chúng tôi ngờ rằng con Giao Long của người Việt xưa kia thờ không phải là con cá sấu mà là một loài chằn nước cổ đại (python) có rất nhiều ở các sông ngòi Việt nam xưa kia”. Tác giả Lê Thanh Tịnh lại cho rằng con rồng thực chất là một loài rắn mà thời “Theo chúng tôi, có thể rồng cũng chỉ là rắn được cách điệu và thần thánh hóa mà thôi. Gần đây, theo ý kiến của một số con nhà khoa học trên thế giới thì rồng chỉ là một thứ rắn biển đã dần dần bị tiêu diệt và quá xa lạ đối với chúng ta ngày nay”. Còn tác giả Phạm Huỳnh Hương Trang thì khẳng định cá sấu là Lạc Long Quân và rồng thành các loại sau:

1. Rồng cá sấu
2. Rồng sấu rắn
3. Rồng rắn với đầu cá sấu
4. Rồng mè, dựa trên một mảnh sành ở Bắc Ninh hình dáng rồng Đại Việt
5. Rồng thời Ngô, dựa vào hình trên một viên gạch phát hiện ở Cổ Loa
6. Rồng đầu sư tử, dựa vào đồng tiền Cảnh Thịnh
7. Rồng thời Nguyễn

Tuy nhiên theo PGs. Hoàng Văn Khoán thì ở trên tác giả Hương Trang đã không thống nhất về cách phân loại, một số thì theo hình dáng, một số lại theo triều đại. Tư liệu đưa ra không căn cứ như: miếng sành có con rồng mè lấy ở di chỉ nào, niên đại ra sao?, rồng Ngô trên viên gạch Cổ Loa nhưng địa bàn Cổ Loa rất rộng, có nhiều địa điểm với niên địa khác nhau, vậy viên gạch đó thuộc thời kỳ nào... Tác giả đã bỏ sót nhiều tư liệu cơ bản. Vì vậy độ tin cậy thấp.

Theo Nguyễn Văn Hiệu thì rồng là vật tổ của dân tộc: “Vật tổ của dân tộc ta là con cá sấu. Lạc Long Quân là cha rồng của dân tộc ta”. Tuy nhiên quan điểm trên này khó có thể trả lời được câu hỏi: Nếu rồng Việt xuất hiện từ thời Lạc Long Quân vậy tại sao trong suốt thời kỳ bắc thuộc lại

không thấy xuất hiện bóng dáng con rồng?

Tôi đồng ý với quan điểm của PGs. Ts Hoàng Văn Khoán rằng con rồng có từ thời Lý và gắn với truyền thuyết về việc nhà vua gặp rồng vàng bay lên trong khi đang dờn dờn từ Hoa Lư ra Đại La: “Con rồng xuất hiện sớm nhất là con rồng thời Lý. Lý Công Uẩn lên làm vua, thấy Hoa Lư chật hẹp bèn quyết định dời đô về Đại La. Trên đường đi, Lý Thái Tổ thấy một đám mây vàng bay lơ lửng, nhà vua cho là điềm tốt, bèn đặt tên cho thủ đô mới là Thăng Long. Các nhà mỹ thuật đương thời sáng tác một con rồng đang bay theo ý tưởng của vua là Thăng Long – Rồng bay lên”.



9 con rồng phun nước tắm cho Phật

Gạch trang trí chạm hình rồng cuốn và đài sen



2. Đặc điểm con rồng thời Lý

Con rồng thời Lý có những nét đặc trưng riêng có thể phân biệt được với con rồng của các thời khác, cụ thể:

Đầu rồng thời Lý

Mào, mũi và bờm là những bộ phận được cấu tạo rất sinh động bằng những đường nét rất tự nhiên. Mào chòm lấy toàn bộ môi trên và quện với răng nanh xoắn hình đám mây bóng bẩy đang bay. Bờm tỏa ra từ sau gáy hướng về phía sau lưng trong tư thế phấp phới như có gió thổi. Túm râu con rồng mềm mại như làn sóng hướng về phía trước thu nhỏ lại. Mũi rồng là những đường cong xếp chồng nhau tạo ấn tượng về nguồn nước. Miệng thường nhe ra để lộ hai hàm răng đang ngậm hoặc vươn ngọc. Râu và mào rồng hướng về phía trước tạo nên một hình ảnh giống chiếc lá bồ đề.

Thân rồng thời Lý

Thân rồng Lý có nét nổi bật không thời nào có đó là thân rồng hình tròn lẳn, da trơn, to từ cổ nhỏ dần đến đuôi, không có vảy. Thân rồng thường có 11 đến 13 khúc, các khúc có cung độ đều nhau và uốn lượn hình thắt miệng túi đáy tròn, miệng thắt nhỏ hơn.

Thân rồng trong tư thế mềm mại tự nhiên như đang bay, có lẽ do nguồn gốc xuất thân đã quy định đến đặc điểm này của con rồng.

Chân rồng thời Lý

Rồng có 4 chân. Chân rồng thời Lý có loại có 2 loại là loại 3 móng vuốt và loại có 5 móng vuốt. Dù loại có 3 móng vuốt hay 5 móng vuốt cũng đều nhỏ nhắn, có 3 đốt và có móng vuốt sắc như móng chim. Ở khuỷu chân có một cụm lông hình chòm mây bay về phía sau mềm mại.

3. Yếu tố Phật giáo trong con rồng thời Lý

Rồng gắn với đạo Phật

Thích Ca Mâu Ni sinh vào khoảng 565 - 485 TCN, theo Phật giáo Nam truyền thì Ngài sinh khoảng 624 - 544 TCN hoặc khoảng 623 - 543 TCN. Thích Ca Mâu Ni là người sáng lập ra Phật giáo. Vốn tên gọi là Tất Đạt Đa, họ Kiều Đạt Ma, thuộc dòng họ sắt để lợi. Đức Phật có mối quan hệ gắn gũi với con rồng, truyền thuyết kể lại: Khi Ngài

thân thể của nó, bởi lẽ trong nhị hoa sen có chất thanh trùng nên những loài động vật rất kỳ khi đến gần.

3. Tính thanh trùng: Hoa sen có đặc điểm rất hay đó chính là tính khử, nơi nào có sen thì nước ở đó sẽ rất trong bởi lẽ hoa sen có tính khử và lọc nước. Vì vậy người ta thường nuôi sen ở trong ao, hồ... có lẽ là vì đặc tính này.

4. Tính tái sinh: Hoa sen cũng như một vài loài hoa khác thường sẽ tàn và lụi đi vào mùa đông, nhưng mùa xuân lại vươn lên mạnh mẽ. Nhiều hạt sen, củ sen có thể bị trôi vùi dưới đất trong môi trường thích hợp như yếm khí...



Gạch trang trí chạm hình lưỡi long và lá để

nó có thể tồn tại được hàng trăm thậm chí cả ngàn năm, đến khi khơi ra sen vẫn vươn lên mạnh mẽ, điều này thể hiện sức sống dẻo dai trường tồn của sen.

5. Tính thanh tao về hương vị: Hoa sen vừa có hương lại vừa có sắc. Hoa sen thường có 2 màu, màu trắng và hồng. Tuy nhiên hương sen thường thoang thoảng, dịu dàng chứ không nồng nặc, tạo cho người ta có cảm giác an lành khi được ngửi và ngắm loài hoa này.

6. Tính hành trực và ngẫu không: Thân thẳng, từ khi sinh ra thân sen đã mang một đánh hình thẳng. Trong ruột rồng không, rồng không mà đứng vững, rồng không mà vẫn vươn lên kiêu hãnh bất chấp sự đời.

7. Tính bổng thực: Hoa sen khi mới nở đã có gương, cá hạt. Đó là một điều đặc biệt nữa ở hoa sen. Nó thể hiện quy luật nhân quả trong Phật giáo, giao nhân nào gặp quả nấy. Có nhân có quả hiện hữu.

8. Tính hy sinh: Người ta thường dùng lá sen để gói cốm, dùng củ, hoa, lá non, thân sen để làm thức ăn, hạt sen ăn rất ngon... những bộ phận trên sen có thể dùng làm thức ăn.

Vì những đặc tính tốt đẹp trên mà loài hoa này được dùng làm biểu tượng của Phật giáo như: Liên hoan ấn, liên hoa bộ tâm quy, liên hoa điện kinh, liên hoa đặc, liên đài, liên đăng hội yếu, liên hoa bộ tam muội đa ấn, liên hoa hợp chuông, liên hoa lạc, liên hoa lậu, liên hoa ngôn âm, liên hoa niệm tụng, liên hoa phục, liên hoa quyển, liên hoa thai tạng, liên hoa thắng hội, liên hoa tọa...

Con rồng thường được trang trí cùng hoa sen như rồng



Hình rồng dâng sen trên cột đá chùa Dạm

sinh ra, có 9 con rồng phun nước cho ngài tắm, rồi ngày bước lên 7 đóa sen, một loài hoa của Phật.

Rồng gắn với hoa sen (hay còn gọi là liên hoa)

Hoa sen sở dĩ được coi là loài hoa của Phật vì nó có những đặc tính cơ bản sau đây:

1. Tính không nhiễm: Loài sen thường mọc ở những nơi ẩm ướt và có nước như sông, ao, hồ, vũng nước... nhưng thân hoa không hề bị vương bẩn bởi những thứ dơ bẩn của môi trường xung quanh.

2. Tính tinh khiết: Hoa sen có những đặc điểm rất đặc biệt, hoa của nó rất đẹp, thơm và quyến rũ nhưng không hề có một loài động vật có thể lại gần nó, dấy bẩn lên

dâng sen lên Phật, rỗng trên bệ đá hình hoa sen, rỗng trong lá sen... vì vậy có thể nói rằng con rỗng thời Lý có mối quan hệ với Phật giáo.

Rỗng gắn với lá đề

Cây bồ đề dịch âm tiếng Phạn là Bodhidruma hoặc Bodhivrksha hay còn dịch là giác thụ, đạo thụ. Tương truyền đức phật Thích Ca Mâu Ni đã đến gốc cây tất bát la ngồi kết già phu tọa và xây dựng nên các giáo lý chủ yếu của Phật giáo là tứ diệu đế, thập nhị nhân duyên... Tín đồ



Rỗng Lý trên lá đề (ảnh Nguyễn Tào) phật giáo coi cây bồ đề là cây tốt lành.

Trong mỹ thuật thời Lý hình ảnh con rỗng gắn với lá đề rất phổ biến, điều này càng chứng minh con rỗng thời Lý có quan hệ mật thiết với Phật giáo.

Rỗng gắn với chùa chiền

Ở các ngôi chùa hình tượng con rỗng xuất hiện ở nhiều nơi như trên nóc, trên kèo cột, trên cầu thang... mỗi thời hình tượng rỗng lại có một phong cách khác nhau.

Ngôi chùa điển hình của Việt Nam là chùa Diên Hựu, được xây từ thời vua Lý Thánh Tông gắn với giấc mộng gặp Quan Âm ngồi trên tòa sen đến dẫn vua lên đài. Ngôi chùa được xây theo hình một bông sen nở nghìn cách làm tòa sen của Quan Âm.

Trên nóc ngôi chùa thường bao giờ con rỗng cũng mang đặc điểm của triều đại nó được xây, và chùa một cột cũng vậy. Nhưng sau nhiều lần tu sửa hiện nay ta thấy

trên nóc ngôi chùa là con rỗng thời Nguyễn với kiểu song long triều Nguyễn.

4. Kết luận

Như vậy chúng tôi có thể khẳng định rằng con rỗng xuất hiện từ thời Lý với truyền thuyết đời đô của Lý Công Uẩn. Con rỗng thời Lý có những nét khác biệt với con rỗng của các thời sau, điều này được phản ánh qua các bộ phận trên cơ thể của nó như đầu, thân, chân.

Con rỗng thời Lý có mối quan hệ chặt chẽ với Phật giáo, nó đi liền với các hình tượng của Phật giáo như đức Phật, hoa sen, lá đề, chùa chiền... điều đó cũng phần nào thể hiện hệ tư tưởng của thời Lý, một thời đại coi Phật giáo là quốc đạo.

Tuy nhiên có một vấn đề đặt ra ở đây là: Con rỗng có phải ở thời kỳ nào cũng đều gắn liền với Phật giáo hay không? Nếu có thì ở triều đại nào? Nếu không thì từ triều đại nào con rỗng bắt đầu thoát khỏi ảnh hưởng của Phật giáo?

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Văn Hiệu, Từ hình tượng thực của con rỗng Việt Nam đến tên Lạc Long Quân trong tiếng Việt, Tạp chí Khảo cổ học, Số 2, 1983.
2. Hoàng Văn Khoán, Nguồn gốc con rỗng, Thông báo Khoa học, Số 2, 2013.
3. Ngô Sĩ Liên, Đại Việt Sử Ký Toàn Thư, Tập I, Nxb Khoa Học Xã Hội Hà Nội, H.2011.
4. Hoàng Lương, Bàn góp thêm vấn đề Tô - Tem của người Việt nguyên thủy, KCH, Số 5, Tháng 7 năm 1959.
5. Phạm Huy Thông, Về gốc tích con rỗng, Tạp chí Khảo cổ học, Số 1 - 2, 1988.
6. Phạm Huỳnh Hương Trang, Rỗng và tiên trong lịch sử đồ tượng Việt Nam, Tuổi trẻ Chủ nhật, Số 12, 2001.
7. Trang <http://www.hoangthanhthanglong.vn/gach-ngoai-thoi-ly/1348>, cập nhật ngày 20/06/2014.
8. Lê Thanh Tịnh, Một hướng tìm hiểu nguồn gốc ngữ nghĩa của từ tố "lạc", Tạp chí khảo cổ học, số 19, năm 1976.
9. Chu Quang Trứ, Sáng giá Chùa xưa - Mỹ thuật Phật giáo, Nxb Mỹ thuật, 2012.
10. Chu Quang Trứ, Mỹ thuật Lý - Trần, Mỹ thuật Phật giáo, Nxb Mỹ Thuật, 2012.
11. Chu Quang Trứ, Văn hóa Việt Nam nhìn từ mỹ thuật, 2 tập, 2002.
12. Lý Việt Trường, Ý nghĩa hoa Sen trong đạo Phật, Tạp chí Nghiên cứu Phật học, Số 2, 2014.
13. Lao Tử - Tịnh Lê, Từ điển Nho - Phật - Đạo, Nxb Văn học, 2001.



Hòa thượng Tố Liên (1903 - 1977)

Ảnh: Tư liệu

PHẬT GIÁO VIỆT NAM TỪ 1945 - 1954

(TIẾP THEO SỐ TRƯỚC)

● Nguyễn Đại Đồng

2.3. Hội nhập với Phật giáo quốc tế

Sau Hội nghị thành lập Hội Phật giáo Thế giới tại Colombo thủ đô Sri Lanca tháng 6/1950, với nỗ lực hoạt động của Thượng tọa Tố Liên, uy tín của Phật giáo Việt Nam trên trường quốc tế đã được tạo dựng. Ngày 13/5/1951 (8/4 âm lịch), Văn phòng Trung tâm Địa phương Hội Phật giáo Thế giới đặt tại chùa Quán Sứ, Hà Nội khai trương và lễ thượng kỳ Phật giáo thế giới lần đầu tiên cử hành được cử hành tại Việt Nam.

Hội nghị Phật giáo thế giới lần thứ hai, họp tại Đông Kinh (Tokyo), Nhật Bản, tháng 9/1952, đã giúp cho Phật giáo thống nhất Việt Nam một cơ hội biểu dương lần đầu lực lượng của mình.

Phái đoàn Phật giáo Sri Lanca, đi phó hội Đông Kinh có thỉnh theo một viên ngọc xá lợi Phật tổ để tặng nước Nhật và chiếc tàu Pháp La Marseillaise chở phái đoàn phải dừng ở cảng Sài Gòn hai mươi bốn giờ. Hay được tin này, các đại diện Phật giáo Nam Việt liền quyết định tổ chức một lễ cung nghênh long trọng. Dưới danh nghĩa Phật giáo thống nhất, mà từ nay gọi là Phật giáo Việt Nam, một cuộc tập hợp vĩ đại đã diễn ra, trên năm vạn người tham gia, mà chỉ sắp đặt không đầy sáu ngày. Thật là một quang cảnh chưa từng thấy ở Sài Gòn; tuy đông mà vẫn trật tự, người người đều biểu lộ một niềm tin tưởng chí thành. Cuộc biểu diễn êm ái ấy, về sau đã gây được nhiều ảnh hưởng hay. Từ Bắc chí Nam, phong trào chấn hưng

được mọi nơi tiếp đón nồng hậu, khiến cho phạm vi hoạt động càng ngày càng mở rộng, lấn áp một phần nào uy thế của những chi phái tạp nhạp. Từ đó các cơ quan từ thiện, Phật học đường, tư thực Phật giáo và Thanh niên Phật tử được nảy nở thêm và ngày càng thịnh vượng.

Trên phương diện truyền bá giáo lý, nhiều tiến triển cũng quan trọng như thế đã được thu hoạch, và có lẽ sẽ thành tựu hơn nhiều nếu đất nước không bị chia cắt.

CÁC DANH TẶNG VÀ CƯ SĨ TIÊU BIỂU

Hòa thượng Tố Liên (1903-1977)

Ngài tên đời là Nguyễn Thanh Lai, quê làng Quỳnh Lôi, huyện Hoàn Long, tỉnh Hà Đông (nay thuộc quận Hai Bà Trưng, Hà Nội).

Ngài xuất gia năm 13 tuổi, tại chùa Hương Tích, là đệ tử của tổ Thanh Tích. Mặc dù được chọn làm người kế vị chùa Hương Tích nhưng Ngài quyết tâm du phương tham học các nơi đạo tràng danh tiếng như Đào Xuyên, Vĩnh Nghiêm, Tế Xuyên, Bằng Sở, và đã từng trụ trì chùa Côn Sơn, Thanh Mai, Hải Dương. Nhờ giới đức trang nghiêm, trí tuệ minh mẫn và sở học uyên thâm, năm 1936 Ngài được Hội Phật giáo Bắc Kỳ cung thỉnh ra chùa Quán Sứ, Hà Nội để chung lo Phật sự, Ngài đã đóng góp rất nhiều cho Phật học đường Quán Sứ như giảng dạy, chủ sám và giới sư các Đại giới đàn, cùng tham gia tích cực những hoạt động văn hóa xã hội của Phật giáo Bắc Kỳ.

Năm 1945, sau một thời gian dài trụ trì tại chùa Côn Sơn ở huyện Chí Linh, Hải Dương, Ngài lại trở về làm Phật sự tại chùa Quán Sứ. Ngài cùng Thượng tọa Trí Hải, cư sĩ Thiệu Chửu thành lập Tổng hội Cứu tế do ông Nguyễn Văn Tố là Hội trưởng để giúp đỡ những người đói khổ, trẻ mồ côi.

Năm 1949, Ngài thành lập Hội Tăng Ni Chính Lý Bắc Việt, sau đổi tên là Giáo hội Tăng già Bắc Việt (năm 1950) vẫn do Ngài làm chủ tịch, đồng thời giữ chức phó Hội trưởng Hội Việt Nam Phật giáo. Tháng 5 năm 1950, Ngài đại diện cho Phật giáo Việt Nam đi dự Hội nghị thành lập Hội Phật giáo Thế giới (tức Liên đoàn thân hữu Phật tử Thế giới WFB) tại Sri Lanka. Ngài được Đại hội bầu làm phó Hội trưởng thứ nhất và là Đại diện Ban chấp hành Hội Phật giáo Thế giới tại Việt Nam, trụ sở đặt tại chùa Quán Sứ, Hà Nội.

Năm 1951, Ngài là một sáng lập viên Tổng hội Phật giáo Việt Nam và là Ủy viên Nghi lễ của Tổng hội. Tháng 9/1952, Giáo hội Tăng già toàn quốc được thành lập, Ngài được cử làm Tổng Thư ký. Về xã hội, từ 30/1/1952 đến 1954, Ngài là trụ trì chùa Quán Sứ, một trung tâm đào tạo tăng tài và điều hành Phật sự ở miền Bắc. Ngài đã lập nên các các tổ chức cứu trợ đồng bào hoạn nạn bởi nạn đói, thiên tai và chiến tranh và lập Trường Bảo trợ Giáo dục Nhi đồng tại chùa Quán Sứ. Về văn hóa, Ngài là chủ nhiệm bán nguyệt san Phương tiện, hậu thân của báo Đuốc tuệ. Và là chủ nhiệm tuần báo Tin tức Phật giáo - phụ trương của báo Phương tiện từ năm 9/1951 đến 1/1953.

Về giáo dục, Ngài có công thành lập trường Tiểu học Khuông Việt tại chùa Quán Sứ, trường Ni học Vân Hồ, Hà Nội. Ngài đã quan tâm gửi các tu sĩ du học ở nước ngoài

để sau này trở về nước phục vụ công cuộc hoàng dương Phật pháp.

Năm 1954, đất nước bị chia cắt, Ngài cùng các Hòa thượng đồng chí hướng như Tuệ Tạng, Trí Hải, Vĩnh Tường ở lại Hà Nội làm cột trụ vững chắc trong việc truyền thừa Phật sở đã có từ năm 1949. Đến năm 1958, Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam ra đời, với nội dung và nhân sự mới, kế thừa sự nghiệp của Ngài trong giai đoạn mới. Vì bệnh duyên và tuổi ngày một thêm cao. Ngài phải nghỉ dưỡng bệnh tại chùa Quán Sứ và một số nơi khác ở miền Bắc như chùa Quỳnh Trân, bệnh viện Phú Thọ.

Chiều ngày 13/2 năm Đinh Tỵ (1/4/1977). Ngài an nhiên viên tịch tại chùa Quán Sứ, trụ thế 75 năm, hoàng pháp độ sinh 45 năm. Bảo tháp của ngài được tạo dựng tại chùa Sùng Phúc, thôn Huỳnh Cung, xã Tam Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội. Bảo hiệu là Chân Không tháp.

Về trước tác, Hòa thượng còn để lại những tác phẩm:

- Tắm gương quy y
- Sự lý lẽ tụng
- Ký sự phái đoàn PG Việt Nam đi Ấn Độ và Tích Lan.

Hòa thượng Tố Liên là một người có nhiều công lao trong phong trào chấn hưng Phật giáo nước nhà và đưa đạo Phật Việt Nam góp mặt với Phật giáo thế giới. Ngài là tấm gương sáng cho các thế hệ tăng ni, Phật tử vì đã trọn đời cống hiến cho Phật sự.

Hòa thượng Thích Trí Hải (1906 - 1979)

Ngài thế danh Đoàn Thanh Tảo, pháp danh Thích Thanh Thao, hiệu Trí Hải; quê làng Quán Phương Trung, xã Hải Phương, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Năm 17 tuổi Ngài xuất gia ở chùa Mai Xá, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam; 18 tuổi thụ giới Sa di ở tổ đình Tế Xuyên, tỉnh Hà Nam. Năm 20 tuổi Ngài thụ đại giới, năm 25 tuổi, Ngài về trụ trì chùa Phú Đa, xã Yên Lập, huyện Bình Lục, Hà Nam. Năm sau vì bản sư viên tịch, Ngài trở lại trông coi chùa Mai Xá.

Năm 27 tuổi, cùng với một số tăng sĩ và cư sĩ, Ngài thành lập Ban Phật học tùng thư. Tháng 11/1934, Hội Phật giáo Bắc Kỳ được thành lập, đặt trụ sở tại chùa Quán Sứ, Hà Nội. Ngài là thành viên sáng lập, nhưng chỉ làm Đương gia chùa Quán Sứ. Tháng 3/1937, Ngài cùng Thượng tọa Thích Mật Thể ở Trung Kỳ đi du học ở Trung Quốc. Ngài được tiếp xúc với đại sư Thái Hư - lãnh tụ Phật giáo Trung Hoa và cư sĩ Đường Đại Viên nhà Duy thức học nổi tiếng của Trung Quốc.

Về nước đầu năm 1938, thấy việc xây dựng chùa Quán Sứ không tiến triển, Ngài đề nghị Hội cùng cố lại Ban Hưng công, cử cư sĩ Thiệu Chửu phụ trách phần tài chính, Ngài phụ trách về kiểu mẫu chùa, thợ thuyền và mua sắm vật liệu. Nhờ khả năng tổ chức và nỗ lực cố gắng của hai người năm 1942 chùa Hội quán đã được hoàn thành về cơ bản.

Năm 1938, Ngài tích cực vận động có được 37 mẫu ruộng tại huyện Phụ Dực, tỉnh Thái Bình để giải quyết vấn đề tài chính cho các tăng sinh. Đầu năm 1945, Ngài cùng Thượng tọa Tố Liên, cư sĩ Thiệu Chửu thành lập Tổng hội Cứu tế do ông Nguyễn Văn Tố làm Hội trưởng, để giúp đỡ



Chùa Quán Sứ - Hà Nội.

Ảnh: **Phương Đông**

những người đói khổ, trẻ mồ côi trong nạn đói...

Cuối năm 1945, Thượng tọa Trí Hải được Chủ tịch Hồ Chí Minh mời làm cố vấn cho Bộ trưởng Cứu tế xã hội Nguyễn Văn Tố. Ngài được dự phiên họp đầu tiên do Hồ Chủ tịch chủ tọa tại trường Viễn Đông Bác Cổ để thành lập Ban Cứu đói.

Đầu năm 1947, Ngài cử các sư Tâm Giác và Quảng Thạc xuống Đan Thám, Thanh Oai, tỉnh Hà Đông đón hơn 30 em trên 10 tuổi trong đoàn của cư sĩ Thiệu Châu tản cư kháng chiến. Ban đầu, đoàn về chùa Đông Kiệt, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên; sau sang chùa An Ninh, Phú Dục, Thái Bình. Cuối cùng, đoàn về chùa Mai Xá, Lý Nhân là nơi trước đây Ngài trụ trì dạy nghề thủ công để tự túc.

Năm 1950, Ngài thỉnh được Đại Tạng Kinh từ Nhật Bản

bổ sung cho thư viện Phật giáo tại chùa Quán Sứ.

Năm 1951, Tổng hội Phật giáo Việt Nam được thành lập, Ngài làm Phó Hội chủ thứ nhất.

Từ 30/11/1952 đến 1954 Ngài là phó trụ trì chùa Quán Sứ. Năm 1952, Giáo hội Tăng già toàn quốc được thành lập tại chùa Quán Sứ, Hà Nội, suy bầu Ngài làm Trưởng ban Trị sự. Năm 1953, Ngài đứng ra xây trường Trung, Tiểu học Vạn Hạnh trong khuôn viên chùa Hàm Long, Hà Nội, giảng dạy theo chương trình giáo dục phổ thông.

Năm 1954, vào thời gian đất nước tạm chia đôi, dù gặp bao khó khăn tài chính, không có kiến trúc sư... Ngài vẫn quyết tâm xây dựng hoàn tất chùa Phật Giáo (nay là chùa Nam Hải - Hội quán Phật giáo Hải Phòng) để tiếp tục Phật sự và ổn định tinh thần Phật tử.

Năm 1958, Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam ra đời, Ngài về chùa Phật Giáo, Hải Phòng hướng dẫn Phật tử, sáng tác và biên dịch nhiều tác phẩm, gồm 40 đầu sách. Hòa thượng còn kiêm trụ trì chùa Bồ Đề, Gia Lâm trên 30 năm. Năm 1979, Ngài vào thăm miền Nam, được tăng ni, Phật tử nghênh tiếp trọng thị. Việc này có ý nghĩa lớn đối với cuộc vận động thống nhất Phật giáo năm 1981. Khi trở về Bắc được mấy hôm, Ngài lâm bệnh và thị tịch ngày 7/6 năm Kỷ Mùi (30/6/1979) tại chùa Phật Giáo Hải Phòng. Trụ thế 74 tuổi, hoàng đạo 57 năm.

Hòa thượng Thích Trí Hải là một trong những bậc cao tăng của lịch sử Phật giáo Việt Nam, Ngài có công đầu trong việc thành lập Hội Phật giáo Bắc Kỳ và đã suốt đời xây dựng cho cơ sở Phật giáo tại miền Bắc.

Tuệ Nhuận Văn Quang Thùy (1887-1967)

Ông quê tại tỉnh Hải Dương. Năm 1928, thân phụ qua đời, Văn Quang Thùy bắt đầu tìm hiểu và nghiên cứu kinh điển đạo Phật. Bẩm tính thông minh, lại có vốn Hán học vững vàng, ông thâm nhập giáo lý Phật đà một cách nhanh chóng và uyên thâm, trở nên một cư sĩ Phật tử thuần thành.

Ông là thành viên sáng lập Hội Phật giáo Bắc Kỳ tháng 11/1934, giữ chức Phó thư ký Hội. Đến Đại hội đồng hợp ngày 26-6-1938 ông được bầu vào Ban Cố vấn. Ông còn tham gia diễn giảng giáo lý Phật và là cây bút quen thuộc với độc giả báo Đuốc tuệ.

Ngày 3/5/1940 (26/3 âm lịch), tại chùa Quán Sứ, Hà Nội ông được Thái Hư đại sư trao Bồ tát giới, ban pháp danh là Tuệ Nhuận và khuyên: *"Tôi thấy Việt Nam toàn tu Tịnh Độ, cư sĩ nên vâng theo"* và tặng cư sĩ một mảnh giấy có hai câu thơ làm kỷ niệm:

Nhập Như Lai tạng

Văn tựa Quang minh Thùy vũ trụ

Phật môn Tuệ trạch Nhuận sinh linh

Từ đó ông chuyển sang nghiên cứu về tu Tịnh độ.

Tại phiên Đại hội đồng ngày 12/9/1942, ông được cử làm trưởng ban Ban Cư sĩ học Phật. Tháng 11/1945, ông tham gia Ủy ban Tăng già Bắc Bộ, trụ sở đặt tại chùa Quán Sứ, Hà Nội.

Tháng 9/1949, ông cùng một số cư sĩ mẫn mộ đạo Phật: Nguyễn Văn Chế, Lê Văn Lâm, Trương Đình Vy, Lê Văn Giáp và Bùi Hưng Gia họp nhau thành lập Hội Phật tử Việt Nam tại chùa Chân Tiên, Hà Nội. Hội có cơ sở tại các tỉnh, hoạt động nhất là chi hội Hải Phòng, trụ sở đặt tại chùa An Biên. Hội xuất bản nguyệt san Bồ Đề để hoàng pháp. Trên các trang báo này, ông đích thân phiên dịch, chú giải luận Duy Thức Tam Thập tụng, Thập Mục Ngưu Đồ và viết nhiều bài giáo lý căn bản giúp cho việc học Phật của độc giả.

Sau Hiệp định Giơnevơ tháng 7/1954, Tuệ Nhuận Văn Quang Thùy vào Nam, xin xuất gia làm đệ tử của Hòa thượng Thích Thiện Hòa, lấy việc chuyên tu làm chính.

Ông qua đời năm 1967 tại Sài Gòn, hưởng thọ 80 tuổi, để lại kho tàng kinh sách Việt Nam nhiều dịch phẩm có giá trị như Kinh A Di Đà, Kinh Dược Sư, Kinh Hoa Nghiêm

phẩm Phổ Hiền v.v...

Chơn An Lê Văn Định (1893-1980)

Cư sĩ Lê Văn Định, tự Nguyên Tịnh, hiệu Vĩnh Xuyên, pháp danh Chơn An, quê làng La Qua, hữu ngạn sông Vĩnh Điện, tỉnh Quảng Nam. Năm 10 tuổi, ông được thân phụ đưa đến chùa Triều Tôn, tỉnh Phú Yên xin quy y Tam bảo do Hòa thượng Tuệ Hương truyền giới.

Cuối thập niên 1930, ông bắt đầu tham khảo kinh sách, nhờ tinh thông Hán học nên đọc kinh sách Phật rất mau hiểu. Năm 1941, ông thỉnh Hòa thượng Đôn Hậu từ Huế vào Quảng Nam lưu lại trên hai tháng giảng pháp. Năm 1942-1943, khi nhận chức Bồ chành tỉnh Bình Định, ông đã dành thời gian đến nghe Thượng tọa Mật Nguyễn giảng pháp.

Năm 1947, ông cùng gia đình dời về Huế, năm sau ông được Giáo hội mời làm Chánh Hội trưởng Tổng Trị sự Hội Việt Nam Phật học ở Trung Bộ.

Với lòng biết ơn sâu dày đối với đức Từ Phụ Như Lai, ông đã dành nhiều thời gian để xúc tiến Việt hóa và thống nhất hóa của giới cư sĩ; soạn thảo nhiều bài sám, bài phát nguyện, bài tụng... kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm như: lễ Phật đản sinh, lễ Phật xuất gia, lễ Phật thành đạo, lễ Phật nhập Niết bàn, lễ Vu lan...; quen thuộc nhất đối với giới Phật tử là bài tụng Phát nguyện và Quy y.

Đầu năm 1950, ông làm chủ nhiệm tờ Viên âm vừa tục bản. Năm 1951, ông thôi làm Hội trưởng Tổng Trị sự Hội Việt Nam Phật học, cùng năm ông được bầu làm phó hội chủ Tổng hội Phật giáo Việt Nam.

Cuối mùa hè năm 1955, ông vào Sài Gòn tham dự Đại hội kỳ 2 Tổng hội tại chùa Phước Hòa và được tái bầu làm Phó Hội chủ.

Năm 1958, ông ra Nha Trang thụ Bồ tát giới tại đại giới đàn Hải Đức do Đại lão Hòa thượng Thích Giác Nhiên làm Đàn đầu. Cuối năm này, cư sĩ Chơn An xin từ chức Phó Hội chủ Tổng hội Phật giáo Việt Nam.

Ông mất ngày 5/11/1980 tại Thành phố Hồ Chí Minh, hưởng thọ 88 tuổi.

IV. PHẬT GIÁO THỜI KỲ 1954 - 1974

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, ngày 8/5/1954, hội nghị Giơnevơ bắt đầu thảo luận về vấn đề lập lại hòa bình ở Đông Dương. Đêm ngày 21/7, hội nghị kết thúc, các bên tham gia hội nghị đã ký kết Hiệp định ngừng bắn và lập lại hòa bình ở Đông Dương. Theo Hiệp định, Việt Nam bị chia đôi bởi vĩ tuyến 17: miền Bắc từ sông Bến Hải trở ra; phần còn lại là miền Nam và qui định năm 1956, hai miền Nam - Bắc mở cuộc tổng tuyển cử thống nhất đất nước.

1. Phật giáo miền Bắc

1.1. Từ năm 1954 đến 1964

Những năm này, nhân dân miền Bắc dưới sự lãnh đạo của Đảng Lao động Việt Nam tiến hành các nhiệm vụ khôi phục kinh tế từ 1954-1957; cải tạo và phát triển kinh tế (1958-1960) và thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất 1961-1965 xây dựng cơ sở vật chất cho chủ nghĩa xã hội, đồng thời tiếp tục đấu tranh đòi thực hiện triệt để

Hiệp định Giơnevơ, củng cố hòa bình và tiến tới thực hiện thống nhất đất nước bằng tổng tuyển cử; ủng hộ cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam chống chế độ độc tài gia đình trị Ngô Đình Diệm.

1.1.1. Từ 1954 đến 1957

Tình hình Phật giáo xứ Bắc tới tháng 11/1954¹:

1. **Số hội viên:** Hà Nội có 3.700 người; các chi hội ước độ ngót trăm vạn người Tổng cộng ước độ 100 vạn (một triệu) người

2. **Tài sản của Hội:** Động sản có nhà in Đuốc tuệ

Một ngôi nhà số 124 phố Sinh Từ Hà Nội do một hội viên cúng và hàng tháng cho thuê được 200 đồng bạc Đông Dương. Ruộng đất: Ngót 50 mẫu ở huyện Phú Dục, tỉnh Thái Bình nhưng từ năm 1947 đến nay không thu hoạch được hoa lợi. Có 3 mẫu 8 sào ruộng đất ở cây số 8 trên đường Hà Nội - Hà Đông tức là khu đất dùng làm nghĩa trang Tế Độ của bản hội.

3. **Trợ cấp:** Chính quyền Pháp và Bảo Đại hàng tháng có trợ cấp tiền và gạo cho bản hội nuôi những con em các nhà nghèo khổ và các cô nhi. Trợ cấp tiền từ ngày 27/8/1948 đến 31/7/1949: 5.000\$00. Từ ngày 01/8/1949 đến 30/6/1950: 10.000\$00. Từ ngày 31/7/1950 đến 30/8/1954: 15.000\$00. Gạo trợ cấp từ 10 tạ đến 20, 30 tạ cũng đến tháng 8/1954 là thôi, không trợ cấp nữa.

4. **Hoạt động của Hội trước ngày Chính phủ vào tiếp quản Thủ đô**

1) **Truyền bá đạo Phật tại chùa Quán Sứ:** Vào mỗi chiều thứ 7 và sáng Chủ nhật có thuyết pháp và luôn luôn thuyết pháp ở các Chi hội Phật giáo địa phương do hội Tăng già cử các chư Tăng phụ trách.

2) **Sách báo:** Phiên dịch xuất bản các kinh sách về Phật giáo và Tuần báo Tin tức Phật giáo.

3) **Cứu tế xã hội:** Nuôi những con em các gia đình nghèo khó và các em mồ côi

5. **Hoạt động hiện nay:**

1) **Ngừng hoạt động:** Mất liên lạc với Tổng hội Phật giáo Việt Nam Trung ương đặt tại Huế và các Chi hội Phật giáo xa Hà Nội.

2) **Các kinh sách và báo chí:** Cũng tạm ngừng.

3) **Vấn hoạt động:**

- Vẫn truyền bá đạo Phật

- Trường Khuông Việt vẫn tiếp tục

- Nuôi các em nhà nghèo khó và mồ côi vẫn tiếp tục

6. **Đề nghị**

1) Xin cho được yết kiến Bộ Nội vụ và Chủ tịch Ủy ban Hành chính Hà Nội và Bắc bộ để trình bày về Phật sự.

2) Yêu cầu Chính phủ đặt Bộ Tôn giáo

3) Xin Chính phủ công bố lại những ngày lễ Tôn giáo.

7. **Nguyện vọng**

1) Giúp đỡ cho mọi sự hoạt động được dễ dàng, chính bị lại ngót 400 chi hội Phật giáo ở khắp Bắc Việt.

2) Được Chính phủ trợ cấp hàng tháng để duy trì và khuyến khích các công cuộc giáo dục và xã hội.

Hòa bình lập lại, Hòa thượng Thích Trí Độ từ vùng tự do Thanh Hóa quay trở lại chùa Quán Sứ, Hà Nội.

Hòa thượng Tố Liên tiếp tục giảng kinh thuyết pháp cho tín đồ Phật giáo, phụng đạo, yêu nước đến tháng tư năm Mậu Tuất 1958 mới nghỉ. Ngài cùng quý ngài: Kim Cương Tử, Thích Thanh Chân, Lê Phúc Tiến, Giám Sinh... tham gia vận động thành lập Ban Đại diện Phật giáo Thủ đô, tham gia Ban Vận động thành lập Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam.

Hòa thượng Thích Trí Hải trên cương vị trưởng Ban Hưng công tiếp tục xây dựng trường trung tiểu học cho ni giới tại khu vực chùa Hàm Long - một danh lam cổ tích của Hà Nội. Ngoài số tiền do Tăng ni, thiện tín phát tâm ủng hộ, thiếu bao nhiêu thì Ban Hưng công tự vay tạm rồi trả dần sau, không cho phép lạm quyền ở đâu cả. Mùa hè năm 1954, tại chùa Hàm Long trường Vạn Hạnh với hai ngôi nhà hai tầng, được hoàn thành và khai giảng.

Ngài cũng về Hải Phòng hoằng đạo và trực tiếp chỉ đạo thi công chùa Phật Giáo (tức chùa Nam Hải - hội quán thành hội Phật giáo Hải Phòng hiện nay)². Ngày 8/12 năm Giáp Ngọ làm lễ khánh thành ngôi chùa toàn bằng xi măng, nền cao 1m, rộng 400m².

Ngày 17/9/1954 Hội đồng Chính phủ ban hành 8 chính sách đối với các thành phố mới giải phóng. Những chính sách này nhằm bảo vệ tính mạng, tài sản của toàn thể nhân dân, bảo vệ công thương nghiệp tư doanh, bảo hộ tính mạng và tài sản của mọi người, thực hiện tự do dân chủ, tự do tín ngưỡng của nhân dân.

Ngày 21/9, Ban Bí thư Trung ương Đảng Lao động Việt Nam ra Chỉ thị số 94-CT/TU về Thi hành chính sách tôn giáo ở vùng mới giải phóng.

Ngày 14/6/1955, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 234/SL, ban hành chính sách tôn giáo nhằm bảo đảm tự do tín ngưỡng. Đây là văn bản qui định khá chi tiết về quyền tự do tín ngưỡng của công dân. Điều 1 của Sắc lệnh ghi rõ: "Chính phủ bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng và tự do thờ cúng của nhân dân. Không ai được xâm phạm quyền tự do ấy. Mọi người Việt Nam đều có quyền tự do theo một tôn giáo hoặc không theo một tôn giáo nào. Các nhà tu hành được tự do giảng đạo tại các cơ quan tôn giáo...".

Ngày 2/8/1955, Thủ tướng Chính phủ ra Nghị định số 566 - TTg về việc thành lập các Ban Tôn giáo ở Trung ương (Phủ Thủ tướng), khu, tỉnh.

Ban Tôn giáo phủ thủ tướng (nay là Ban Tôn giáo Chính phủ thuộc Bộ Nội vụ) có nhiệm vụ: "Nghiên cứu kế hoạch thi hành những chủ trương chính sách của chính phủ về vấn đề tôn giáo, giúp Thủ tướng phối hợp với các ngành ở Trung ương và theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc các địa phương trong việc thực hiện những chính sách của chính phủ về vấn đề tôn giáo và liên hệ với các tổ chức tôn giáo".

Trong những năm 1954 - 1956, nhất là từ khi chính phủ ban hành Sắc lệnh bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng (14/6/1955) ở miền Bắc đã có 25 nhà thờ và 6 ngôi chùa đến lớn được trùng tu. Các chùa có chùa Một Cột (Hà Nội), Hương Tích (Hà Đông), Cổ Lễ (Nam Định), đến Sòng (Thanh Hóa), đến Hùng (Phú Thọ).

Thế theo nguyện vọng thiết tha chính đáng của chư

Hòa thượng, Thượng tọa, tăng ni và các tín đồ đạo Phật, ngày 8/10/1956, Ban Đại diện Phật giáo thủ đô được thành lập nhằm mục đích thờ đạo yêu nước do Hòa thượng Thích Mật Ứng làm trưởng ban, Thượng tọa Tâm Nguyệt (Nguyễn Chu Sĩ) làm phó ban. Trụ sở đặt tại chùa Bà Đá, số 3 phố Nhà Thờ, Hà Nội. Ban ra tờ Phật giáo Đặc San phát hành vào các ngày lễ Phật Đản, lễ Vu Lan và ngày đức Phật thành đạo trong năm, mỗi kỳ 1000 số. Báo do Thượng tọa Tâm Nguyệt làm chủ nhiệm, cư sĩ Ngô Đăng Ban là chủ bút, trụ sở tạm thời cũng đặt tại chùa Bà Đá.

Từ ngày 10 đến 17/11/1956, nhận lời mời của chính phủ Ấn Độ và chính phủ Nepal dự Hội nghị Phật giáo thế giới lần thứ 4 và dự lễ kỷ niệm đức Phật nhập diệt, đoàn đại biểu Phật giáo miền Bắc do bác sĩ Lê Đình Thám dẫn đầu và Pháp sư Thích Trí Độ đã đến Catmandu, thủ đô Nepal. Vua Nepal đã thân hành chủ lễ khai mạc và bế mạc. Đoàn đã gặp gỡ đoàn đại biểu Tổng hội Phật giáo Việt Nam do Hòa thượng Thích Tịnh Khiết làm trưởng đoàn, Hòa thượng Thích Huệ Quang làm phó trưởng đoàn và đoàn đại biểu Phật giáo Tiểu thừa Việt Nam. Ba đoàn gặp nhau mừng mừng tủi tủi, mừng được gặp nhau sau bao năm xa cách, tủi vì chỉ được gặp nhau nơi đất khách quê người. Với cảm tình chan chứa ấy, mặc dù không có sự chuẩn bị hợp đồng từ trước, ba trưởng đoàn đã đề nghị Ban Tổ chức sát nhập các đoàn thành một đoàn Phật giáo Việt Nam duy nhất, không phân biệt Bắc - Nam, không phân biệt Đại thừa và Tiểu thừa. Cả ba đoàn đi cùng nhau, cùng ngồi với nhau, cùng góp ý kiến cho nhau, làm cho đại biểu Phật giáo các nước đều nhận thấy Phật giáo Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một, Tổ quốc Việt Nam là một, quyết không một lực lượng nào có thể chia cắt được.

Lễ kỷ niệm Đức Phật nhập diệt cử hành trong một cuộc mít tinh long trọng tại thủ đô Niudeli (Ấn Độ) có Tổng thống Poraxat, ngài Phó tổng thống và Thủ tướng Neru đến chủ tọa. Pháp sư Thích Trí Độ đã đọc bài tham luận về sự cống hiến của Phật giáo đối với văn học Việt Nam. Đoàn đã gặp gỡ ông Mai Thọ Truyền, Hội trưởng Hội Phật học Nam Việt và Tỳ kheo Thích Bảo Chân thuộc phái Tiểu thừa Phật giáo Nam Bộ 3.

Lúc bấy giờ trong cải cách ruộng đất việc chấp hành chính sách tôn giáo đã phạm nhiều sai lầm nghiêm trọng, xúc phạm đến tín ngưỡng các tôn giáo như lấy cả ao vườn nội tự chia cho nông dân, có nơi cán bộ đã quy kết tội oan cho các nhà tu hành v.v... Phạm những sai lầm này là do chỉ đạo quan liêu không sát tình hình, do cán bộ không nắm vững chính sách, không hiểu hết tục lệ các tôn giáo.

Những sai lầm trên đã khiến cho nhiều đồng bào các tôn giáo thắc mắc một cách chính đáng và thiết tha mong đợi việc sửa chữa.... Nghị quyết của Hội đồng Chính phủ về sửa chữa sai lầm trong cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức có nhấn mạnh: "Từ Trung ương đến xã, cơ quan phụ trách phải đặc biệt coi trọng việc sửa sai ở vùng tôn giáo, đảm bảo chính sách đối với tôn giáo được thi hành đúng đắn". Bản Nghị quyết nêu rõ những điểm sau đây:

"Nơi nào để lại ruộng đất cho nhà chung, nhà chùa, miếu mạo, từ đường họ chưa đúng chính sách qui định thì phải

điều chỉnh lại cho đủ dùng vào việc đèn hương thờ cúng và đủ sinh sống cho những người làm nghề tôn giáo.

- Nơi nào đã trưng thu, trưng mua sai nhà, vườn, ao trong khu nội tự thì phải trả lại.

Không được dùng nhà thờ, chùa, thánh thất, miếu mạo và từ đường họ làm kho tàng hay trụ sở cơ quan, nơi nào đang dùng thì phải chuyển đi nơi khác, cơ quan nào đã dùng mà làm hư hỏng thì phải sửa chữa.

... những người làm nghề tôn giáo nếu bị qui sai là địa chủ, bị qui kết tội oan thì được trả lại tự do, danh dự, tài sản bị tịch thu trưng thu trưng mua thì được đền bù như những người khác bị quy oan.

... việc sửa chữa phải có kế hoạch từng bước... đồng bào và tín đồ các tôn giáo cần nhìn rõ những quyền lợi vì ruộng đất và địa vị chính trị của mình do cải cách ruộng đất đã mang lại và tin tưởng vào sự quyết tâm sửa chữa sai lầm của Đảng. Chính phủ và Mặt trận, ra sức đoàn kết giúp đỡ chính quyền, giúp đỡ cán bộ tiến hành sửa chữa cho được kết quả tốt".

Tính đúng đắn và kịp thời của Nghị quyết đã động viên khích lệ bà con rất nhiều.

Ngày 8/1/1957, kỷ niệm ngày đức Thích Ca thành đạo đã được tổ chức tại nhiều tỉnh miền Bắc. Nhân dịp này, Hồ Chủ tịch đã gửi thư chúc mừng các vị tăng ni và tín đồ Phật giáo Việt Nam. Người "khen ngợi các vị Tăng ni và tín đồ đã sẵn lòng nồng nàn yêu nước, hăng hái làm tròn nghĩa vụ của người công dân và xứng đáng là Phật tử" và cho biết những năm qua "Đời sống của nhân dân ta dần dần càng được cải thiện, cũng giống như tôn chỉ mục đích của Đạo Phật nhằm xây dựng cuộc đời thuần mỹ, chí thiện, bình đẳng, yên vui và no ấm. Người mong mỗi "các vị tăng ni đồng bào tín đồ đã đoàn kết thì càng đoàn kết hơn, để góp phần xây dựng hòa bình chóng thắng lợi. Hãy ra sức giúp đỡ cán bộ, hăng hái thực hiện mọi công tác của Chính phủ, chấp hành đúng chính sách tôn trọng tự do tín ngưỡng, ngăn chặn âm mưu của Mỹ - Diệm và bọn tay sai lợi dụng tôn giáo hòng chia rẽ khối đoàn kết toàn dân, hãy ra sức đấu tranh giành thống nhất đất nước."

Nhân dịp tết Đinh Dậu 1957, Hòa thượng Thích Mật Ứng - Pháp chủ Giáo hội Tăng già Bắc Việt, thay mặt Ban Đại diện Phật giáo Thủ đô gửi thư cho giáo hữu Phật tử miền Nam. Cụ nêu lên lòng mong mỏi thiết tha của nhân dân miền Bắc nói chung và giới phụ lão nói riêng là được trao đổi thư từ thư thiệp để giáo hữu hai miền hiểu rõ tin tức của nhau, giúp nhau trên con đường phụng đạo.

Chiều 19/5/1957, tại trụ sở Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tổ chức trao tặng huân chương cho một số nhân sĩ tôn giáo trong Mặt trận. Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc Tôn Đức Thắng làm chủ tọa buổi lễ, Phó Thủ tướng Phan Kế Toại thay mặt chính phủ tuyên đọc danh sách và gán huân chương, về Phật giáo có:

Huân chương Độc lập hạng 3: Bác sĩ Lê Đình Thám.

Huân chương Kháng chiến hạng 2: HT. Thích Trí Độ, Thượng tọa Giám Sinh, các sư bà Đàm Giám, Đàm Ký.

Huân chương Kháng chiến hạng 3: Thượng tọa Phạm Thế Long

(Còn tiếp)



SUY NGẪM VỀ CHỮ “NGÃ” TRONG PHẬT GIÁO

● Hoàng Nguyên

Trong Phật giáo, có thuật ngữ mà mọi người thường nhắc tới, đó là “vô ngã” và “chấp ngã”. Từ kinh nghiệm thực tế cuộc sống, chúng ta hiểu: Ngã là như thế nào? Nghĩa sinh học: Ngã là bản thân mỗi người - với tư cách là một cơ thể sống tồn tại tương đối độc lập trong môi trường sinh thái. Nghĩa xã hội: Ngã là cái tôi riêng lẻ, ngã là cái cá nhân. Hiểu ở một góc độ hẹp hơn nữa thì Ngã là lợi ích riêng, lợi ích cá nhân, quyền lợi riêng tư của bản thân mỗi người.

Vô là không, vô ngã là không có cái riêng cá nhân,

không vì lợi ích riêng, không hành xử vì động cơ cá nhân, không vì bất cứ một cá nhân nào trong tập thể.

Ngược lại với “vô ngã” là “chấp ngã”: Luôn luôn đề cao cá nhân, vì quyền lợi cá nhân mà sẵn sàng bỏ qua lợi ích tập thể. Vì lợi riêng thì khó mấy cũng làm, vì lợi chung thì dễ mấy cũng chối. Lỗi mình thì to mấy cũng bỏ qua, lỗi người thì nhỏ mấy cũng soi cho kĩ.

“Lỗi người thì bỏ túi sau

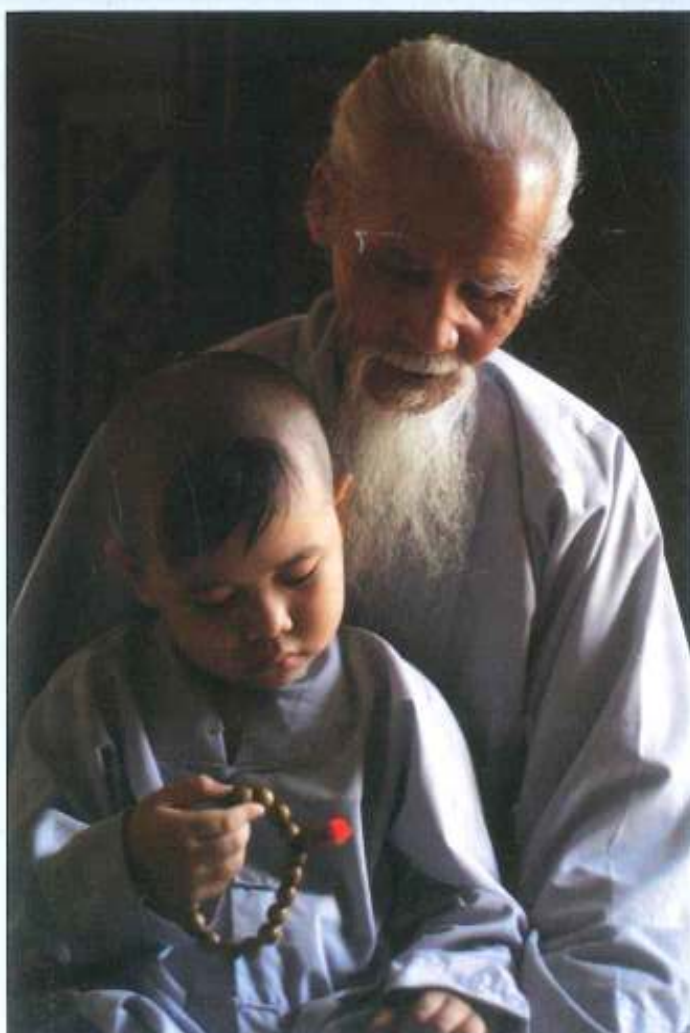
Lỗi mình túi trước làm đâu được mà”.

(La-phông-ten)

Nho giáo có khái niệm vị kỉ và vị tha: Cũng mang nghĩa tương tự như thế. (Vị kỉ là vì mình, vị tha là vì người khác) Với những người làm công tác xã hội, đặc biệt là những người thực thi pháp luật, gìn giữ công bằng, dân chủ, kỉ cương và trật tự xã hội, ở đó mỗi hành vi, cư chi, mỗi lời nói việc làm đòi hỏi phải đặc biệt hiểu, coi trọng, và thực hiện lối sống xả kỉ vô ngã, khắc phục từng bước lối sống chấp ngã, vị kỉ mới có thể hành xử công minh đem lại lợi ích cho đất nước.

Từ thực tế các hoạt động của không ít cơ quan đơn vị, tính chấp ngã vị kỉ của không ít người đã trở thành một trở ngại lớn trong hoạt động của cơ quan, tập thể.

Đơn cử một vài biểu hiện để cùng suy ngẫm: Chẳng hạn khi tập thể tổ chức một số hoạt động từ thiện thì tham gia một cách miễn cưỡng vì cho rằng không đem lại lợi ích thiết thực. Hoặc một số hoạt động cộng đồng tổ chức thì vắng mặt vì cho rằng làm mất thời gian của mình; hoặc giả có đến thì chỉ khi kết thúc mới hiện diện để gọi là có mặt cho phải phép, hoặc việc thăm hỏi lẫn nhau thì không nhiệt tình tham gia. Khi mình, thân nhân đau ốm rủi ro hoặc gia đình có việc đại sự thì cần mọi người có mặt, còn việc của bạn bè, hàng xóm thì không quan trọng. Hoặc giả phong trào đoàn thể thì chần chừ tham gia rất muộn có khi phải nhắc nhiều lần. Hoặc ở cơ



Ảnh: Thích Giác Thông

quan trọng thực thi chuyên môn chỉ cần biết thuận lợi cho mình còn đồng đội mặc kệ. Hoặc trước một vấn đề cần ý kiến tập thể thì im lặng vì nghĩ rằng nói chẳng được lợi gì im lặng để giữ thân, được lợi thì hưởng, không được thì cũng chẳng ai oán trách theo kiểu:

*"Đại chi cảm được đốt giới
Giới kia chẳng cháy lửa rơi vào mình"*

(ca dao)

Hoặc giả khi tham mưu một công việc gì đó lại chen vào đó một vài mối lợi cá nhân mà chưa bao giờ nghĩ rằng: *"Hạnh phúc là một cái chăn hẹp người này kéo được thì người khác sẽ hở ra"* (Nam Cao)

Tất cả những ví dụ trên đều là biểu hiện của tính chấp ngã. Xin kể câu chuyện đại ý rằng: Xưa có một viên quan tính hay xu nịnh được vua sủng ái, cho nên nhiều đại thần ghen ghét tìm cơ hội để dạy cho ông ta một bài học. Một hôm vị quan này ăn một quả đào đưa cho vua phần dờ vua khen là trung thần, có miếng ngon không nỡ hưởng một mình.

Một hôm vua nói, mọi vị trên đời ta đều nếm qua duy chỉ có thịt người là chưa biết mùi, viên quan nọ không ngần ngại về giết con lấy thịt dâng vua, vua khen tận trung báo quốc, vì vua mà cả con mình cũng không tiếc.

Ít lâu sau, tình cảm của vua đối với viên quan nọ không còn được như trước nữa. Các quan nhân đó mới tâu vua rằng: Viên quan nọ khinh vua nên ngày trước mới cho vua ăn quả đào ăn dờ; và rằng một người mà đến con ruột còn dám giết thì vua liệu hẳn có tha?

Loại người đó sao có thể để sống cho được. Vua nghe xong, liền cho quan quân khép viên quan nọ vào tội chết vì bất trung, bất nghĩa

Như vậy cùng một sự việc nếu ta nhìn nhận, xử lí bằng những cái tâm khác nhau, thì hậu quả và hiệu quả thu về cũng khác nhau, nếu chúng ta cố tình xen vào công việc bằng những toan tính cá nhân thì hậu quả không chỉ là thiệt hại về tài vật mà còn là tính mạng, danh dự của con người của đồng đội ta.

Đó cũng là một trong những tác hại nguy hiểm của tính chấp ngã của con người.

Vô ngã là một đạo lí lớn mà có lẽ mỗi chúng ta hãy cố gắng để có được một chút. Chấp ngã là sự thật ở đời luôn luôn tồn tại và không thể không có trong cuộc sống đời thường; mỗi cá nhân song cũng nên cố gắng giảm bớt một chút để cùng xây dựng tập thể, xã hội tốt đẹp.

Ngày nay chúng ta đang đẩy mạnh cuộc vận động *"Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh"* suy ngẫm về hai chữ Ngã trong Phật giáo để sống làm việc và hành xử theo tinh thần hi xả của đức Phật thật là một cách hữu hiệu để thiết thực hoá, hiện thực hoá, hữu hiệu hoá hồn cốt của cuộc vận động mang ý nghĩa đặc biệt lớn lao này.

TỪ CÁI NHÌN PHẬT GIÁO

VỚI SỰ HÂM NÓNG TOÀN CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

● **Thích Đồng Hòa**
 Trường ĐHKHXH&NV
 Trụ trì Chùa Tăng Phúc- Hà Nội

DẪN NHẬP: Nhân loại chúng ta đang đứng trước nhiều thảm họa thiên tai trong những năm gần đây, sự nóng lên của trái đất, động đất, sóng thần, lũ lụt môi trường ô nhiễm... xảy ra liên tục ở khắp nơi trên thế giới, hàng ngàn người bị cướp đi sinh mệnh, cảnh tan thương không nhà cửa, để lại một hậu quả khôn lường. Những thảm họa này không chỉ do thiên tai mà trong đó còn do tác động của con người.

Hiện nay có nhiều cá nhân và tổ chức cũng đã có những tiếng nói và đưa ra những giải pháp tích cực cho vấn đề này. Những bài viết và bài giảng của những nhân vật nổi tiếng Phật giáo như ngài Dalai Lama, HT. Thích Nhất Hạnh, Tỳ-kheo Bodhi, Ni sư Chứng Nghiêm... liên quan đến vấn đề môi trường đã xuất hiện trên các phương tiện truyền thông; và những phong trào bảo vệ môi trường do các tăng ni, phật tử trong nước và nước ngoài khởi xướng cũng đã hoạt động tích cực trong những thập niên trở lại đây như

ở Việt Nam, Srilanka, Thái Lan, Đài Loan, và Nhật Bản... Là những cá nhân và tổ chức thuộc Phật giáo, những giải pháp cho việc bảo vệ môi trường được đưa ra thường dựa trên khoa học, triết học và đạo đức học Phật giáo từ những truyền thống Phật giáo khác nhau. Những giáo lý như Duyên khởi, Nhân quả, Duy thức, và ngay cả tư tưởng Thiền học đã được khai triển để ứng dụng cho vấn đề này.

Đức Phật là vị giáo chủ có hành trạng rất đặc biệt, sinh ra giữa thiên nhiên, tu tập giữa bao la của trời đất và

nhập Niết Bàn trong u hiển của rừng già. Trong 49 năm thuyết pháp giáo hóa Đức Phật sử dụng những hình ảnh của thiên nhiên như cây rừng, biển cả, núi non, và cả những loài vật để làm ẩn dụ. Dù trong thời Phật tại thế chưa có văn kiện hay luật bảo vệ môi trường nhưng Ngài đã xây dựng cho Ngài và chư Thánh Đệ Tử một đời sống hòa mình trong thiên nhiên. Ngài thường dùng tính chất tối ưu như vị mặn của biển, sự vững chãi của núi non để muốn đề cập đến những điều sâu xa ngài muốn truyền trao cho đệ tử. Cho nên ngài thiết lập một đời sống rất gần gũi với thiên nhiên để tạo sự cảm thông với con người. Kinh Thừa Tự Trung Bộ I số 3, Đức Phật dạy không nên đổ đồ ăn thừa trên cỏ xanh và trong nước có côn trùng, sợ làm hại cỏ và côn trùng. Ngài dạy các đệ tử xuất gia phải dùng vải lọc nước để ngăn chặn giết côn trùng. Trong những tháng mùa mưa An cư kiết hạ, Phật khuyên các Tỷ Kheo không nên ra ngoài vì sợ dẫm đạp trên cỏ cây hoặc côn trùng trong mùa sinh nở trong không khí ẩm ướt. Chính vì lẽ đó Phật cấm đệ tử của Ngài không sát sinh để cân bằng sinh thái, không tàn phá chiếm đoạt mà phải thiếu dục tri túc. Đó là đạo đức môi trường thường có ba vấn đề quan tâm được đặt ra: trước hết đạo đức phải là một vấn đề phổ quát, một vấn đề chung của toàn thể loại người, nó không giới hạn nơi khu vực và vùng địa lý; đạo đức không chỉ giới hạn nơi đời sống hiện tại mà còn tính đến những thế hệ tương lai; và đạo đức vượt qua ranh giới loài người, tức đạo đức phải tính đến những loài không thuộc con người như muông thú, cây cối và hệ sinh thái (Padmasiri de Silva, 1998, tr. 15).

Ngày nay, chúng ta ích kỷ dành lấy những quý báu của thiên nhiên làm của riêng mình, mặc dù chỉ là thỏa mãn những nhu cầu nhỏ bé. Chúng ta tự hào chinh phục được thiên nhiên nhưng thực chất ta đang tàn phá thiên nhiên và hủy hoại đời sống môi sinh gây ra những thảm cảnh tàn khốc. Bây giờ ta nhìn vào đời sống của các Ngôi Chùa thì ta sẽ có được khái niệm yêu thiên nhiên của Phật giáo.

Quá trình đô thị hóa, hiện đại hóa làm cạn kiệt tài nguyên xanh của trái đất nhưng khi đến với Ngôi Chùa dù hẻo lánh hay thành thị thì môi trường xanh và sạch vẫn còn, mái Chùa luôn cổ kính nép mình dưới rừng cây, đặc biệt hơn giữa phố phường náo nhiệt vẫn còn nghe được tiếng chim ca trên những vòm cây trong sân Chùa.

Bảo vệ môi trường bằng cách tu tập tâm từ bi: Tôn trọng sự sống là một điều rất được đề cao trong Phật giáo. Cấm sát sinh và làm hại thú vật là một trong những giới luật căn bản dành cho mọi Phật tử. Việc tôn trọng sự sống không chỉ vì từ bi, vì niềm tin vào luân hồi và nghiệp báo, mà còn vì ý thức rằng mọi loài sinh đều có quyền sống bình đẳng và môi trường sống là dành cho tất cả mọi loài trên trái đất này chứ không phải dành riêng cho con người (David J. Kalupahana, 2008, tr.137-42). Thái độ của Phật giáo đối với các loài sống như vậy đã hình thành nên một quan điểm đạo đức hành xử đối với các loài không thuộc con người: con người cần từ bỏ quan điểm xem mình là sinh loài định đoạt tất cả những loài khác; cần phải xem mình và các sinh loài khác như là những "láng

giếng" của nhau (Peter Harvey, tr. 185).

"Bầu ơi thương lấy bí cùng

Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn"

Tri ân và Báo ân:

"Đội ơn chín chữ cù lao

Sinh thành kể mấy non cao cho vừa"

Đó là những truyền thống tiêu biểu của đạo đức dân tộc. Phát huy những truyền thống ấy, xây dựng đạo đức trên nền tảng ấy chắc chắn sẽ có một xã hội giàu mạnh, một môi trường xanh, sạch. Chính truyền thống này đã đẩy lùi bao khó khăn trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước, làm nên những chiến công hiển hách cũng từ yêu nước thương dân. Phát huy đường hướng này chính là chúng ta đã kế thừa truyền thống tốt đẹp mà cha ông ta ngày xưa đã chọn. Từng thời đại có thể thấy cái nhìn thoáng hơn, mới hơn, nhưng bản chất đạo đức vẫn đẹp và cao quý. Những năm tháng gần đây thiên nhiên luôn gieo rắc bao nỗi kinh hoàng cho nhân loại, phát triển truyền thống đạo đức dân tộc, không chỉ trong phạm vi đồng bào mình, đất nước mình, mà phải trải rộng sự chia sẻ đến toàn nhân loại.

Hàng đệ tử Phật thể nghiệm giáo pháp Phật dạy, không tham lam, không làm những việc gây tác hại đến vạn vật, qua cách sống thiếu dục tri túc. Đó là cách sống hiểu biết và cao thượng, hạn chế tâm vị kỷ, không vì làm lợi cho riêng mình mà gây tổn hại đến người khác, đến các sinh vật khác, sống hài hòa với thiên nhiên, không phá hoại môi sinh, không khai thác tài nguyên thiên nhiên một cách bừa bãi, chỉ khai thác những gì thiết yếu và khai thác có mức độ, để thế hệ kế tiếp có thể tiếp tục được hưởng của cải thiên nhiên, chứ không để con em mình phải hứng chịu những tai họa khủng khiếp gọi là *"Thiên nhiên nổi giận"* như trận sóng thần chẳng hạn.

Thể hiện tinh thần Phật dạy về nếp sống hài hòa với thiên nhiên, những ngôi chùa ở một số quốc gia cũng như ở nước ta thường được xây dựng trên đồi núi, hay trong khu rừng. Đặc biệt hơn nữa, hiện nay nạn phá rừng tràn lan gây ra nhiều tác hại ở nhiều lĩnh vực mà thế giới đang cảnh báo. Trong khi đó, nhà chùa đang ra sức gìn giữ, bảo hộ rừng, trồng rừng một cách tích cực và đạt được nhiều kết quả rất tốt. Những ngôi chùa với khu rừng thiên cây cối xanh tươi, ao hồ sạch đẹp, tỏa không khí trong lành và nếp sống an bình đã là thắng tích mà khách thập phương thường tìm đến để hưởng được sự thanh thần cho tâm hồn, sự khỏe mạnh cho thân thể. Có thể nói những đồi núi, rừng thiên của chùa chiến chính là lá phổi trong sạch của trái đất chúng ta, một trong những yếu tố vô cùng thiết yếu cho việc bảo vệ môi trường sinh thái trong thời đại quá nhiều ô nhiễm như hiện nay.

Các quốc gia trên thế giới hiện nay đang kêu gọi con người cứu môi trường:

Bằng những việc làm rất đơn giản, Như khi chúng ta ăn kẹo cao su, bánh, v.v.. vứt trên đường, ăn uống để thừa, vứt túi nilon... cũng đã và đang phá hoại cuộc sống của mình, đẩy thế hệ tương lai đến sự hủy diệt. Bởi vậy, mỗi người hãy hành động ngay lúc này bằng những việc làm

nhỏ nhưng thiết thực để cùng chung tay bảo vệ hành tinh xanh. Mới đây, có một doanh nhân đến từ Quảng Đông, Trung Quốc đã trao hơn 300 triệu đồng cho trường phòng bảo vệ môi trường địa phương sau khi ông này chấp nhận bơi trong dòng sông ô nhiễm 10 phút. Động thái này nhằm mục đích thu hút sự chú ý của chính phủ đối với các vấn đề ô nhiễm môi trường ở địa phương. Trong kinh Từ Bi Đức Phật có dạy hàng đệ tử của ngài rằng: *"Đối với mọi loài sống, nguyện cho tất cả các loài sinh vật trên trái đất đều được sống an lành, những loài yếu, những loài mạnh, những loài cao, những loài thấp, những loài lớn, những loài nhỏ, những loài ta có thể nhìn thấy, những loài ta không thể nhìn thấy, những loài ở gần, những loài ở xa, những loài đã sinh và những loài sắp sinh. Nguyện cho đừng loài nào sát hại loài nào, đừng ai coi nhẹ tính mạng của ai, đừng ai vì giận hờn hoặc ác tâm mà mong cho ai bị đau khổ và khốn đốn. Như một bà mẹ đang đem thân mạng mình che chở cho đứa con duy nhất, chúng ta hãy đem lòng từ bi mà đối xử với tất cả mọi loài."* Để cứu môi trường (Kinh Từ Bi, bản dịch của H.T Nhất Hạnh).

Tịnh hoá tâm hồn tu tập bảo vệ môi trường:

Đức Thế Tôn có dạy rằng: *"Không lửa nào bằng lửa tham dục, không ái nào bằng ái sân hận, không khổ nào bằng khổ ngu uẩn và không vui nào bằng vui Niết bàn"* (Pháp Cú 202). Thật vậy, khi ngọn lửa tham dục bùng lên thiêu đốt tâm can con người thì dễ khiến cho con người trở nên điên đảo, mê vọng, không còn tỉnh táo và gây nên biết bao khổ cảnh cho thế gian. Trong Phật giáo, thái độ tâm lý và đạo đức luôn liên hệ mật thiết với nhau, hành vi đạo đức căn y cứ nơi một tâm thức đầy từ bi và tĩnh lặng. Không gây hại cho các loài sống là một hành vi đạo đức, nhưng điều đó phải được phát xuất từ tâm từ bi thực sự. Và khi tâm từ bi đối với mọi loài được phát triển đến một tầm mức cao, đạo đức được thể hiện sẽ có hiệu quả một cách tự nhiên. Nó có thể cảm hoá và thu phục các loài muông thú. Điều này được chứng minh qua việc đức Phật thu phục con voi say Nalagiri, cũng như trường hợp voi và khỉ dâng cúng thực phẩm lên Ngài. Trong kinh có kể một câu chuyện rằng, có một vị Tỳ-kheo bị rắn cắn chết; và khi biết được sự việc này đức Phật đã dạy rằng, nếu vị Tỳ-kheo ấy có thái độ từ tâm đối với các loài rắn độc, thì vị ấy đã không bị rắn cắn chết. Những điều này không phải là huyền thoại khi ngày nay những vị tăng sỹ sống trong rừng ở Thái Lan, Miến Điện và Srilanka cũng có khả năng cảm hoá muông thú, ngay cả với những loài thú hung dữ như cọp báo (Peter Harvey, 2000, tr. 171).

Chúng ta nên áp dụng thực hành năm giới cấm của Phật để bảo vệ môi trường:

- Ý thức được những khổ đau do sát hại sinh vật chim muôn, thú rừng, hải sản gây ra mà nguyện không sát hại.
- Ý thức được những khổ đau do sự lường gạt, trộm cắp tài nguyên thiên nhiên và bắt công, bắt hợp pháp gây ra mà nguyện không vi phạm.
- Ý thức được những khổ đau cho mình và người do tà dâm gây ra mà nguyện không tà dâm.
- Ý thức được những khổ đau do lời nói thiếu chính

niệm, chính tuệ, phá hoại tài nguyên thiên nhiên gây ra mà nguyện không nói dối, nói những lời ác.

- Ý thức được những khổ đau do dùng chất ma túy và những chất kích thích làm say sưa tâm trí hại đến môi sinh, môi trường gây ra mà nguyện không nên dùng.

Như vậy, năm giới của Phật giáo mang một ý nghĩa thù thắng cho tất cả mọi loài. Mang lại sự cân bằng trong sinh thái, tạo nên một nếp sống trật tự an bình trong xã hội, làm cho mọi người mọi loài tin tưởng nhau và xích lại gần nhau hơn. Năm giới của Phật giáo như thế có giá trị vượt thời gian và không gian. Và bất cứ ở đâu, bất cứ thời đại nào, nếu con người còn tham ái là còn cần sự chế ngự của năm giới. Vậy nên, năm giới này là nguyên tắc đạo đức căn bản để làm người, hầu xây dựng một xã hội trật tự ổn định, một môi trường xanh, sạch, đẹp và mọi người được sống hạnh phúc, an vui.

Nguồn an lạc vô biên khi con người biết tu tập theo giáo lý của Đức Phật bảo vệ môi trường: Hiện nay vấn đề phát triển kinh tế bằng mọi giá là một trong những nguyên nhân làm suy thoái môi trường sống hiện nay. Bởi vì số lượng tài sản và mức độ tiêu thụ trở thành thước đo cho giá trị một đời sống, nên từ cá nhân đến cộng đồng mọi người ra sức phát triển kinh tế và ra sức tiêu thụ, biến quá đất thành một nhà máy và thị trường khổng lồ. Thái độ sống của những người theo chủ nghĩa đoạn diệt từ thời đức Phật, nay được con người hiện đại áp dụng sâu rộng vào trong đời sống. Nhưng chủ trương đời sống hưởng thụ của những người theo thuyết đoạn diệt ngày xưa không vi phạm vấn đề đạo đức bởi lối sống đó không gây hại cho người khác, thì nếp sống lạm dụng hưởng thụ ngày nay là một vấn đề của đạo đức học, bởi vì vấn đề tiêu thụ quá mức có liên hệ mật thiết đến việc làm tổn hại môi trường, tổn hại đời sống người khác và các loài khác.

Phật giáo luôn chủ trương một nếp sống giản đơn, tiết kiệm. Phát triển kinh tế phải đồng thời với việc phát triển khoa học, đạo đức, phát triển tâm thức và phát triển sự nhận thức về con người và thế giới. Phật giáo không phủ nhận việc phát triển kinh tế, bởi sự thiếu thốn tài vật dễ đưa con người đến vi phạm những vấn đề đạo đức và làm băng hoại xã hội. Nhưng sự giàu có được xây dựng trên một đời sống phi đạo đức lại đưa xã hội đến băng hoại theo một cách khác. Kinh tế học Phật giáo do đó hướng đến sự cần kiệm, cân bằng, giản đơn và không gây hại (E. F. Schumacher, 1973, tr. 52). Phải biết tôn trọng và bảo vệ rừng, đấu tranh cho quyền muông thú, giảm bớt vị trí con người trung tâm để cho mọi loài có thể chia sẻ những lợi ích giống nhau mà thiên nhiên ban tặng nơi quả địa cầu này được đặt ra đôi khi bị xem là điều hài hước khi người ta hình như ngày càng gia tăng thêm nữa thú vui hưởng thụ thịt chim muông, và lòng tham làm giàu từ việc khai thác và tiêu diệt không thương tiếc nguồn thiên nhiên vốn hữu hạn đang được thực hiện một cách vô trách nhiệm.

Đức Phật chỉ ra cho chúng ta quá trình quản sát sự vật trong thiên nhiên. Trong kinh Hoa Nghiêm, Ngài dạy rằng tất cả các Đức Phật đều có mười loại hình khác nhau, không phải chỉ có một thân hình. Mười thân này biến ra hàng hà sa số Phật. Chúng ta tưởng chỉ có một Phật Thích

Ca, nhưng Phật nói Ngài có thiên bách ức hóa thân; đó là điều quan trọng mà Phật đã phát hiện và sử dụng được. Và trong một hóa Phật có vô số hóa Bồ tát tu trong Chính pháp của Ngài và vô số hóa Bồ tát này cũng phát xuất từ một gốc là thân ngũ uẩn mà ra. Vì vậy, tu hành chuyển hóa ngũ uẩn thân gồm sắc, thọ, tưởng, hành và thức là pháp căn bản của Phật giáo; cho nên, có thể thấy rằng kinh Hoa Nghiêm cao tột, nhưng cũng phát xuất từ kinh Phật giáo Nguyên thủy. Theo tinh thần Hoa Nghiêm, thân ngũ uẩn của con người cũng gắn liền với cả vũ trụ bao la, với môi trường thiên nhiên. Vì thế, chinh phục được thân này là chinh phục được cả vũ trụ, cả môi trường thiên nhiên.

Chinh phục được tình cảm của chúng ta là chinh phục được tình cảm của xã hội. Vì vạn vật đồng một thể, nhưng loài người do vô minh ngăn che, do hiểu lầm, nghĩ mình có thể thay đổi được quốc gia cho đến vũ trụ, môi trường thiên nhiên tất cả theo ý mình; đó là sự sai lầm trầm trọng.

Trong thân thể chúng ta nếu có một phần bị thương thì chúng ta sẽ bị đau toàn thân và đau cả tâm hồn. Cũng vậy, ngũ ấm thân có mối liên kết chặt chẽ với vũ trụ, với môi trường thiên nhiên. Vì vậy, nếu chúng ta phát triển thân tâm mình theo chiều hướng xấu ác, khiến thân tâm mất thăng bằng, thì sẽ tác động làm cho xã hội, môi trường cũng mất thăng bằng, bị loạn động và cũng sẽ làm đảo lộn vũ trụ. Chính vì mối tương quan tương sinh rất mật thiết giữa muôn sự muôn vật, giữa con người với con người, giữa con người với xã hội, với môi trường thiên nhiên, vũ trụ, mà Phật dạy rằng "Do cái này có thì cái kia có, do cái này sinh thì cái kia sinh, do cái này diệt thì cái kia diệt", cho nên một cái mất thăng bằng sẽ ảnh hưởng xấu đến những cái khác. Nhận thức như vậy, chúng ta phải bảo tồn các loài khác, người khác, bảo tồn xã hội, bảo tồn môi trường thiên nhiên thì đó là bảo tồn chính chúng ta.

KẾT LUẬN

Hiện tại chúng ta đang sống trong một xã hội có đầy đủ tiện nghi vật chất và phương tiện nhưng không khỏi xót thương, trước những thảm cảnh đã và đang xảy ra. Con người trở thành kẻ thù của nhau và đang gieo rắc biết bao nỗi kinh hoàng cho nhau. Vậy hơn lúc nào hết ta cần phải thể hiện tính từ bi trong ta và dùng tư cách đạo đức của chính mình, khuyến khích mọi người biết nhìn vào những thảm trạng ấy mà làm những điều cần thiết nhất để góp một chút công sức vào trong công cuộc xây dựng thế giới hòa bình xã hội công bằng dân chủ văn minh. Chúng ta thật hạnh phúc, được sống trong một dân tộc đã có sẵn những nền tảng ấy nhưng không vì thế mà không kiện toàn, phát huy để đưa đất nước Việt Nam trở nên giàu đẹp. Sản phẩm Đạo Đức và Từ Bi của Phật giáo chính là những cây ngọt trái lành, những nụ cười sau những tháng ngày lo âu khổ sở trầm kha. Đó là con đường đi đến Phật quả của các bậc tu hành nếu không nhân nói đạo đức giải thoát và từ bi làm cội gốc thì khó thành tựu.

Con người là đối tượng, là trung tâm điểm để bàn bạc, nghiên cứu và tìm hiểu của hầu hết các chủ thuyết, tôn giáo... Cùng với tất cả những vấn đề khoa học, kinh tế,

văn hóa, chính trị, quốc phòng, tài nguyên, thiên nhiên, môi sinh, môi trường... cũng đều do con người mà có.

Suy cho cùng cũng không ngoài mục đích phục vụ cho lợi ích cũng như hạnh phúc của con người. Con người là do duyên năm uẩn tập hợp mà thành. Và con người cũng chính là kẻ thừa tự tất cả những hành vi và nghiệp lực của mình cả trong ba thời quá khứ, hiện tại và vị lai.

Tất cả mọi vấn đề hạnh phúc hay khổ đau, làm tốt đẹp cho môi trường thiên hay làm tổn hại môi trường thiên nhiên để rồi phải gánh chịu biết bao đau thương do thiên tai hạn hán, lũ lụt, động đất, sóng thần, bão từ... đều do con người tạo ra và thưởng phạt ngay cho chính cuộc đời mình. Ngoài con người ra không có bất cứ Thượng đế hay thần linh nào cho phép con người lên thiên đàng hay dẫn xuống địa ngục. Như trong Kinh đức Phật đã dạy:

*"Tự ta gây ác nghiệp
Tự ta nhiễm cấu trần
Tự ta tránh ác nghiệp
Tự ta thanh tịnh tâm
Nhiễm tịnh do ta cả
Không ai thanh tịnh ai."*

(Pháp cú 165)

Như vậy chúng ta có thể thấy rằng Đức Phật là một nhà tiên phong trong lĩnh vực bảo vệ môi trường sinh thái của trái đất. Sống theo Phật là sống tỉnh giác và sống yêu thương muôn loài, yêu thiên nhiên, môi trường, cho nên hiểu rõ những gì nên làm và làm những gì lợi ích cho nhiều người mà không gây tổn hại đến người khác, đến môi trường sống của muôn loài. Thế giới sống tốt đẹp hoàn hảo như vậy được gọi là Tịnh độ mà tất cả đệ tử Phật đời đời kiếp kiếp tinh tiến xây dựng và bảo hộ cho chính mình an trú và cho mọi người, mọi loài cùng tồn tại, cùng thăng hoa trong cuộc sống hạnh phúc, an lạc, hòa hợp, hòa bình và phát triển.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Dhammapada- Kinh Pháp Cú (Phân tích từ ngữ Pāli); Tác giả: Tỳ Kheo Đức Hiền biên soạn.*
2. *Lời Vàng Phật dạy- Kinh Pháp Cú- Dhammapada. NXB Phương Đông.*
3. *Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh- Hán dịch: Đại sư Thật-Xoa-Nan-Đà. Việt dịch: HT Thích Trí Tịnh (1988) 4. Thích Chơn Thiên, Lý Thuyết Nhân Tính Qua Kinh Tạng Pali, NXB Thành Phố Hồ Chí Minh, 1999.*
5. *Thích Chân Quang- Tâm Lý Đạo Đức, NXB Tôn giáo- 2004.*
6. *E. F. Schumacher, Small is Beautiful. Economics as if People Mattered, Harper and Row Publishers, New York, 1973*
7. *Peter Harvey, An Introduction to Buddhist Ethics, Cambridge, New York, 2000.*
8. *David J. Kalupahana, Ethics in Early Buddhism, Motilal Banarsidass Publishers, New Delhi, 2008.*
9. *Padmasiri de Silva, Environmental Philosophy and Ethics in Buddhism, ST. Martin's Press, New York, 1998.*
10. *Damien Keown, Buddhist Ethics: An Very Short Introduction, Oxford University Press, New York, 2005.*
11. *Kinh Trung Bộ (Majjhima Nikaya) - HT Thích Minh Châu- 1992*

và mục đích học tập đầu tiên của TNS là rèn luyện phẩm chất, nhân cách người tu sĩ Phật giáo. Chúng ta thấy, ở TNS kết quả học tập đạt ra không hoàn toàn nằm ở điểm số mà quan trọng hơn đó là tinh thần học tập luôn hướng về mục tiêu nâng cao tri thức và hoàn thiện nhân cách người đệ tử Phật bao giờ cũng được quan tâm, chú ý, điều đó được thể hiện qua thái độ *"Tích cực học tập để đạt kết quả cao nhất"* ở mức thường xuyên (TB = 3,76).

Ngoài ra các biểu hiện *"Hoàn thành mọi nhiệm vụ giảng viên giao phó"*

(TB = 3,69), *"Nghiêm túc trong kiểm tra, thi cử"* (TB = 3,60) và *"Thiết lập và phát triển các mối quan hệ thầy trò, huynh đệ đồng học nhằm giúp bản thân học tập tốt hơn"* (TB = 3,58) cũng được thể hiện thường xuyên ở TNS Học viện, những biểu hiện này phản ánh việc thực hiện quy chế, nề nếp và nội quy học tập trong nhà trường khá tốt.

Bên cạnh đó để tăng cường sự say mê, hứng thú học tập TNS cũng biết cách thiết lập các mối quan hệ thầy trò, bạn đồng tu nhằm giúp bản thân học tập tốt hơn.

Ni sinh Nguyễn Thị U (*Pháp danh Minh T, lớp Phật giáo Việt Nam, khóa 8*) chia sẻ về thái độ học tập của mình: *"Thực hiện tiến độ học trên trường, lập kế hoạch học tập và thực hiện nghiêm túc, tạo mối quan hệ kiến thức giữa các môn học, tạo điều kiện thiết lập các mối quan hệ thầy trò, bạn bè giúp bản thân học ngày càng tốt hơn, tích cực học tập để đạt kết quả tốt"*. Thái độ học tập nghiêm túc như vậy khiến TNS cảm thấy *"Không hài lòng khi thấy huynh đệ đồng học thiếu nghiêm túc trong giờ học"*, tuy nhiên biểu hiện này chỉ thỉnh thoảng chứ chưa thường xuyên (TB = 3,01).

Đặc biệt, biểu hiện *"Cảm thấy học tập trên lớp mệt mỏi nên thời gian còn lại tranh thủ giải trí, làm việc khác"* hiếm khi xảy ra (TB = 2,82) cho thấy TNS

Học viện dành nhiều thời gian cho việc học, ngoài học tập ra họ ít chú ý và tham gia các hoạt động giải trí khác.

Sau giờ học ở trường, các TNS phải tham gia vào các hoạt động phật sự và thời khóa tu tập nhưng họ vẫn đầu tư thời gian cho việc tự học, tự nghiên cứu của mình. Tăng sinh Thái Văn Tư (*Pháp danh Pháp Hạnh, lớp Đại cương, khóa 9*) chia sẻ: *"Ngoài giờ học trên lớp, khi trở về chùa tôi dành nhiều thời gian cho cho việc lên mạng tìm tài liệu hay đọc sách để tích lũy thêm kiến thức bổ sung cho việc học trên lớp"*.

Trên đây là bức tranh tổng thể biểu hiện thái độ học tập của TNS nói chung. Vấn đề đặt ra liệu trong bức tranh tổng thể đó có sự khác biệt về những biểu hiện trên bình diện giới tính hay không?

Ở từng biểu hiện cụ thể, thái độ học tập của Tăng sinh và Ni sinh có các mức thể hiện khác nhau. Những biểu hiện *"Tích cực học tập đạt kết quả cao nhất"*, *"Hoàn thành mọi nhiệm vụ giảng viên giao phó"*, *"Nghiêm túc trong kiểm tra, thi cử"* được Tăng sinh thể hiện tích cực hơn Ni sinh. Ngược lại ở các biểu hiện: *"Vui vẻ, thoải mái trong học tập"*, *"Tự giác, chủ động trong học tập"*, *"Luôn khắc phục những khó khăn để hoàn thành kế hoạch học tập"*, *"Thiết lập và phát triển mối quan hệ thầy trò, bạn bè nhằm giúp bản thân học tập tốt hơn"*, *"Không hài lòng khi thấy huynh đệ đồng*

học thiếu nghiêm túc trong giờ học", những biểu hiện này Ni sinh thực hiện tốt hơn so với Tăng sinh. Đặc biệt ở biểu hiện thái độ *"Cảm thấy học tập trên lớp mệt mỏi nên thời gian còn lại tranh thủ giải trí, làm việc khác"* Ni sinh hiếm khi thể hiện hơn Tăng sinh (TB = 2,74 < 2,91), có thể nói Ni sinh có tính cẩn cù, chăm chỉ học tập, thường tận dụng thời gian để học tập, ít tham gia những hoạt động mà họ cho là tốn thời gian.

Như vậy, ở từng biểu hiện trên bình diện giới tính cũng có sự khác biệt nhỏ về thái độ học tập. Ni sinh có chiều hướng thể hiện thái độ học tập chăm chỉ, cẩn cù hơn Tăng sinh. Kết luận và kiến nghị TNS Học viện Phật giáo đã thể hiện thái độ học tập tích cực với mức độ thường xuyên. Nhiều TNS đã có biểu hiện ý thức tự giác, hứng thú say mê, nỗ lực vươn lên khắc phục khó khăn và đầu tư thời gian để hoàn thành nhiệm vụ học tập.

Qua thực trạng biểu hiện thái độ học tập của TNS như trình bày, chúng ta còn nhận thấy có sự hài hòa thống nhất từ ý thức đến cảm xúc, hành vi học tập.

Điều này nói lên tinh thần cầu tiến và quyết tâm cao độ của TNS trong việc tích cực học tập nhằm đạt được mục tiêu đã đề ra. Cần lưu ý rằng kết quả học tập không chỉ phụ thuộc vào việc nhận thức đúng đắn, thái độ học tập tích cực, mà còn phụ thuộc rất nhiều vào hành vi học tập trên lớp cũng như ngoài giờ lên lớp.

Để TNS có hành vi học tập mạnh mẽ, phù hợp, đúng đắn với chương trình đào tạo cử nhân Phật học rất cần được sự tiếp tục quan tâm nghiên cứu của Hội đồng điều hành, giảng viên và các nhà giáo dục Phật giáo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thái Văn Anh (2013), *"Động cơ học tập của sinh viên Học viện Phật giáo Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh"*, Luận văn Thạc sĩ Tâm lý học, Trường ĐH Sư phạm TP.HCM.
2. Trần Thị Minh Hằng (2011), *Tự học và yếu tố tâm lý cơ bản trong tự học của sinh viên sư phạm*, Nxb Giáo dục.
3. Phạm Thành Nghị (2013), *Tâm lý học giáo dục*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
4. Huỳnh Văn Sơn (2012), *Tâm lý học Sư phạm Đại học*, Nxb Đại học Sư phạm Tp.HCM.

Suy ngẫm

Biến đổi từ trong mỗi sát na
Sinh ra ở giữa cõi ta bà
Thân tâm trường dưỡng, nhân duyên lại
Một thoáng trăm năm một thoáng qua.

Sắc sắc không không

Vẫn là sắc sắc – không không
Đất trời có tự khi không có gì
Đời người thoát đến, thoát đi
Từ trần gian lại trở về trần gian.

Chăm lo đạo đời

*Nhớ về cố Đại lão hòa thượng Thích Thanh Tứ,
Tùng lâm Quán sứ*

Tay lần tràng hạt tìm theo Phật
Miệng hỏi dân tình chuyện nước non
Chăm việc đạo đời hai như một
Trăm năm lo tính “cuộc vương tròn”.

Phật tử **Bảo Hồng Liên**

Ảnh: MPK



VAI TRÒ CỦA NỮ GIỚI TRONG GIÁO LÝ PHẬT ĐÀ

● Thích Huệ Sĩ

Vai trò của nữ giới trong xã hội từ trước khi đức Phật ra đời rất mờ nhạt, địa vị trong gia đình và xã hội rất không được coi trọng. Công việc chính của người phụ nữ chính là việc nội trợ, chăm sóc gia đình. Còn các việc có tính chất quyết định, ngoại giao, tế lễ... thì người phụ nữ chưa có cơ hội tham gia...

Đến thời đức Phật, Ngài đã có những cách nhìn nhận khác biệt truyền thống; đề cao và tôn vinh vai trò to lớn của người nữ trong cộng đồng xã hội. Trong kinh Tương ưng bộ, tập 1, khi vua Pasenadi, quốc chủ của Kosala đang tham vấn đạo lý với đức Phật, được tùy tùng báo tin là hoàng hậu Malika vừa hạ sanh một người con gái thì nhà vua tỏ vẻ buồn. Sau khi biết được ý vua, Phật đã nói lên bài kệ sau:

"Này nhân chủ, ở đời,
Có một số thiếu nữ

*Có thể tốt đẹp hơn,
So sánh với con trai,
Có trí tuệ, giới đức,
Khiến nhạc mẫu thân phục.
Rồi sinh được con trai,
Là anh hùng quốc chủ,
Người con trai như vậy,
Của người vợ hiền đức,
Thật xứng là Đạo sư,
Giáo giới cho toàn quốc"⁽¹⁾*

Qua bài kệ chúng ta thấy có hai điều mà Phật đã đề cập. Một là Ngài đề cao vai trò của nữ cũng bình đẳng như nam giới, thậm chí có phần vượt trội hơn. Vì chính những người phụ nữ có đức hạnh, trí tuệ, tài giỏi mới sinh được những người quốc chủ, là những anh hùng mở mang bờ cõi, đem lại hạnh phúc cho quê hương đất nước. Đức Phật hay bất kỳ những vị tôn sư cao quý nào ở trên đời cũng đều được mẹ sanh ra.

Với đức Phật tiêu chí hàng đầu là "làm người" tức là đạo hạnh chứ không đơn giản chỉ là giới tính; nếu là người nam mà không có đức hạnh, không tài giỏi, thì không những không làm lợi ích cho gia đình, xã hội mà còn là kẻ phá gia chi tử, làm ảnh hưởng đến uy tín gia đình, làm cho cha mẹ buồn rầu, mọi người xa lánh. Những người này so với những người phụ nữ chân chính, giỏi giang thì không bằng. Vì chính một người phụ nữ tốt, tài giỏi mới sinh ra và dạy dỗ những đứa con tốt, trong đó có những đấng nam nhi chí chí.

Phật dạy trong Kinh Giáo thọ Thi-ca-la-việt người chồng có năm cách đối xử với vợ: "Kính trọng vợ, không bất kính đối với vợ, trung thành với vợ, giao quyền hành cho vợ, sấm đổ nữ trang cho vợ"⁽¹⁾. Và ngược lại người vợ cũng có năm cách đối xử với chồng. Qua năm điều trên chúng ta thấy điều nào đức Phật cũng nâng cao giá trị của người phụ nữ bình đẳng như nam giới. Không có điều nào là Phật cho phép người đàn ông làm tổn hại đến người nữ từ tinh thần đến vật chất.

Cũng vấn đề bình đẳng giới mà trong kinh Đại bát Niết - bàn, Phật đã hóa độ cho Ambapàli, một dâm nữ nổi tiếng ở Vesālì bằng một bài pháp. Sau khi nghe pháp xong nàng ta rất hoan hỷ với lời dạy của Phật và thỉnh Ngài và chư thánh chúng về cúng dường ngọc trư ngày hôm sau. Phật đã hứa khả. Khi Ambapàli vừa đi khỏi có một nhóm công tử Licchavi cũng đến thỉnh Phật đến nhà họ để được cúng dường nhưng Phật không nhận lời vì đã hứa thọ thực tại nhà Ambapàli rồi.

Qua câu chuyện này cho chúng ta thấy được quan niệm bình đẳng và tôn trọng người khác được biểu hiện một cách rất rõ rệt. Nếu là một vị Tôn sư khác thì có lẽ họ sẽ nhận lời nhóm công tử Licchavi và gởi lời từ chối đến cô dâm nữ vì những lý do sau:

Nhóm Licchavi rất giàu có, danh giá. Nếu nhận lời mời của họ thì danh dự và uy tín sẽ được tăng lên, được nhiều lợi ích. Rồi sau này trên con đường hành đạo sẽ được những người này ủng hộ, đó sẽ là một lợi thế rất lớn.

Còn đối với dâm nữ Ambapàli thì ngược lại, là một người không có địa vị trong xã hội, lại làm một nghề rất là nhạ cảm,... nếu nhận lời của người này không khéo sẽ bị mang tiếng,...

Đức Phật không vì những lý do trên mà từ từ chối Ambapàli. Không phải vì Ngài là một Bậc Đạo sư nên phải giữ uy tín, mà đơn giản là Phật dùng sự chân thành và sự cảm thông để đáp lại tấm lòng thành tín của cô dâm nữ mà thôi. Đây cũng chính là nét đặc biệt, gắn gũi và giản dị của đức Phật đối với mọi người. Đồng thời cũng khẳng định được tinh thần bình đẳng hóa độ của đức Phật đối

với chúng hữu tình, không phân biệt sang hèn, nam nữ.

Cũng trong Trường bộ kinh, tập 1, bài Kinh Đại bát niết bàn, khi ác ma nhắc lại lời hứa của đức Phật sẽ nhập niết bàn khi nào tứ chúng được độ xong. Thì Phật trả lời: "Này Ác ma hãy yên tâm, không bao lâu Như Lai sẽ diệt độ. Sau ba tháng bắt đầu từ hôm nay. Như Lai sẽ diệt độ". Đây chính là lời tuyên bố của Phật sẽ nhập niết bàn sau khi đã hoàn thành xong nhiệm vụ giác tha. Như trước khi lời nói này đã xác quyết thì Ngài đã nói gì với ác ma khi nó yêu cầu Ngài nhập niết bàn. "Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào những Tỷ-kheo của Ta chưa trở thành những vị đệ tử chân chánh, sáng suốt có kỷ luật, sẵn sàng, đa văn, duy trì chánh pháp, thành tựu chánh pháp,..." "Những Tỷ-kheo ni của Ta"... "những nam cư sĩ của Ta"... "những nữ cư sĩ của Ta chưa trở thành những vị đệ tử chân chánh sáng suốt,..."

Qua các đoạn trích trên, cho chúng ta thấy tính bình đẳng giữa nam và nữ một lần nữa được đức Phật xác định. Nếu đức Phật là người trọng nam khinh nữ thì trên bước đường giáo hoá của mình đức Phật đã không cho người nữ xuất gia, không hoá độ cho các nữ cư sĩ,... Nhưng với lòng từ bi, sự bình đẳng hoá độ người hữu duyên, Phật đã hoá độ cho tất cả những ai biết hướng về con đường thiện lành. Những lời mà Phật trả lời với ác ma chẳng qua là một lần nữa Phật khẳng định tứ chúng của Ngài có đủ cả Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ni, Cư sĩ nam, Cư sĩ nữ. Và cũng chính câu trả lời này cũng giúp cho chúng ta hiểu rằng vị trí người nam và người nữ trong mắt Ngài đều bình đẳng như nhau. Vì thế mà trong đại chúng của Ngài có hai chúng nam, hai chúng nữ.

Nếu có một người nào đó trong chúng ta nói đức Phật là người trọng nam khinh nữ thì người viết cho đó là một điều sai lầm. Vì nếu là bất bình đẳng thì trong tứ chúng của Ngài có thể sẽ có ba chúng nam, một chúng nữ, hoặc cũng có thể cũng không có chúng nữ nào. Nhưng ở đây số lượng chúng nam và chúng nữ là đều nhau nên vấn đề bất bình đẳng không có xảy ra ở trong giáo lý của đức Phật. Và điều này chúng ta sẽ bắt gặp trong câu pháp cú số 332:

"Vui thay, hiểu kính mẹ!

Vui thay, hiểu kính cha!

Vui thay, kính Sa-môn!

Vui thay, kính Hiền thánh!"

Qua câu Pháp cú này cho chúng ta thấy điều gì? Hình ảnh người mẹ được gắn liền với người cha, với bậc Sa-môn, hiền thánh. Mà người mẹ là đại diện cho những người phụ nữ, người cha đại diện cho những người nam. Cha và mẹ được đặt ngang hàng nhau, điều này có nghĩa là người nam và người nữ có một vị trí như nhau, không cao không thấp, không sang không hèn.

Qua một số minh chứng nêu trên cho chúng ta thấy vai trò của người phụ nữ trong giáo lý của đức Phật chiếm một vị trí hết sức đặc biệt, luôn đứng ngang hàng với vị trí của những người cao quý khác trong xã hội mà không ai phủ nhận được. Vì trong mắt của đức Phật không có người nam, người nữ mà chỉ có những chúng sanh đau khổ cần được độ mà thôi.



VÀI SUY NGHĨ VỀ

PHÁP MÔN NIỆM PHẬT

● Phan Minh Đức

Pháp môn niệm Phật, quán tưởng Phật đã có từ thời Phật giáo Nguyên thủy. Trong kinh Tăng Chi I, chương I, phẩm Một pháp (HT. Thích Minh Châu dịch từ Pàli sang Việt, VNCPHVN ấn hành, 1996) còn ghi lại lời Đức Phật dạy như sau: “Có một pháp này, này các tỳ kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến nhất hướng, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết bàn. Một pháp ấy là gì? Chính là niệm Phật. Chính một pháp này, này các tỳ kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến nhất hướng, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết bàn”.

Kinh Tăng Nhất A Hàm, phẩm Thập niệm số 2 (HT, Thích Thanh Từ dịch từ Hán sang Việt, HT. Thích Thiện Siêu hiệu đính, VNCPHVN ấn hành, 1997) cũng ghi lại lời Đức Phật dạy về pháp môn niệm Phật: “Hãy tu hành một pháp, truyền bá rộng rãi một pháp, sẽ thành tựu được thần thông, bỏ các loạn tưởng, đạt quả sa môn, tự đến Niết bàn. Thế nào là một pháp? Nghĩa là niệm Phật. Hãy khéo tu hành, hãy truyền bá rộng rãi, sẽ thành tựu thần thông, bỏ các loạn tưởng, đạt quả sa môn, tự đến Niết bàn. Thế nên, này các tỳ kheo, hãy tu hành một pháp, truyền bá rộng rãi một pháp. Như thế, này các tỳ kheo,

nên học điều này”.

Kế tiếp, trong phẩm Quảng Diễn số 3, Đức Phật dạy rõ thế nào là niệm Phật: “Hãy tu hành một pháp, hãy truyền bá rộng rãi một pháp. Tu hành và truyền bá rộng rãi một pháp, sẽ có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều lành đầy đủ, được hưởng vị cam lồ, đến được chỗ vô vi, sẽ thành tựu thần thông, trừ các loạn tưởng, đạt được quả sa môn, tự đến Niết bàn. Thế nào là một pháp? Nghĩa là niệm Phật. Thế nào là tu hành niệm Phật sẽ có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều lành đầy đủ, được hưởng vị cam lồ, đến được chỗ vô vi, sẽ thành tựu thần thông, trừ các loạn tưởng, đạt

được quả sa môn, tự đến Niết bàn? Hãy lắng nghe, lắng nghe và khéo suy nghĩ. Nếu các tỳ kheo chính thân, chính ý, ngồi kiết già buộc niệm ở trước, không có một ý tưởng nào khác, một lòng niệm Phật, quán hình tướng Như Lai chưa từng rời mắt, đã chẳng rời mắt, liền niệm công đức của Như Lai. Thế của Như Lai bằng kim cương, đầy đủ Mười lục, Bốn vô sở úy, giữa chúng dũng kiện. Dung mạo Như Lai đoan chính vô song, nhìn không chán mắt. Giới đức thành tựu giống như kim cương không thể phá hủy, thanh tịnh không tỳ vết cũng như lưu ly. Tam muội của Như Lai chưa hề sút giảm, dùng lạng vĩnh viễn không có niệm khác; các tình cảm kiêu mạn, quật cường, các tâm ý dục, tưởng sân, ngu hoặc, do dự, buộc kết, đều trừ sạch cả. Trí tuệ của Như Lai không bờ mé, không bị chướng ngại. Thân của Như Lai do giải thoát thành tựu, không còn sanh lại để phải nói rằng: "Ta sẽ đọa vào sanh tử nữa". Thân Như Lai là độ tri kiến thành tựu, biết căn tánh người khác nên độ hay không nên độ, biết họ chết đây sanh kia, qua lại xoay vần bên bờ sanh tử, người có giải thoát, người không giải thoát đều biết hết cả. Đó là tu hành niệm Phật, sẽ có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều lành đầy đủ, được vị cam lồ, đến được chỗ vô vi, sẽ thành tựu thần thông, trừ các loạn tướng, đạt được quả sa môn, tự đến Niết bàn. Thế nên, các tỳ kheo thường nên tư duy, chẳng lìa niệm Phật thì sẽ được các công đức lành này. Như vậy, các tỳ kheo hãy học điều này".

Pháp niệm Phật trên chính là quán tưởng niệm Phật. Có điều thời điểm Đức Phật Thích Ca Mâu Ni dạy bài kinh này là lúc Ngài còn tại thế, do đó vị Phật mà các vị tu hành bấy giờ thường quán niệm chính là Ngài, một hình tượng rõ ràng, cụ thể. Nhưng sau khi Đức Phật Thích Ca nhập Niết bàn thì Phật giáo Phát triển mở rộng, phát huy tư tưởng Tịnh độ (chỉ các cảnh giới Niết bàn của các bậc thánh, cao nhất là cảnh giới Niết bàn của chư Phật) và pháp môn niệm Phật, xây dựng thành hệ tư tưởng Tịnh độ.

Dĩ nhiên là Phật giáo Phát triển không xây dựng nền tảng hệ tư tưởng Tịnh độ bằng tư duy không tưởng, hay cụ thể là Đức Phật A Di Đà cùng với cảnh giới Cực Lạc không có thật, chỉ là sản phẩm của trí tưởng tượng để làm chỗ nương tựa, vỗ về niềm tin. Qua kinh điển Nguyên thủy, Đức Phật Thích Ca đã từng cho biết có các vị Phật quá khứ và Phật tương lai (cụ thể là Đức Phật Di Lặc - Từ Thị), điều đó cũng có nghĩa là ngoài Đức Phật Thích Ca ra còn nhiều vị Phật khác, trong đó có Đức Phật A Di Đà đang giáo hóa chúng sinh ở cõi Cực Lạc. Mà công đức, phước báu, trí tuệ của các vị Phật là như nhau, cho nên tưởng niệm một vị Phật cũng chính là tưởng niệm các vị Phật khác.

Nếu như một số ý kiến giả thuyết cho rằng Đức Phật A Di Đà không phải là Đức Phật lịch sử (trong quá khứ), thì ở phương diện khác, với ý nghĩa khác, người tu học Phật cũng có thể xem Ngài là một hình tượng tiêu biểu về một Đức Phật. Những đức tính, đức tướng của một vị Phật (phước đức, trí tuệ, hào tướng quang minh, tâm từ bi và hạnh nguyện lợi tha...) đều có đủ nơi hình tượng Đức Phật A Di Đà mà các kinh luận miêu tả. Phật giáo Phát triển đã xây dựng hình tượng Đức Phật A Di Đà như hình tượng của Đức Phật Thích Ca, và thế giới Cực Lạc hay cõi Tịnh độ của Đức Phật A Di Đà không khác gì cảnh giới

Niết bàn thanh tịnh của chư Phật (với đặc tính vô tham, vô sân, vô si; thường, lạc, ngã, tịnh; bất sinh, bất diệt; không còn phiền não khổ đau, luân hồi sinh tử). Ý nghĩa của Phật A Di Đà chính là đức tướng, đức tánh của một vị Phật, và cõi Cực Lạc hay cảnh giới bất thối chuyển (không còn trở lui lại trạng thái luân hồi sinh tử) của các thượng thiện nhân sinh về đó chính là cảnh giới Niết bàn.

Một hình tượng Đức Phật A Di Đà cụ thể, rõ ràng, có những đức tánh, đức tướng như những vị Phật khác; một thế giới Cực Lạc cũng cụ thể, rõ ràng, có đặc tính như cảnh giới Niết bàn của chư Phật, đây chính là hai đối tượng để quán niệm, quán tưởng thích hợp cho mọi thành phần tu tập, dù đó là bậc thượng căn thượng trí hay hạ căn hạ trí, dù là bậc nặng về niềm tin hay lý trí.

Bên nhà thiền có bộ Tư duy lược yếu pháp do Pháp sư Cưu Ma La Thập (344 - 413) đời Diêu Tấn (384 - 417) dịch, là bộ kinh hướng dẫn người tu thiền quán ở bước đầu, nội dung gồm 10 pháp quán tưởng mà người tu có thể chọn lựa:

1. Quán Tứ vô lượng tâm (quán bốn tâm vô lượng từ, bi, hỷ, xả, đem lòng từ bi bình đẳng mà xử thế và cứu độ chúng sinh)

2. Bất tịnh quán (quán thân người như nhớp, xấu xa đáng chán để đoạn trừ tham dục, sân nhuế và si mê)

3. Bạch cốt quán (quán thân mình và thân người khác chỉ toàn là máu thịt và những khúc xương trắng liên kết cấu tạo thành. Quán như thế để đoạn trừ tham dục, chướng Sơ thiên: ly sinh hỷ lạc)

4. Phật tam muội quán (quán hình tượng Phật cho đến khi nhắm mắt cũng như mở mắt đều thấy hình ảnh Phật trước mắt)

5. Sinh thân quán (quán hiện thân của Phật, quá trình tu nhân, thành đạo, thuyết pháp hóa độ chúng sinh)

6. Pháp thân quán (quán những đức tính của Phật như Thập lục, Tứ vô úy...)

7. Thập phương chư Phật quán (quán có các vị Phật ở khắp mười phương đang phóng quang thuyết pháp)

8. Vô Lượng Thọ Phật quán (quán Phật Vô Lượng Thọ thân vàng sáng chói, hào quang rực rỡ ngồi giữa hư không)

9. Chư pháp thực tướng quán (quán các pháp do duyên sinh, không thật tướng, thật thể)

10. Pháp Hoa tam muội quán (quán Đức Phật Thích Ca và Phật Đa Bảo cùng ngồi trong tháp thất bảo, phóng quang hóa hiện các hóa Phật ở khắp mười phương thuyết kinh Pháp Hoa).

Nội dung 10 pháp quán niệm, quán tưởng trên gồm có các pháp quán niệm, quán tưởng của thiền quán Nguyên thủy (Quán bất tịnh, quán bạch cốt, quán Tứ vô lượng tâm, quán sinh thân Phật) và thiền quán của Phật giáo Phát triển sau này (Quán Phật tam muội, quán Thập phương chư Phật, quán Vô Lượng Thọ Phật, quán Pháp Hoa tam muội). Không lý nào quán bất tịnh, quán bạch cốt được (như quyển sách thiền trên đây) mà quán hào tướng Phật như Tịnh độ tông lại không được, cho là pháp không đáng tin cậy? Mục đích chính của các pháp quán này là nhằm định tâm, dứt trừ loạn tưởng và các lậu hoặc phần thô, là bước đầu để đi sâu vào các cấp độ thiền quán dứt trừ lậu

hoặc vi tế.

Pháp tu Tịnh độ không chỉ là niệm Phật mà còn phát tâm Bồ Đề, làm các công đức, tin sâu nhân quả, thọ Tam quy, trì Ngũ giới, hành Thập thiện (*Xem thêm kinh Quán Vô Lượng Thọ*). Chưa kể phát Bồ Đề tâm, trên cầu Phật đạo, dưới hóa độ chúng sinh; chưa kể công đức niệm Phật, chỉ cần thọ Tam quy, hành Thập thiện trọn vẹn cũng đã gieo nhân làm nền tảng để sau này thành tựu đạo quả Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát, Phật (*Xem thêm kinh Thập thiện nghiệp đạo*). Luận về niệm Phật, trong Khóa hư lục⁽¹⁾, quyển Thượng của Trần Thái Tông Hoàng đế, Thiển sư Việt Nam thời Trần có viết: "*Niệm Phật do tâm khởi. Tâm khởi thiện là thiện niệm, Khởi thiện niệm tất báo thiện nghiệp. Tâm khởi ác là ác niệm. Sinh ác niệm tất ứng ác nghiệp. Như gương hiện ảnh, tựa bóng theo hình*".

Các kinh của Tịnh độ tông không phải là kinh của Phật giáo Trung Quốc như một số người từng nghĩ, mà nó bắt nguồn từ Phật giáo Ấn Độ truyền sang Trung Quốc. Ở Trung Quốc vào cuối đời Đông Hán (25 - 220), có Đại sư Chi lâu ca sấm, người nước Đại nhục chỉ dịch các kinh thuộc hệ Bản Duyên, hệ Bát Nhã, hệ Hoa Nghiêm, Bảo Tích từ Phạn sang Hán. Và với hai bản dịch Phật thuyết Ban chu tam muội kinh và Ban chu tam muội kinh, Ngài được xem là người đầu tiên phổ biến tư tưởng niệm Phật A Di Đà và thế giới Tây phương Cực Lạc, làm cơ sở cho tín ngưỡng Tịnh độ sau này⁽²⁾. Đến đời Tào Ngụy (220 - 265) Đại sư Khương tăng khải người nước Khương cư dịch Vô Lượng Thọ kinh. Đời Ngô Tôn Quyền (222 - 280) cư sĩ Chi Khiêm gốc người Đại nhục chỉ dịch bộ Đại A Di Đà kinh; Đời Hậu Tấn (Diêu Tấn, 384 - 417) Pháp sư Cứu ma la thập người nước Khâu tư dịch Phật thuyết A Di Đà kinh; Đời Lưu Tống (420 - 478) Đại sư Cương lương da xá người Tây Vực dịch Quán Vô Lượng Thọ kinh; Đời Tuyên Võ Đế (499 - 515), Bắc Ngụy Ngài Bồ đề lưu chi dịch Vãng sinh Tịnh độ luận (tức Vô Lượng Thọ kinh luận do Ngài Thế Thân trước tác) v.v.. Về sau ba bộ kinh Vô Lượng Thọ, Quán Vô Lượng Thọ, Phật thuyết A Di Đà và bộ luận Vãng sinh Tịnh độ được xem là quan trọng nhất của tông Tịnh độ.

Cuối thời Đông Tấn (317 - 419), lịch sử Phật giáo Trung Quốc xem là thời đại thiển học cực thịnh, và Đại sư Huệ Viễn (*Sơ tổ của tông Tịnh độ sau này*) cũng là bậc cao tăng chuyên nghiên cứu và tu học Giới, Định, Tuệ, lấy thiển định làm trọng tâm⁽³⁾, nhưng tại sao Ngài lại tổ chức một giáo đoàn sơ khai chuyên tu Tịnh độ gồm cả tăng và tục là Bạch liên xã ở chùa Đông Lâm, biến vùng Lô Sơn thành một trung tâm Phật giáo nổi tiếng thời bấy giờ? Điều này cho thấy giáo nghĩa Tịnh độ có cơ sở vững chắc và có những điểm đặc sắc, đặc thù, phù hợp với nhiều đối tượng.

CHÚ THÍCH

(1) Khóa hư lục, HT.Thích Thanh Kiểm dịch, Thành hội Phật giáo TP.Hồ Chí Minh ấn hành, 1997, tr.47

(2) Theo Phật Quang đại từ điển, 1988, tr.1416B-C

(3) Xem thêm Lịch sử Phật giáo Trung Quốc, HT.Thích Thanh Kiểm biên soạn, Thành hội Phật giáo TP.Hồ Chí Minh ấn hành, 1991, tr.78-81.

Vu lan nhớ mẹ

● Kim Tâm
Thích Hạnh Niệm

Con về chùa cổ lễ Vu Lan
Nhớ mẹ không nguôi lệ nhỏ hàng
Xưa mẹ chùa này, đi lễ Phật
Mỗi Rằm, mồng Một tháng đều năm

Theo mẹ con đi chùa thưở ấy
Tung tăng chân sáo chạy quanh sân
Sư ông, sư bá thường cho bánh
Vượt tóc khen rằng trẻ khéo ngoan!

Theo bước thời gian tuổi mẹ già
Không còn đi hết quãng đường xa
Gởi con năm chục lên dâng cúng
Mẹ bảo: "Lòng thành Phật chứng đa!"

Từ đó mẹ luôn ở tại nhà
Mỗi ngày hai buổi với hương hoa
Mẹ dâng cúng Phật tâm thành niệm
Cầu nguyện vãng sanh được chánh toà

Một tối ngày hè mẹ xả thân
Hương bay thơm ngát khắp xa gần
Trên mây như cỏ liên đài hiện
Sáng toả - Mẹ tôi được pháp phần

Tôi còn bận bịu với gia thân
Nên việc kệ kinh chẳng được cần
Mỗi độ lên chùa tôi nhớ lại
Những lần theo mẹ lễ Vu Lan!

Ảnh: Hà Anh

Bài học

ĐẦU TIÊN

● Lê Đan

1. Tuyết lại một lần nữa chạm mặt cái anh chàng tóc xoăn, râu quai nón ấy. Hắn ta tên là Tam, hơn chục lần hắn đón đường Tuyết đi học về tán tỉnh. Hôm nay cũng với cái giọng trầm ấy:

"Anh mời Tuyết tối nay đi uống nước mía?"

"Tuyết đã nói với anh nhiều lần rồi là Tuyết còn đang đi học. Với lại đi em rất khó tính. Từ nay xin anh đừng gặp em nữa".

Tuyết nghiêm trang ôm cái cặp trước ngực, giọng nói dịu dàng càng thêm duyên dáng với chiếc áo dài trắng nữ sinh lớp 11, làm cho anh chàng Tam này ngất ngây trước nhan sắc của Tuyết. Tam sẵn lại ngay sát trước mặt Tuyết van xin: *"Anh thật tình thương em mà!"*

Tuyết xô Tam ra rồi gắt giọng: *"Xin cảm ơn anh nhiều. Tuyết nói với anh lần cuối, xin anh đừng quấy rầy, để cho Tuyết học, đến mười tám tuổi Tuyết sẽ trả lời anh".*

Tuyết phải nói bừa ra như vậy để anh chàng này chấm dứt tình trạng đón đường, chứ thật ra trong lòng Tuyết chưa hề nghĩ đến chuyện duyên tình, cứ mỗi lần anh ta đón đường thì đưa em gái cùng cha khác mẹ với Tuyết sẽ

về mách lại và Tuyết sẽ chịu một *"chầu cà phê đen không đường đắng nghét!"* của bà mẹ kế Lệ Quyên.

Hồi còn nhỏ thì Tuyết đã ném mùi đòn roi ác độc của bà Lệ Quyên, bây giờ bà không dùng đòn roi nhưng đau xót hơn nghìn lần roi đòn với những lời nhiếc mắng đay nghiến cay độc xúc phạm đến người mẹ đã quá vãng của Tuyết: *"Mẹ lang, đẻ con khoang cổ, mới mười sáu tuổi ranh hỉ mũi chưa sạch mà đã đứng đường trăng gió với trai. Cái thứ con gái mất nết như mi mà đòi đi tu thì có chùa nào nhận?..."*

Bà Lệ Quyên nói như vậy, nhưng thực ra trong lòng bà rất muốn tống cổ Tuyết ra khỏi nhà cho rảnh nợ. Tuyết đoán biết được thâm ý này của bà cho nên Tuyết đã quyết tâm thực hiện ý nguyện cao cả của mình bằng cách viết một lá thư xin xuất gia đầu Phật kính gởi đến sư cô trụ trì chùa Viên Quang ở phía Nam mà Tuyết đã có lần gặp khi sư cô về thăm quê nhà.

2. Bây giờ nếu người quen gặp Tuyết cũng khó nhận ra vì Tuyết đã trở thành tiểu Ngọc với cái chòm tóc vắt qua tai và bộ đồ tu màu lam rộng thùng thình. Tưởng đâu ăn

mặc như vậy cô bé Tuyết sẽ biến thành một cô tiểu xấu xí, nhưng cô vẫn còn xinh đẹp lắm, khiến phật tử đến chùa ai cũng chắt lưỡi tiếc cho cô bé xinh đẹp tuổi trăng tròn: “Đẹp vậy mà đi tu uống quá!”. Tiểu Ngọc thấy những lời khen của quý phật tử có lý khi tiểu nhìn vào tấm hình mới chụp để làm giấy tờ tùy thân.

Á khôi cuộc thi nữ sinh thanh lịch năm trước nay đã là tiểu Ngọc ngày ngày đạp xe đi học đội chiếc nón lá. Tường đã thoát được cái oan khiên quấy rầy tình ái của anh chàng si tình kia, tiểu Ngọc chưa kịp mừng thì bỗng đâu xuất hiện cái anh chàng Tam, hẳn đã tìm đến đúng ngôi chùa Viên Quang gặp sư cô trụ trì xin cho tiểu Ngọc hoàn tục về với hắn vì tiểu Ngọc đã hứa với hắn là đúng mười tám tuổi sẽ đồng ý làm vợ hắn ta. Nếu sư cô không cho Tiểu Ngọc hoàn tục thì hắn sẽ tự tử ngay tại chùa luôn. Nghe như vậy, sư cô hoảng hồn nhưng cũng kịp bình tĩnh thông minh để đối phó một tình huống quả là rất khó đối với sư cô. Giọng sư cô nhỏ nhẹ vỗ về như không có điều gì nghiêm trọng: “Thôi được rồi! Anh cứ yên tâm trở về nhà đi! Nếu quả thực như vậy thì nhà chùa sẽ rất hoan hỷ”

Ái ngờ câu nói bừa ngày trước của Tuyết đã làm kẻ si tình nuôi hy vọng tìm đến. Tiểu Ngọc đã rất hoảng sợ, trình bày hết sự thật về anh chàng tình si ấy. Sư cô nghe mà thương tiểu lắm, vội chuyển tiểu Ngọc đến một ngôi chùa quen ở một tỉnh khác, để cho anh chàng này không thể tìm đến quấy rầy.

3. Không bao lâu sau, như một tay thám tử nhà nghề, Tam, gã tình si ấy đã lần ra manh mối, lại tìm đến đúng ngôi chùa mà tiểu Ngọc mới chuyển đến, cũng với yêu sách nguyện vọng như lần trước, hẳn đã trình bày hết với nhà chùa yêu sách hù dọa đó.

Sư cô trụ trì này bản lĩnh hơn, đã nhờ một vị phật tử là một giảng viên môn Tâm lý học đưa Tam về nhà lưu trú tiếp đãi như một vị khách quý và vị phật tử ấy đã thuyết phục được Tam quay trở về quê để cho tiểu Ngọc yên tâm mà tu hành theo con đường mà tiểu đã chọn. Nhưng để cho chắc chắn, tiểu Ngọc đã được chuyển qua một ngôi chùa khác.

Thế mới biết hai chữ si tình nó mạnh biết chừng nào! Nhưng cũng bị khuất phục. Còn cái ác bà mẹ kế của tiểu Ngọc thì sao? Có thể chuyển hóa được không? Đó là điều trần trờ của tiểu Ngọc từ khi tiểu đã thấm nhuần cái chất đạo từ bi vào trong máu huyết của tiểu.

Cái chòm tóc được cắt đi, tiểu Ngọc đã trưởng thành theo thời gian tu học. Tiểu đã trở thành sư cô Bảo Ngọc, đã tốt nghiệp Học Viện Phật Giáo thành phố, là một giảng sư trẻ có tài năng, kế tục sự nghiệp hoàng pháp. Sư cô siêng năng hoạt động Phật sự, những bài pháp thoại của sư cô rất hay và hấp dẫn, thấm đẫm chất liệu từ bi, để đi sâu vào lòng Phật tử mến mộ.

Mùa Vu Lan lại về, trùng với ngày giỗ mẹ, nhân dịp này sư cô đã chuẩn bị rất kỹ bài giảng có chủ đề: “Tu là cội phúc”. Nội dung bài giảng là câu chuyện thật về cuộc đời của sư cô.

Phật tử ở đây không hề biết bí ẩn này. Trong khung

cảnh trang nghiêm ngôi chùa nhỏ, gần một trăm Phật tử đang lắng nghe bài pháp thoại đặc biệt ấy:

“Kính thưa quý phật tử! Phật tử ai cũng biết câu thơ rất hay trong truyện Kiều của cụ Nguyễn Du: “Tu là cội phúc/ Tình là giây oan” được lưu truyền trong dân gian từ hàng trăm năm nay như một câu ca dao tục ngữ.

Cụ Nguyễn Du dùng chữ “tình” là tình yêu đôi lứa, tình yêu chỉ có hai người thôi, ít lắm! Nhưng mà tình yêu đôi lứa là như vậy! Nhưng không phải tình nào cũng là giây oan cả, khi nói đến chữ tình ta đừng vội nghĩ ngay đến cái tình giây oan ấy, bởi vì còn nhiều thứ tình đẹp, cao thượng và bền vững hơn cái tình ích kỷ ấy nhiều, như tình bạn, tình thầy trò, tình cha mẹ, anh em thân bằng quyến thuộc như câu nói của người xưa: “một bồ cái lý, không bằng một tí cái tình”, hoặc một câu trả lời rất hay của người nhạc sĩ thiên tài Trịnh Công Sơn khi có người hỏi ông quan niệm thế nào về tình yêu và tình bạn khi ông vẫn tôn thờ chủ nghĩa độc thân: “Theo tôi, tình bạn đẹp hơn tình yêu; vì tình yêu thì mong manh như nắng thủy tinh dễ vỡ tan như sương, như khói; còn tình bạn thì lâu dài và bền vững hơn nhiều”.

Đức Phật đã từ bỏ cái tình yêu đôi lứa ích kỷ nhỏ nhen đó để đi tìm một thứ tình thương lớn hơn, đó là tình thương hết thảy chúng sanh muôn loài. Có lẽ ta ngưng một lát đánh ba tiếng chuông, niệm danh hiệu Ngài để tưởng nhớ một bậc giác ngộ có sự hiểu biết lớn và tình thương lớn: “Nam mô Đại Trí Đại Bi Bốn Su Thích Ca Mâu Ni Phật”

Sư cô hơi dồng dài về chữ tình trước khi kể một câu chuyện về một cô bé Tuyết Nga xinh đẹp như cái tên của cô, vì câu chuyện có liên quan đến chữ tình. Mẹ cô mẹ sớm. Bố lấy vợ khác, cô bé phải sống những tháng ngày khổ cực buồn phiền vì bà mẹ kế độc ác không thua gì bà mẹ kế của ông Mẫn Tử Khiên trong câu chuyện cổ: “Áo đơn mùa rét” của Lý Văn Phức. Ông Mẫn Tử Khiên có thể chịu đựng được những gì khổ cực nhất mà mẹ kế đối xử với ông, ông không giận mà thương được một con người rất khó thương. Tình thương của ông đã chuyển hóa được bà mẹ kế. Nhưng còn với cô bé Tuyết Nga thì sao?

Cô không phải là ngài Mẫn Tử Khiên cho nên cô không thể chịu đựng được. Có rất nhiều lối thoát cho cô như là, cô sẽ về ở với bà nội, bà ngoại, chú bác cô đi sẵn sàng đón nhận đứa cháu cút tội nghiệp của mình, hoặc là cô đi lấy chồng. Nhưng trong lòng cô bé không muốn thế. Cô bé Tuyết Nga đã chọn cho mình con đường xuất gia khi còn lứa tuổi mười sáu trăng tròn.....”

Bài giảng rất ấn tượng, sư cô dứt một đoạn là tiếng pháo tay tán thưởng ủng hộ của phật tử lại rộn lên không dứt, xúc động, thán phục và cảm thương cô bé mồ côi Tuyết Nga tội nghiệp đã vượt qua chương ngại nỗ lực tu học để trở thành một sử giả, một người con ưu tú của Như Lai. Câu chuyện về cô bé Tuyết Nga không khác chi câu chuyện thật cuộc đời của sư cô. Sư cô đã nhiều lần trở về quê nhân dịp ngày giỗ mẹ, Sư cô đã làm được cái việc rất khó là thương được một bà mẹ kế đã gây cho mình biết bao đau khổ và càng khó hơn là chuyển đổi bà mẹ

kể trở nên hiền hòa mẫu mực. Và đặc biệt, sư cô đã góp phần giúp cho gã tình si năm ấy đã trở thành một Phật tử thuần thành. Tam đã có vợ con, đã tam quy ngũ giới, mỗi lần nghe tin sư cô Bào Ngọc về là Tam đưa vợ con đến thăm và đánh lễ.

Trong chuyến về thăm quê lần này, sư cô được nghe một bài hát về Đạo rất hay, mang tên: *"Bài học đầu tiên"* trong CD đầu tay của Tam gồm 10 ca khúc do Tam sáng tác, khiến cho sư cô bất ngờ về ca từ thấm mầu đạo vị với giọng ca nữ đặc biệt của cô em gái cùng cha khác mẹ với sư cô, thánh thót trong veo tinh khiết như tiếng chuông chùa, hòa âm theo tiếng dương cầm du dương và tiếng kèn saxophone réo rất búng tình, ánh dương hồng tâm thức reo vui, giai điệu ballace chuyển tải bản thông điệp hùng tráng tràn đầy niềm tin yêu hy vọng. Bài hát gồm có ba lời như sau:

"1. Tham, tham là quý sứ.

Sân, sân tựa yêu tình

Si, in như ma quái

Cả ba thứ ấy

Đốt cháy tâm linh

Cả ba thứ ấy

Đốt cháy hòa bình

2. Con xin nguyện Tam Bào

Quy y Phật Pháp Tăng

Thân tâm tu tịnh tấn

Đạo trong như suối

Tưới mát tâm linh

Đạo trong như suối

Tưới mát hòa bình

3. Không uống rượu, nói dối

Không cướp trộm, sát sinh

Không gian dâm, ma túy

Giữ năm giới ấy

Thấy hết vô minh

Giữ năm giới ấy

Chiến thắng được mình

Giữ năm giới ấy

Đất nước văn minh

Giữ năm giới ấy

Thế giới hòa bình."

Sư cô đem bài hát này về chùa tập cho các em đoàn sinh Gia đình phật tử hát trong những ngày sinh hoạt chủ nhật. Nghe các em hát, lòng sư cô rộn lên niềm vui và tin yêu vào cuộc đời vì:

Họ đã biết Tam quy, ngũ giới.

Họ đã thấy hết vô minh, đã chiến thắng được mình.

Họ là ai? Họ là anh chàng Tam tình si, họ là bà mẹ kế Lệ Quyên, họ là cô em gái cùng cha khác mẹ, họ là người cha nhu nhược hiền lành. Họ là những người mà miệng đang tập nói lời hay, tay đang tập làm việc phải. Họ đã học thuộc *"Bài học đầu tiên"* căn bản của phật tử và sư cô tin tưởng họ sẽ ghi nhớ và thực hiện suốt đời bài học này để xứng đáng là phật tử thuần thành.

Ở ĐÂY BÂY GIỜ

Hạnh Phương

Mit mừng quá khứ đã qua
Tương lai phía trước cũng là... xa xôi
Bấm chân vững bước vào đời
Lắng nghe hơi thở diệu vời vào ra

Ngày mai – sống chết ảm a
Ai diếu đình được với ma vương nào
BÂY GIỜ, chẳng chút lãng xao
Xứng danh hiền giả anh hào trượng phu

Phút giây HIỆN TẠI diệu thù
Tự thân an trú công phu tháng ngày.
Ba đời chư Phật cầm tay
Đắt con về hải đảo này trang nghiêm
Khói sương là khói sương thiền
Mây bay gió thổi cõi miền bao la

Tự thân hạnh phúc đơm hoa
Tự thân người tự lực hòa sáu căn
Nhiệm mầu hiện trú đương chân
Mỗi hơi mình thở bội phần thơm tho.

NGƯỠNG ƠN TỪ PHỤ

Ngưỡng ơn Phật, ngưỡng ơn thơ
Đưa trần tâm vượt cõi bờ tử sinh
Mỗi phạm thân tự chính mình
Trở về nương tựa tâm linh nhiệm mầu





Ảnh: Thường Nguyên

Dòng tâm sự con viết riêng gửi Mẹ

● Thường Nguyên

Mẹ ạ! Không biết từ khi nào, con thấy khoảng cách giữa mẹ con mình lớn đến vậy. Con luôn thấy khó có thể nói chuyện, chia sẻ cùng mẹ như bao người khác? Dù sâu thẳm trong con, nhiều điều muốn được sẻ chia, mong mẹ lắng nghe và động viên, an ủi...

Gần 10 năm, kể từ khi con lập gia đình. Thuở ban đầu, con đã nghĩ: Có việc làm ổn định rồi, lấy vợ để có thêm hậu phương vững chắc. Cuộc sống hàng ngày, sớm tối ngày ba bữa cơm, tắt lửa tối đèn có nhau...

Nhưng, thực tế không như con hình dung, nhân tính không thể bằng trời tính, bước ngoặt lớn trong đời con bắt đầu. Cùng lắm được một năm hơn chút, con được sống trong không khí hạnh phúc gia đình thực sự. Còn lại, chuỗi năm tháng con đã sống, làm việc trong sự chông chênh, thấp thỏm từ tinh thần đến thể chất...con đã cố gắng nhiều mẹ ạ.

Nhưng, ...dòng nước vẫn lững lờ trôi, con đường thẳng vẫn đều đặn trải đầy chông gai mỗi khi con cất bước. Năm 2009, căn bệnh quái ác đã đeo bám bố đến cùng, rồi theo tự nhiên, bố đã "về nơi ấy" cùng ông, bà. Sự ra đi của bố, con biết ít nhiều để lại trong nhà mình những trống trải. Dù rằng, bố mẹ có quãng đời dài không mấy dễ chịu...

Đó, cũng là khoảng thời gian con chấp chững bước đường cầu học Đạo. Bén duyên đạo Phật, con dần nhận ra những hiện thực cuộc sống cần thay đổi. "Từ học, đến hành" là cả một hành trình gian nan. Con đã vấp ngã biết bao lần. Con cứ nghĩ: sống tốt, làm việc tốt. Thời gian sẽ làm cho mọi thứ ổn thỏa.

Nhưng thời gian càng trôi, thử thách càng lớn, áp lực có lúc đến nghẹt thở mà con muốn buông xuôi... Những mâu thuẫn không hề thuyên giảm. Cứ âm ỉ, để rồi "bên tình, bên hiếu" bên nào chịu ai?

Người ở giữa là con. Con trai cả của mẹ vô phương trong ngưỡng vọng hòa giải...

Con trai của mẹ, thể chất, tinh thần đâu phải quá mạnh mẽ; con đã như vậy = giá như, mẹ là người con kỳ vọng cảm cân nẩy mực, thực sự bao dung hơn nữa: Con khôn ít mẹ dạy nhiều, con khôn nhiều thì mẹ dạy ít...

Mẹ có quá cố chấp không, khi bất cứ việc gì, dù không liên quan đến con chút nào, cũng thành có chuyện, cũng thành quan điểm để con phải nghe thường xuyên, phải ôm trong đầu mở bong bong "càng gỡ càng rối".

Nếu, sự chia sẻ giữa hai vợ chồng con nhiều hơn. Cả hai cùng biết nhường nhịn nhau nhiều hơn, khi bình tâm

cũng xác định rõ trách nhiệm, bổn phận của mỗi người.

Và cũng giá như, vợ con biết lắng nghe hơn nữa, giảm bớt cái tôi cá nhân, tin vào cuộc sống gia đình để cùng chồng chăm sóc, nuôi dạy hai cô con gái bé nhỏ, vốn chịu thiệt thòi, vì còn nhỏ mà đã chịu áp lực từ người lớn... Con biết, như nhiều người thấy, và nhận xét là mẹ "khẩu xà nhưng...". Vậy mà, khi mẹ nóng, không chỉ với con, với cháu có lúc mẹ cũng nặng lời không đáng có. Con đã nhiều năm im lặng, ít nói song rất nhức nhối thân tâm. Biết đến đạo Phật, con lúc nào cũng cầu mong mẹ được mạnh khỏe, bình an. Gia đình bé nhỏ sớm hài hòa, êm ấm. Cầu mong đức Phật từ bi che chở cho mẹ, dẫn đường chỉ lối cho mẹ sớm thấy:

*Cuộc đời trăm cảnh bể dâu
Vinh hoa thì ít, âu sầu nặng mang
Kiếp người nặng gánh đa đoan
Chưa thấy quả phúc đã toan về già
Bòn phước, tích đức, lợi tha
Một câu niệm Phật, tuổi già an vui...*

Nhìn lại, chẳng mấy đã gần 40 năm, con trai cả của mẹ giờ là bố của hai cô công chúa đáng yêu và ngoan ngoãn.

Nhìn lại, ngót 20 năm mẹ bốn ba xứ người, mẹ còn lại những gì khi đã bước sang tuổi 62...



● Diệu Thanh Đỗ Thị Bình

Cầu mong cho mọi người đều biết thông cảm và rải tâm từ đến nhau nhân mùa Vu Lan này. Có một bài thơ tiếng Anh thật hay và đầy ý nghĩa với tựa đề "Sympathy" (Sự cảm thông) của tác giả M. Johnson trong sách giáo khoa Anh ngữ cho học sinh lớp 6 của một trường quốc tế. Tôi tạm dịch như sau:

"Một cô gái bé nhỏ mũm mĩm và một con chim nhỏ gầy yếu.
 Ở bên nhau trên đồng cỏ trong một buổi sáng đẹp trời."
 "Con chim nhỏ bé đáng thương kia chắc phải lạnh biết bao!
 Vì nó đâu có quần áo ấm như mình"

Cô bé than thở:
 "Dù trời nắng ấm đẹp để đường này. Và cô bé kia mới xinh xắn làm sao"
 Chim nói
 "Nhưng, ồ hãy xem kia, cô ta chắc lạnh lắm đấy!
 Vì nó chẳng có đến một cái lông nào để che thân!"
 Và, mỗi bên run rẩy nghĩ về điều khốn khó của bên kia.
 "Đâu trong một buổi sáng trời nắng đẹp đến nhường này".

Tác giả thật tài tình khi lột tả được hết sự đồng cảm sâu sắc của cô bé và "cậu chim", nhân vật đã được nhân cách hóa, dù trời nắng ấm mà nghĩ đến nỗi khổ của kẻ khác ta vẫn phải run lên..., thế mới là cảm thông, thế mới là biết trải lòng từ, lòng bi mẫn, xót thương người khác. Đạo Phật thường nói đến Tứ vô lượng tâm, tức là Từ, Bi, Hỷ, Xả và Kinh Tâm Từ, Thiển Tâm Từ thường được các Phật tử đọc tụng, thực hành. Là người Phật tử, nhất định phải có Tứ vô lượng Tâm. Thực hành được các Tâm này cho những người thân, cho cha mẹ anh em và cho mọi người chung quanh thì gia đình và xã hội sẽ hòa ấm biết bao. Mỗi dịp Vu Lan, sẽ không còn phải đốt mã để làm vừa lòng bố mẹ

đã quá vắng nữa. Nếu khi bố mẹ còn sống ta biết "run rẩy" nghĩ về những khốn khó của bố mẹ, sinh thành nuôi dưỡng, cho ăn học, nhu cầu con càng lớn tóc bố mẹ càng thêm bạc, lưng thêm còng vì lo lắng chu cấp cho con, thì chắc con cái chẳng nở làm bố mẹ đau lòng, để mà một mai khi bố mẹ chẳng còn ở cùng mình nữa, cũng không phải ân hận điều gì. Và bố mẹ, thấy cô giáo cùng mọi người lớn khác cũng vậy, cũng hãy đặt mình vào vị trí của người khác mà biết xót thương con trẻ. Thời buổi này, có quá nhiều áp lực từ học đường, xã hội, làm cho trẻ chịu nhiều căng thẳng. "Khôn đâu đến trẻ", chúng có đại đột thì bảo ban chúng, đừng sĩ nhục, kỳ thị chúng, cũng đừng quá kỳ vọng bắt chúng thành "ông nọ bà kia" vào trường này trường nọ như mong ước của mình, chúng là con người mạnh khỏe, tử tế "có học có nghề hay" (Kinh Hạnh Phúc) là được lắm rồi. Rải tâm từ cho chúng để chúng biết rải tâm từ cho mình và những người khác là giúp chúng hiểu được luật nhân quả và hưởng cuộc đời hạnh phúc.

Nhà văn Nam Cao nổi tiếng của chúng ta, người mà văn đàn cho rằng nếu ông còn sống, thì chắc là người duy nhất ở Việt Nam trong số các nhà văn được đề cử xét duyệt giải "Nobel văn học" trên thế giới, có lòng từ bao la và sự cảm thông sâu sắc với những số phận khổ khó. Ông nói về vợ với một sự xót thương và bi mẫn thiết tha: "Vợ tôi, thị cũng chẳng phải con người nhỏ nhen gì, nhưng thị bị đau chân, thị đau chân, nên thị chỉ nghĩ đến cái chân đau của thị!" (Nhớ rằng cách gọi "thị" là theo thời bấy giờ, không phải lối nói khinh miệt).

Tôi tin rằng dù ông không nói ông là Phật tử, nhưng ông chính là một Phật tử đích thực!



LỜI CẢM ƠN

dành tặng mẹ

● Nguyễn Ngọc Chân

Mẹ biết không? Mỗi ngày ở bên mẹ với con là một ngày học thêm được bao điều thú vị như thể viết tiếp được một trang sách thật hay trong cuộc sống của mình. Con còn nhớ, có lúc con rất thích để móng tay và tô màu xanh đỏ. Mẹ đã cấm tay con bảo rằng: "Đôi bàn tay con không cần tô vẽ cũng rất đẹp và mềm mại. Tuổi còn nhỏ, con đừng để móng tay sẽ mất vệ sinh. Đôi bàn tay đẹp chỉ để ngắm nhìn. Còn nếu con muốn thấy ánh sáng tuyệt vời từ đôi bàn tay mình, con hãy nhắc bàn tay làm những việc có ích tùy theo sức của mình con ạ".

Ôi chao, bàn tay con nằm gọn trong đôi tay mẹ sao ấm áp đến thế! Đôi tay mẹ đã nấu những bữa ăn đơn giản nhưng ngon miệng, đôi tay mẹ vất vả làm việc nhà thay cả phần bố hay đi vắng, đôi tay mẹ chăm sóc những chậu hoa nho nhỏ, đôi tay mẹ vỗ lưng cho chúng con... Khắp cả ngôi nhà, trong cả giấc mơ, nơi nào cũng mang dấu của đôi bàn tay mẹ.

Cũng có lần không biết có điều gì đó căng thẳng giữa hai bố mẹ (bình thường mẹ luôn nhường nhịn và mẹ không to tiếng bao giờ) mà mẹ khóc nhiều ngày. Chưa bao giờ

con thấy mẹ buồn lâu đến thế. Cả hai chị em con ôm lấy mẹ và cùng khóc. Sau khi lặng đi khá lâu, mẹ nói: "Mẹ xin lỗi các con đã không tìm được cảm xúc của mình. Lúc này mẹ cảm thấy mệt và kiệt sức. Nhưng từ ngày mai, mẹ sẽ vui vẻ trở lại. Các con hãy ngoan để trở thành điểm tựa của mẹ nữa. Và bàn tay chúng mình sẽ chỉ để làm những việc có ích thôi"

Mẹ vậy đấy, mẹ sống chân thật và luôn trung thực với điểm yếu của mình. Mẹ không ngại ngần nói lời xin lỗi và luôn làm những điều tốt nhất để không làm tổn thương đến những người mình thương mến. Chính phẩm chất này của mẹ đã dạy chúng con biết sống có trách nhiệm hơn. Mẹ dạy chúng con giữ quần áo thật sạch sẽ, lành lặn, tiết kiệm bút, vở để dành cho các bạn học sinh nghèo vùng xa. Mẹ gấp từng tấm khăn ấm, cẩn thận cùng chúng con đếm và xếp những đồng tiền tiết kiệm mang đến ủng hộ các trung tâm trẻ em cơ nhỡ. Mẹ dạy chúng con sẵn lòng san sẻ thức ăn ngon cho người lỡ bữa và luôn khuyến khích chúng con sống với yêu thương rộng mở với ngay cả những bạn không có thiện cảm với mình.

Nhìn đôi tay mảnh dẻ làm biết bao việc của mẹ, con cứ hình dung, bàn tay mẹ chạm tới đâu, nơi đó sẽ ấm áp và yên bình. Cùng với đôi bàn tay của tình thương yêu ấy, in đậm trong tâm trí con luôn có ánh nhìn ân cần của mẹ với từng người thân. Chỉ một nét căng thẳng, một tiếng thở dài của bố, một vết xước trên chân cậu em ham nghịch ngợm, một chút bối rối ầm ương tuổi cảm nắng của con cũng không dấu được mẹ. Mẹ luôn nhìn rất thẳng và như đọc được cả những ý nghĩ của mọi người với ánh mắt thật hiền từ.

Khi hai chị em con mắc lỗi mà dẫu mẹ, mẹ gọi chúng con lại và hỏi: "Các con hãy nhìn thật sâu vào mắt mẹ xem có thấy gì không?" Rồi mẹ nói tiếp: "Mẹ không phạt các con khi các con có lỗi. Nhưng sẽ phạt khi các con che dấu lỗi của mình. Bởi nếu các con làm như vậy thì cái lỗi ấy mãi mãi vẫn còn. Hãy nhìn vào nó và tạm biệt nó bằng một hành động trung thực. Con sẽ thấy nhẹ nhõm vì trung thực là một đức tính cần thiết để các con trở thành người mạnh mẽ."

Nhìn vào đôi mắt mẹ, các con có thấy bóng các con in trong mắt mẹ không? Dù các con ở đâu, ánh mắt mẹ sẽ luôn dõi theo các con. Mẹ đâu có đi tìm lỗi của các con để phạt. Mẹ nhìn theo các con để nâng các con dậy khi các con cần. Và điều quan trọng nhất là để cổ vũ các con khi các con đuối sức, uốn nắn cho các con trở thành người có ích. Trong bóng tối, hay ở bất cứ nơi đâu các con sẽ vẫn có mẹ ở bên..."

Bây giờ thì con đã hiểu. Khi chúng con cùng mẹ đến thăm làng trẻ mồ côi, mẹ đã chỉ cho chúng con thấy, chúng con hạnh phúc hơn nhiều bạn nhỏ mắc bệnh hiểm nghèo, nhiều bạn nhỏ còn thiếu một gia đình để mỗi lúc buồn vui có thể khóc một cách bình yên, hờn giận một cách tự nhiên. Và hơn cả, là mẹ dạy chúng con biết sống xứng đáng với những yêu thương, may mắn mình có được.

Mẹ ơi! Con thay mặt cả nhà mình gửi lời cảm ơn đến mẹ nhé. Mẹ đã cho chúng con thấy, cuộc sống không chỉ là một món quà. Cuộc sống của mỗi người còn là một đặc ân. Và ta phải tự viết vào cuốn sách cuộc đời mình những trang đẹp để thay vì cái bóng của sự yếu đuối từ những điều vị kỷ và không trung thực. Nơi nào có mẹ, nơi đó tràn ngập ánh sáng bình yên. Chúng con hạnh phúc vì có mẹ!



Còn tôi chỉ là anh thợ sửa xe đạp lấm lem dầu mỡ, suốt ngày bên cái quán cóc nhỏ hẹp, khách hàng hết phần nửa là những em học sinh thơ ngây nghịch ngợm. Đây là xóm nghèo, sửa xe đạp cho các em, có em không có tiền cũng phải giúp; thế rồi những khi vắng khách, tôi lại quay sang cái chợ đá, loay hoay với bút lông mực xạ, tranh thủ hoàn thành một tác phẩm thư họa trên đá, hay còn gọi cho oai theo kiểu các vị sành điệu ở Đà Nẵng là nghệ thuật thạch thư.

Một hôm, tình cờ tìm được một viên đá cuội có hình trái tim, tôi nhặt về rửa sạch, viết lên đá chữ tâm. Ôi! Viên đá đẹp lắm! Tâm hồn tôi bay bổng, chợt thấy viên đá có hồn như rung lên nhịp đập, tim tôi rộn rã niềm vui. Tôi và đá cuội bắt đầu cuộc dạo chơi, tiếp xúc sâu sắc với cuộc sống nhiệm mầu. Một ngày mới khởi đầu: có ánh dương hồng chói lòe buổi ban mai, có cỏ hoa thơm thoảng hương trong gió sớm, có bầy chim sẻ chuyển cành ca hát líu lo...

Viên đá thứ hai tôi nhặt được, có hình chiếc hài màu vàng rất đẹp! Phải viết câu gì vào đây cho có ý nghĩa?

Con xin làm sen nhỏ và nâng đôi gót hài

● Lê Đan

Ở cái xóm nhỏ này, ai cũng biết bác Thanh, họa sĩ Đặng Bá Đức và tôi là ba người bạn vong niên, tuy mỗi người một nghề nghiệp, một cảnh nhà khác nhau, nhưng cả ba chúng tôi đều có điểm chung: cùng là Phật tử đã quy y giữ năm giới, không rượu chè, cờ bạc, thuốc lá; thì thoảng ngồi lại với nhau uống chén trà đàm đạo hát hò cho vui về cửa nhà. Đặc biệt đám trẻ rất mến yêu chúng tôi.

Người ta nói chơi ba người là bộ tam, xui lắm! Nhưng ba chúng tôi sống với nhau hoà thuận hơn ba mươi năm. Y nguyên như bát nước dầy, chưa hề chao chộng! Bác Thanh và tôi, quê quán ở đây; bác may mắn có được người vợ tuyệt vời, buôn bán giỏi giang, bác chỉ phụ giúp thôi nên có rất nhiều thời gian rảnh rỗi; trong xóm có việc hiếu hỷ, ma chay tương tế đều có sự đóng góp công sức của bác.

Ảnh: Minh Tâm

Trong lúc tôi đang cố lục tìm trong trí nhớ, bỗng đâu bác Thanh và hoạ sĩ Đức xuất hiện, thay vì câu chào, anh Đức cười nhìn bác Thanh và hát: Em đi qua chuyến đò. Ối a! Ông Thanh còn trẻ. Ông Thanh đâu có ngờ, ngày kia sông sẽ già... Em đi qua chốn này. Ối a! Sao em đành vội. Tôi xin làm đá cuội và... lăn theo gót hài (*Biết đâu nguồn cội - Trịnh Công Sơn*). Một câu hát có chế lời để trêu chọc bác Thanh, không ngờ lại cho tôi một ý tưởng hay. Tác phẩm thạch thư: chiếc hài đá hoàn thiện tuyệt trần với dòng chữ thư pháp chưa ráo mực. Cả ba chúng tôi cùng ngắm tác phẩm mới một cách say sưa và cùng vui cười hát lui hát tới dòng chữ trên chiếc hài đá ấy: Tôi xin làm đá cuội và lăn theo gót hài.

Còn hoạ sĩ Đức là người gốc Huế, cha mẹ mất sớm, anh giao lại căn nhà từ đường cho người em trai, rồi ra thị xã này lập nghiệp từ lúc tuổi mới hai mươi tư. Anh hoạ sĩ phật tử này để râu tóc dài, dân nghệ sĩ mà! Trông bề ngoài dữ dằn nhưng khi trò chuyện với anh vài lần mới thấy anh rất hiền, vẫn còn độc thân vui tính, ngủ chùa nhiều hơn ngủ nhà; có lẽ vì còn nặng nợ cô Ta bà, nên chưa thể xuất gia tầm sư học đạo. Anh là hoạ sĩ lang thang chuyên sống bằng nghề vẽ, ai kêu vẽ gì anh cũng đáp ứng được ngay; từ chân dung cho đến phong cảnh: Vẽ Đức Phật, vẽ Tổ sư Bồ Đề Đạt Ma hoặc có những ngôi nhà theo kiểu cổ ở những vùng nông thôn còn giữ chút bản sắc văn hoá xưa, vẫn thích anh trang trí cái một cũ, có đôi hạc hai bên, thêm chút phong cảnh điểm tô ở bức tường gian thờ làm phòng, chính là là chữ Phước màu đỏ, anh viết bằng chữ Nho khá to theo kiểu chữ thảo, làm mê mẩn những con người nông thôn chất phác. Vẽ một phòng như vậy mất vài ba ngày, anh ở lại nhà người ta cơm nước ngủ nghỉ qua đêm, họ không phiền mà ngược lại rất muốn anh nán lại vài bữa nữa để được nghe tiếng đàn guitar réo rất xao động cả tâm hồn. Âm nhạc của anh đem đến cho họ một cảm giác rất lạ không sao hiểu nổi khi nghe những bản độc tấu gồm nhạc Việt như Hoài cảm, Hạ trắng... và nhạc của Chopin, Beethoven... như Tristesse Chopin, Lettre à Élise..., trên khuôn mặt họ hiện rõ một niềm vui.

Một cây đàn guitar có bao da hần hơi; một túi cọ, màu bột, sơn dầu; nếu đi độ năm ba ngày thì anh thêm ít áo quần. Tất cả nằm gọn trên chiếc xe cuộc cà tàng, anh đạp túc tắc trên con đường làng có bóng tre im mát, miệng huýt sáo vang bài ca anh yêu thích nhất: Rong chơi cuối trời quên lãng, mỗi câu hát đem lại cho anh cảm giác khoẻ khoắn yêu đời:

"Ta đi rong chơi, bên bờ suối theo bầy nai, đi tìm quên cơn mê này... Xin một sáng trong mùa Xuân, trên cỏ êm ta ngồi hát. Hoa nở ngát. Ôi thần tiên! Ta ngồi yên mỉm môi cười". Tôi hỏi anh, đây là bài hát của ai? Anh cười: *"Những bài hát hay thường là những bài quên tên tác giả, có nhiều chỗ quên lời, ta tạm thời chế lời của mình vô đó, nếu không thì cứ là là... quê bỏ xừ".* Tôi đã rất nhiều lần nghe anh hát bài này bằng cái giọng Huế nam trầm (bass) của anh, bài này tôi cũng có biết, nghe đôi chỗ rất lạ, dù lời khác nhưng nghe cũng êm tai không đến nỗi gì, tôi và bác Thanh rất thích hai câu cuối mà anh chàng hoạ sĩ đã chế lời: *"Xin một sáng trong mùa*

Xuân, trên cỏ êm ta ngồi hát. Hoa nở ngát. Ôi thần tiên! Ta ngồi yên mỉm môi cười". Bác Thanh vỗ vai, khen anh khen một câu phỗng mũi: Chú mi khá thiệt đó! Nghệ sĩ chỉ uống nước trà thôi! Không thuốc, không rượu mà vẫn lấy được cảm hứng sáng tác những bức chân dung Đạt Ma Tổ sư, Đức Phật đàn sinh. Mỗi lần làm lễ đài, khi cắm ngay chỗ hoa sen để nâng bức tượng Đức Phật lên, bác cũng phải ngắm nghía một lúc, cảm xúc dâng trào, buột miệng bắt chước chú mi hát một câu chế lời: *"Con xin làm sen nhỏ. Và nâng đôi gót hài".*

Ở tỉnh này, không phật tử nào là không biết bác Thanh, ông đã qua cái tuổi U70 rồi nhưng vẫn còn khoẻ, thường xuyên đến nhiều chùa để làm công quả. Lễ đài Phật đàn của những chùa như Châu Quang, Ngọc Hà, đều có bàn tay ông đóng góp và chỉ huy con cháu cùng làm; có năm ông vào làm cả lễ đài chùa Sắc Tứ nữa.

Tượng Đức Phật Thích Ca đàn sinh trên các lễ đài đa phần đều do hoạ sĩ Đặng Bá Đức vẽ cúng dâng. Anh đã vẽ rất nhiều chân dung Phật với cái tâm kính ngưỡng. Có lần cả ba chúng tôi đang ngắm bức tượng Phật đàn sinh mà anh Đức vừa mới hoàn thành. Bác Thanh đố tôi và anh Đức: Đức Phật, một tay chỉ trời, một tay chỉ đất, Ngài muốn nói gì? Chúng tôi im lặng nghe bác giảng: Sau khi Đàn sinh thì Ngài một tay chỉ trời, một tay chỉ đất mà nói: *"Thiên thượng thiên hạ, duy ngã độc tôn. Có nghĩa là trên trời dưới đất không ai tôn quý bằng Ta".* Có phải Đức Phật hết sức tự cao ngã mạn? Tôi không phải là luật sư biện hộ cho Phật, nhưng Đức Phật đích thực là người xứng đáng được mang danh hiệu như vậy. Đây là bác nói theo sách Khai thị, tập II, của Hoà thượng Tuyên Hoá đó. Anh hoạ sĩ và tôi cúi đầu bái phục bá phụ.

Lại một mùa Phật đàn nữa sắp về, giống như những năm trước, tôi đem tượng Đức Bàn Sư Thích Ca đàn sinh ra lau sạch, mua cờ xí đèn lồng trang hoàng ngoài ngõ. Tôi cảm thấy buồn ngủi, bất giác thờ dãi nhìn bức thư hoạ: Cát bụi - Chợt một chiều tóc trắng như vôi - Trịnh Công Sơn. Nhớ lại câu trêu chọc của hoạ sĩ: Ông Thanh đâu có ngờ. Ngày kia ông sẽ già. Bác Thanh đã ra đi ở tuổi bảy lăm vào mùa Đông năm ngoái, để lại cho chúng tôi muôn vàn tiếc thương! Và hoạ sĩ Đặng Bá Đức vẫn còn độc thân ở cái tuổi năm mươi lăm, cũng đã già từ cái xóm nhỏ thân thương, trở về nguồn cội quê hương. Chỉ còn lại mình tôi nhớ nhung, hoài niệm, ngồi đây mà quán chiếu, nhớ hai người bạn vong niên như loài cỏ thảo xót xa, thương cảm đưa tiễn những đoá hoa úa tàn về nơi miền viễn. Tất cả rồi sẽ xa, chỉ còn lại tiếng cười khóc giữa cuộc đời, cõi tạm huyền hoặc vô thường.

Tôi lặng yên ngắm nhìn bàn chân, gót hài đức Phật bước trên đài sen. Kính cẩn chiêm bái Đức Từ Phụ đang mỉm cười và tôi cũng mỉm cười khe khẽ vừa đủ cho Ngài nghe câu hát trên chiếc hài bằng đá mà bác Thanh đã chế lời: Con xin làm sen nhỏ, và nâng đôi gót hài. Tôi tin chắc rằng hai người bạn vong niên của tôi, một ở phố Tây phương Cực lạc, một ở xứ Thần kinh cổ đô Huế mộng mơ; nhân mùa Phật đàn cũng cầu xin Ngài, để kiếp sau xin được làm đoá sen hồng bé nhỏ, nâng đôi gót hài ngài ngọc Như Lai.



SỰ SỐNG

được biểu tượng qua bốn bà vợ

● Thích Đạt Ma Phổ Giác

Đứng trước dòng thác lũ cuộc đời nên hư, thành bại, phải quấy, tốt xấu, hơn thua và vô vàn sự cám dỗ, con người cứ như thế loanh quanh, lẫn lẩn trong vòng oan gia trái chủ đó, mà tạo ra không biết bao điều tội lỗi.

Có ông trưởng giả nọ, không biết gieo tạo nghiệp nhân gì mà có đến bốn bà vợ. Bà thứ nhất được cha mẹ hai bên chấp nhận nên đứng ra làm lễ thành hôn đàng hoàng. Khi về nhà chồng, bà được ông trưởng giả hết sức cưng yêu chiều chuộng, nên bà muốn gì được đó và sống trong an vui, hạnh phúc. Mỗi khi trời lạnh, ông lo cho bà đắp đủ nệm ấm chăn êm. Đến lúc trời nóng, ông lo quạt mát cho bà. Nói chung, từ ăn uống, vui chơi, sinh hoạt, làm việc, cho đến ngủ nghỉ, ông đều lo cho bà đầy đủ chu đáo hết tất cả, mọi nhu cầu cần thiết không thiếu một thứ gì.

Kể đến bà vợ thứ hai, bà ta đúng là một trang tuyệt sắc giai nhân, xinh đẹp chẳng khác nào nàng Tây Thi. Mặc dù nàng không được cưng chiều như bà thứ nhất cho lắm, nhưng bà thứ hai vì quá xinh đẹp, kiều diễm, dễ thương, nên làm cho ông trưởng giả đắm say, mê mẩn, tê tái cả tâm hồn. Thậm chí, mỗi khi bà có chuyện bận phải đi xa, lâu ngày mới về, ông trưởng giả thấm thương, trộm nhớ, đứng ngồi không yên, có khi quên cả ăn uống, thức sáng suốt thâu đêm mà nhớ thương về nàng. Những khi bà vắng nhà hơi lâu, ông trưởng giả rầu rí lo âu, buồn khổ, mong nhớ ngày đêm như kẻ mất hồn, nhiều khi ông ta muốn tìm cách tự tử quyên sinh, chết phứt cho rồi mỗi khi vắng bà.

Còn bà vợ thứ ba tuy không đắm thắm và mặn nồng

như hai bà trước, nhưng lâu ngày chung chạ ăn nằm với nhau, tình cảm vợ chồng cũng trở nên đậm đà, sâu sắc, và càng ngày sống có tình nghĩa hơn. Do đó, ông trưởng giả đối với bà cũng có chút ân nghĩa khi cần, mà chia sẻ nâng đỡ cho nhau những nỗi khổ niềm đau, và cùng vui sống, yêu thương đùm bọc, giúp đỡ san sẻ cho nhau.

Rồi đến bà vợ thứ tư, bà này hình như suốt cả đời chịu nhiều phiền muộn khổ đau, đắng cay tuổi nhục, bởi bà rất thương yêu, chiều chuộng, chăm sóc ông trưởng giả hết mình. Công việc dù khó khăn, cực khổ, nhọc nhằn đến đâu, bà cũng ráng cố gắng lo chu toàn mọi thứ. Nhưng ngược đời thay, ông trưởng giả chẳng thêm để ý hay quan tâm, thương tưởng đến bà, thậm chí nhiều khi còn đánh đập, xua đuổi, hắt hủi bà như kẻ hầu, người ở.

Riêng đối với bà vợ thứ tư, lúc nào bà cũng có mặt bên ông như bóng với hình, chẳng bao giờ rời xa một bước. Thế mà ông chẳng thêm ngó ngang gì đến, chỉ quan tâm thương tưởng đến ba bà kia, làm cho bà thấm thương trộm nhớ, khổ sở vô cùng, tuy sống gần gũi bên ông nhưng giống như kẻ âm người dương cách biệt nghìn trùng.

Đức Phật đã kể câu chuyện này khi ngài còn tại thế để khuyên nhủ và răn dạy hàng đệ tử chúng ta. Dân gian hay nói: một vợ nằm giường lèo, hai vợ nằm chèo queo, ba vợ nằm chèo queo, bốn vợ ngủ chuồng heo.

Câu chuyện trên là một bài pháp sống động với ẩn dụ sâu sắc, nhằm giúp chúng ta biết soi sáng lại chính mình mà nhận ra lẽ thật hư trong cuộc đời. Phật đưa ra hình ảnh bốn bà vợ là để ám chỉ cho bốn thứ gần gũi nhất trong đời sống hằng ngày của chúng ta, nhưng ta nào hay biết, cứ mãi vui chơi, lao mình chìm đắm trong biển khổ sông mê mà luống để thời gian trôi qua vô ích. Cho nên:

*Trăm năm trước khi ta chưa có
Thời gian vẫn trôi qua lặng lẽ.
Trăm năm khi ta đang có mặt
Thời gian vẫn âm thầm qua mau.
Thời gian không vì thế mà buồn rầu.
Ta chỉ tiếc để thời gian trôi
Mà buông lung làm việc vô nghĩa.*

Một hôm, ông trưởng giả bệnh nặng, biết mình khó qua khỏi con trăng này, nên ông cho mời bốn bà vợ lại để hỏi xem có bà nào chung thủy, phát tâm theo ông về thế giới bên kia hay không? Ông quay sang hỏi bà vợ thứ nhất, "bà có phát tâm theo tôi về bên kia thế giới vĩnh hằng hay không?"

Bà thứ nhất nói rằng, "xin anh hãy thông cảm và tha thứ cho em, em vẫn biết và nhớ ơn anh rất nhiều. Cuộc sống của em bao nhiêu năm nay nhờ anh tận tình lo lắng, chăm sóc, giúp đỡ, em thật thoải mái và an lạc hạnh phúc. Anh đúng là mẫu người chồng lý tưởng có một không hai trên cõi đời này. Chính vì vậy, em luôn yêu thương và nhớ ơn anh vô cùng. Nhưng bây giờ, anh bảo em theo anh về bên kia thế giới vĩnh hằng để cùng chung sống với nhau cho trọn tình trọn nghĩa thì không thể nào được. Anh hãy thông cảm và tha thứ cho em, vì ai cũng có nhân duyên và hoàn cảnh

khác nhau.

Mặc dù em không được ở gần bên anh, vắng anh em sẽ thiếu thốn, khó khăn, khổ sở vô cùng. Thà rằng em chịu cô đơn, đau khổ một mình, chứ em không thể nào đi theo anh được, xin anh hãy khoan dung độ lượng mà cảm thông và tha thứ cho em. Vì tình nghĩa vợ chồng bấy lâu nay, nếu anh có chết đi, em sẽ tiễn đưa anh ra tới cổng nhà là cũng quý và tình nghĩa lắm rồi".

Ông trưởng giả nghe bà thứ nhất nói như vậy, hai hàng lệ rơi lăn tròn trên khóe mắt, ngậm ngùi đau khổ quay sang bà vợ thứ hai, "còn em? Em có thể theo anh về thế giới bên kia hay không, hỡi em yêu dấu?"

Bà thứ hai thì thông minh lanh lợi hơn, nên nhanh nhẩu trả lời rằng: "Anh cứ yên chí đi, anh khỏi phải bận bịu lo lắng chuyện đó nữa, vì chúng ta ai cũng có phúc có phần.

Bình thường lúc đương thời, anh thương yêu chăm sóc và lo lắng cho em thật nhiều, em rất biết ơn anh đã sống có tình có nghĩa với em như thế. Nhưng em bây giờ còn trẻ đẹp, còn xinh xắn, còn dễ thương, còn mi nhon, nên rất được nhiều người ngắm nghía thêm thưởng, thương tưởng đến em, tương lai của em còn tràn đầy sức sống và nhiều hy vọng.

Nếu anh có ra đi về bên kia miền đất hứa, thì xin anh hãy cảm thông mà âm thầm lặng lẽ một mình cất bước. Em hiện giờ tương lai còn xán lạn, do đó cần phải tìm một đấng lang quân để nương tựa lâu dài và sống hết quãng đời còn lại. Nghĩ tình anh thương yêu chiều chuộng và lo lắng cho em trong nhiều năm qua, em nghĩ chút tình sẽ tiễn đưa anh ra tới cửa nhà, vậy cũng là quý lắm rồi anh ạ". Nghe bà thứ hai nói vậy, ông trưởng giả như đứt từng khúc ruột, đau xót não nề mà quay sang bà vợ thứ ba, "còn em thì sao? Em có thể theo anh về bên kia miền đất hứa?"

Bà vợ thứ ba nghe ông trưởng giả hỏi vậy, bà ta vừa khóc vừa nói: "Lúc anh còn mạnh khỏe, anh chỉ biết lo cho chị cả và chị hai mà ít bao giờ quan tâm, đoái hoài, thương tưởng đến em. Tuy nhiên, vẫn có những lúc anh hết mực yêu thương em chân thành.

Nghĩ chút tình chồng nghĩa vợ bấy lâu nay, sau khi anh về thế giới bên kia, em sẽ đưa anh ra tận nghĩa trang để lo cho anh yên mồ yên mả, sau đó em sẽ cúng tế, giỗ chạp cho anh đầy đủ, để trả lại công ơn anh đã thương tưởng, đoái hoài đến em khi còn sống. Còn việc phải đi theo anh về bên kia miền đất hứa thì không thể nào được, em còn phải có bổn phận, trách nhiệm đối với gia đình người thân, xin anh hãy hiểu và thông cảm cho tấm lòng thành thật của em". Như tiếng sét đánh ngang tai, bao nhiêu mộng đẹp bấy lâu nay bây giờ tan tành theo mây khói, ông trưởng giả rụng rời tay chân, toát cả mồ hôi hột, cảm thấy khổ đau vô cùng, chẳng còn biết nghĩ gì hơn, ông đành chấp nhận nhắm mắt xuôi tay, mặc cho số phận ra sao cũng được.

Lúc này, bà vợ thứ tư như hiểu được tâm trạng của ông đang muốn gì, nên bà mới ân cần nói rằng, "Này anh yêu dấu của em! Anh chớ nên lo buồn, sầu khổ quá đáng. Anh

cứ yên chí đi, em sẽ là người theo anh suốt cả cuộc hành trình, dù anh có đến chân trời góc biển xa xôi nào, hoặc lên thiên đường hay xuống địa ngục. Mặc dầu bình thường anh chỉ quan tâm, lo lắng cho chị cả, chị hai và chị ba, chẳng bao giờ anh biết nhớ nghĩ và thương tưởng đến em, thật ra em cũng rất đau buồn và khổ sở lắm chứ; nhưng dù sao, chúng ta vẫn là vợ chồng với nhau, nghĩ chút tình chồng vợ, em sẽ nguyện theo anh trong suốt ba cõi sáu đường. Anh cứ yên chí vì đã có em kề cận, không rời xa anh nửa bước, anh đi tới đâu thì em sẽ theo anh tới đó". Nghe được những lời nói ngọt ngào và êm dịu như thế, ông trưởng giả như được mãn nguyện, liến vui lòng nhắm mắt ra đi.

Đây là một bài kinh ẩn dụ mang một triết lý sâu sắc, để lại cho mỗi hành giả phải suy ngẫm, quán chiếu, soi sáng, và có sức định tĩnh trong tu tập, mới có thể hiểu thấu hết lời.

Phật dạy. Tại sao Phật không dùng một hình ảnh nào khác để thí dụ, mà lại dùng hình ảnh bốn bà vợ với mục đích gì? Vì hình ảnh này luôn luôn gắn gũi với đời sống hằng ngày của chúng ta, nhằm phá sự chấp trước do si mê tham đắm, mà thấy biết sai lầm không đúng với lẽ thật về thân phận của một kiếp người.

Hình ảnh bà vợ thứ nhất, Phật dụ cho sắc thân của mỗi người chúng ta.

Hình ảnh bà vợ thứ hai, Phật dụ cho tiền bạc của cải của chúng ta ở trong nhà. Ta đi đâu đó cũng đều có tiền trong túi và không thể thiếu nó. Nhưng khi chúng ta chết, nó chỉ nằm trong tủ hoặc két sắt thuộc phạm vi trong nhà, vì vậy mà bà vợ thứ hai chỉ nói đưa tới cửa mà thôi.

Hình ảnh bà vợ thứ ba, Phật dụ cho ông bà cha mẹ và họ hàng thân thuộc của hai bên chồng vợ. Người vợ thứ ba dụ cho sự nghiệp gia đình người thân, công danh chức tước. Khi đưa quan tài người chết tới huyệt thì họ đọc diếu văn kể công trạng, rồi mới hạ huyệt chôn cất, nên nói đưa tới mộ.

Hình ảnh bà vợ thứ tư, Phật dụ cho việc làm của mỗi người chúng ta được lập đi lập lại nhiều lần từ thân miệng ý, từ vô thủy kiếp đến nay, hay còn gọi là thói quen hoặc nghiệp báo. Cho nên, bà vợ thứ tư dụ cho nghiệp lành hay nghiệp dữ luôn theo ta như hình với bóng, ta ở đâu thì nó theo đó không rời nửa bước, chính vì thế mới tình nguyện chết theo.

Ai cũng vậy, lúc còn sống thì ta thương yêu quý tiếc gìn giữ sắc thân, tiền bạc của cải, và lo lắng bảo vệ cho gia đình người thân, nên từ đó ta dễ dàng gây tạo nhiều tội lỗi. Đến khi sắp chết lia đời, ba thứ ta hay lo lắng, quý tiếc gìn giữ thân thương nhất, lại không thể nào mang theo được, mà chỉ mang theo nghiệp lành hay nghiệp dữ đã làm trong hiện tại. Khi ta chuẩn bị từ giã cõi đời thì ba thứ thân thương nhất ta đều phải bỏ lại hết, duy chỉ có bà vợ thứ tư là ẩn dụ cho nghiệp báo tốt xấu của mỗi người, nó theo ta như bóng với hình, ta sinh ra chỗ tốt hay họa vào chỗ xấu là tùy thuộc vào việc làm và thói quen của ta trong hiện tại. Nó sẽ theo ta trong suốt cuộc hành trình

với những đời sống kế tiếp.

Thật ra, chết không phải là hết, mà chết chỉ là thay hình đổi dạng để tiếp tục đời sống mới trong ba cõi sáu đường, trời, người, A Tu La, và địa ngục, quỷ đói, súc sinh. Hai loài chúng sinh ta dễ dàng nhìn thấy nhất là con người và các loài súc sinh. Còn bốn con đường kia, khi ta có sự thể nghiệm trong quán chiếu tu tập, ta mới có thể thấy rõ tường tận từng cảnh giới sống của chúng.

Nhìn vào thực tế trong đời sống nhân gian bằng sự quán sát và xem xét, ta có thể thấy chư Thiên vẫn hiện hữu nơi cõi người. Như những người giàu sang nhiều tiền bạc của cải, họ có quyền cao chức trọng, nhưng họ vẫn sống có nhân cách và đạo đức, luôn luôn giúp người cứu vật, sống vì lợi ích tha nhân nhiều hơn là chính mình. Đó là chư Thiên hiện tiền trong thế giới con người chúng ta.

Có nhiều người tuy thường xuyên gieo trồng phước đức, giúp người cứu vật, và sẵn sàng san sẻ giúp đỡ khi gặp người khó khăn hoạn nạn, bất hạnh khổ đau, nhưng tính tình còn nhiều nóng giận hay la rầy, nói nặng nói nhẹ, mắng chửi người khác, do đó hiện tượng A Tu La ngay nơi cuộc sống này. Ai đang làm từ thiện để đóng góp sẽ chia thì hãy nên suy xét lại, nếu không khéo tuy có lòng giúp đỡ tha nhân, nhưng làm cho người ta sinh tâm ganh ghét, giận hờn, có khi gây thù chuốc oán, phản tác dụng trở thành oan gia trái chủ.

Ai trực tiếp giết hại người vật một cách tàn nhẫn, dã man, không thương tiếc, chế tạo vũ khí để xúi người ta giết chóc hoặc mở lò sát sinh, luôn gây chiến tranh để nhân loại tàn sát giết hại lẫn nhau, thì địa ngục sẽ hiện tiền nơi cõi Ta Bà này. Người Phật tử chân chính không trực tiếp, hay xúi bảo, hoặc vui vẻ khi thấy người khác giết hại, thì tránh được khổ báo không bị đọa địa ngục trong hiện tại và mai sau.

Kẻ tham lam bòn sẻn có nhiều tiền của không đem ra giúp người khi gặp thiếu thốn khó khăn, thà để hư mục, hoặc bóc lột sức lao động của con người và vật quá đáng. Tuy giàu có nhưng không bao giờ biết mở lòng với ai, mà còn tìm cách vơ vét về cho riêng mình, tâm địa ích kỷ, san tham, hẹp hòi là nhân đọa vào loài quỷ đói, để chịu khổ báo đói khát vô lượng kiếp.

Nói tóm lại, chính vì sự sống của riêng mình và người thân, hay rộng hơn là một đất nước hoặc tất cả chúng sinh trong bầu vũ trụ bao la này mà ta đành lòng giết hại gây đau khổ cho nhau cũng chỉ miếng ăn thức uống, hay các nhu cầu hưởng thụ cần thiết khác. Phật dạy, đời sống của chúng ta là một chuỗi dài nhân duyên, liên quan mật thiết với nhau. Dù ta có tài giỏi đến đâu cũng phải nương nhờ lẫn nhau theo tiến trình diễn biến nhân quả mới bảo tồn mạng sống, ta không làm ruộng nhưng vẫn có cơm để ăn, ta không dệt vải nhưng vẫn có quần áo để mặc, và cứ tương tự như thế các nhu cầu cần thiết khác cũng lại như vậy. Chính vì thế, Phật dạy chúng ta cần phải có bổn phận, trách nhiệm, thương yêu, đùm bọc, giúp đỡ lẫn nhau bằng trái tim hiểu biết, trên tinh thần vô ngã, vị tha.

Ta ở nơi nào?

● Tùy bút **Vinh Thông**

Ta ở nơi nào? Trời đất rộng bao la, nội dẫy đất dài dài có cái dáng giống chữ S nẩy đi cả đời vẫn không giáp hết. Vậy mà... sao vẫn thấy chật? Ừ, thì chật thiệt đó. Trong lòng cứ bức rức một cái gì như vô duyên lấm, nó không có hình thù và cũng không thể chạm được, nó cào cấu những gì mình đang làm đang nghĩ. Nó xé toạt cả những giấc mơ.

Cái chòi lá đang ở ta chề chật, thôi thì mua một nhà khác lớn hơn để sống cho thoải mái. Cũng thấy chật? Ra công viên dạo mát, chợt thấy những chú chim đậu trên cành cây bên vĩa hè rồi bay đi. Chúng bay đi đâu? À, thôi phải rồi, hay là mình ra đường, cứ rong chơi mãi như lũ chim nẩy, cứ lang thang như lão kỳ sĩ Bùi Giáng vậy mà vui. Đi hoài, đi hoài, quay về chỗ đã từng đi qua - cũng có, đi đến chỗ chưa từng biết - cũng có. Nhưng, sao vẫn thấy chật? Nghiệm ra rằng, ta thấy chật vì lòng mình đang chật hẹp. Dường như nó đang chứa hàng đống ký lô những thứ lộn xộn, xô bồ. Đây là buồn vui, trần trở, nợ là hơn thua, được mất, bại thành... có tất. Vậy là chật lắm rồi, chật khi ta ở nhà cao cửa rộng, chật cả khi ra đường phố thênh thang. Chật cả giấc mơ!

Lòng ta chưa mở!

Tâm hoan hỷ là thành công. Thành công không chỉ ở sự nghiệp mà thành công trong tâm hồn. Khi đã mở lòng trước tất cả mọi việc, ta mới thấy cái chòi lá hàng ngày rộng rãi và yên bình biết chừng nào. Một tách trà nghi ngút khói, một mâm cơm với bông súng mắm kho cũng đậm thắm bao tình.

Cuộc sống sẽ rộng bao la khi lòng người đã mở.



Ảnh: Thích Giác Thông

SƯU TẦM TRỌN BỘ TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC



Nếu bạn muốn sưu tầm trọn bộ Tạp chí Nghiên cứu Phật học xin vui lòng liên hệ với tòa soạn. Đặc biệt chỉ với 165.000đ bạn đã có trọn bộ cả năm được đóng thành một cuốn sách bìa cứng thật sang trọng. Hãy để **TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC TRỌN BỘ** năm 2012 - 2013 trên giá sách nhà bạn: vừa thuận tiện cho việc lưu trữ, vừa dễ dàng để bạn tra cứu khi cần.

20 bạn đọc đầu tiên đăng ký mua sách trọn bộ năm 2012 - 2013

sẽ được tặng 01 phần quà của Tạp chí. Bạn đọc Hà Nội xin mời đến mua tại tòa soạn, bạn đọc ngoài Hà Nội vui lòng liên hệ với chúng tôi qua số: 04 - 3. 9 423 887 để biết thêm chi tiết về cước phí bưu điện.

PHIẾU ĐĂNG KÝ ĐẶT MUA TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC NĂM 2014

Kính mời: Quý chư tôn đức Tăng Ni, Phật tử, độc giả đăng ký mua Tạp chí Nghiên cứu Phật Học năm 2013

- | | |
|---|--------------|
| <input type="checkbox"/> Số 1 Xuân 2014 (tháng 1+2), phát hành ngày 15/01/2014 | Giá 30.000đ |
| <input type="checkbox"/> Số 2 (tháng 3+4), phát hành ngày 15/03/2014 | Giá 25.000đ |
| <input type="checkbox"/> Số 3 Mừng Phật đản (tháng 5+6), phát hành ngày 15/5/2014 | Giá 30.000đ |
| <input type="checkbox"/> Số 4 (tháng 7+8), phát hành ngày 15/07/2014 | Giá 25.000đ |
| <input type="checkbox"/> Số 5 (tháng 9+10), phát hành ngày 15/09/2014 | Giá 30.000đ |
| <input type="checkbox"/> Số 6 (tháng 11+12), phát hành ngày 15/11/2014 | Giá 25.000đ |
| <input type="checkbox"/> Tạp chí cả năm (6 số) | Giá 165.000đ |
| <input type="checkbox"/> Cước gửi tạp chí về tận nhà (theo nhu cầu) | Giá 50.000đ |

Để được giao báo tại nhà độc giả ngoài Hà Nội vui lòng đặt báo tại bưu điện gần nhà bạn nhất. Mã số đặt **Tạp chí Nghiên cứu Phật học** qua bưu điện (Công ty Phát hành Báo chí Trung ương) là C356. Độc giả Hà Nội muốn giao báo tại nhà vui lòng trả thêm cước phí chuyển phát.

Mọi thông tin về việc đặt mua báo, chi phí chuyển phát xin vui lòng liên hệ với chúng tôi theo địa chỉ:

TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC

Chùa Quán Sứ, 73 phố Quán Sứ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội * Điện thoại: 04 - 3 9 423 887

Tài khoản: Phân viện Nghiên cứu Phật học

Sở giao dịch 1 - Ngân hàng Công Thương Việt Nam * Số tài khoản: 102010000032825

Đón đọc và ủng hộ Tạp chí Nghiên cứu Phật học

Kính bạch các bậc chư tôn thiên đức, quý tăng, ni, phật tử!

Kính gửi quý bạn đọc gần xa, các đạo hữu và những người yêu mến đạo Phật!

Tạp chí Nghiên cứu Phật học (NCPH) ra đời tính đến nay đã tròn 24 năm. Tạp chí là ấn phẩm báo chí của Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, và là một trong những cơ quan báo chí chính thức của Giáo hội Phật giáo Việt Nam được Bộ VH - TT (nay là Bộ TT & TT) cấp Giấy phép báo chí.

Hơn 10 năm qua, Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã giao cho Viện nghiên cứu Phật học Việt Nam tại Hà Nội thực hiện việc xuất bản định kỳ Tạp chí. Tổng biên tập Tạp chí là Hòa thượng Thích Gia Quang - Phó Chủ tịch HĐTS GHPGVN, kiêm Trưởng Ban Thông tin Truyền thông T.Ư GHPGVN, Viện trưởng Phân viện NCPHVN tại Hà Nội.

Tính đến nay, sau 24 năm xuất bản, Tạp chí đã phát hành được 124 số Tạp chí. Tạp chí NCPH hiện tại phát hành 2 tháng/1 số, trong năm 2013 Tạp chí đã phát hành được 06 số, in giấy couche, 4 màu, kích thước 20 x 28 cm, 84 trang.

Tạp chí có các chuyên mục, chuyên trang như: Giáo lý, Lịch sử và Triết học, Trao đổi... là những chuyên đề chuyên sâu nhằm giúp các quý tăng ni, học giả nghiên cứu, trao đổi và cùng nhau phổ biến tri thức Phật pháp.

Bên cạnh đó, những trang mục Phật giáo với đời sống, Văn hóa nghệ thuật Phật giáo, Suy ngẫm, Pháp thoại... là nhịp cầu nối giữa Phật giáo với đời sống, chú trọng truyền tải các thông tin Phật học ứng dụng.

Để Tạp chí NCPH ngày một phát triển, Tạp chí rất mong nhận được sự cổ vũ, động viên, ủng hộ của quý tăng ni phật tử, quý học giả, bạn đọc xa gần bằng các hình thức sau:

- Tham gia gửi tin, bài, ảnh cộng tác
 - Đặt mua Tạp chí và cùng chung tay quảng bá Tạp chí tới đồng đạo bạn đọc
 - Ủng hộ phát hành và công đức phát hành Tạp chí
 - Tham gia Quảng cáo
 - Ủng hộ tịnh tài giúp Tạp chí ổn định về Tài chính.
- Hiện tại mỗi số phát hành, Tạp chí còn lỗ khoảng 50

triệu đồng, mỗi năm 6 số. Do vậy, nguồn kinh phí để in ấn và phát hành Tạp chí hết sức khó khăn.

Tạp chí NCPH thực hành giáo lý theo tinh thần hộ trì và xiển dương Phật Pháp, đăng tải các thông tin nghiên cứu chuyên sâu theo các chuyên đề cụ thể; đem lại lợi lạc quần sinh sẽ trân trọng ghi dấu thiện tâm của tất cả những người con Phật.

Dù một chút tịnh tài, một chút công sức nhưng với tâm thế nguyện rộng lớn, công đức của tất cả sẽ hòa chung trong đại nguyện cùng hướng tới ngôi nhà chung Phật Pháp thường hằng.

Các khoản ủng hộ sẽ được cập nhật và đăng chi tiết trên các số báo và trên mạng Internet, mọi chi phí đều dành cho việc in ấn và phát hành Tạp chí.

1. Mọi sự ủng hộ tịnh tài của quý vị xin gửi về Tạp chí Nghiên cứu Phật học, số 73 chùa Quán Sứ, Quán sứ, Hà Nội. Số Tài khoản: 102010000032825; Sở giao dịch 1, Ngân hàng công thương Việt Nam

Trưởng ban Biên tập: Cư sĩ Giới Minh,
email: tapchincph@gmail.com, ĐT: 0913317752

2. Sự cộng tác bài vở xin liên hệ: Biên tập viên Chân Như

Địa chỉ email: phathocvietnam@gmail.com,
Điện thoại: 0977693286.

3. Liên hệ quảng cáo: Phật tử Phùng Anh Tuấn - pháp danh: Đạo Quang

Địa chỉ email: phunganhtuan18@gmail.com,
Điện thoại : 0962278617

4. Liên hệ ấn tống kinh: Phật tử Trần Thị Thanh Hà - Pháp danh Bảo Ngọc

Địa chỉ Email: thanhha@tuebichuaquansu.com
Điện thoại: 0919881641

5. Liên hệ phát hành: Phật tử Phạm Hồng Lựu - pháp danh Bảo Hồng Liên

ĐT: 0975.568.649

Xin trân trọng cảm tạ và sự động viên, đồng hành của tất cả quý vị!

Nguyện ánh sáng Chư Phật mười phương gia hộ cho quý vị thân tâm an lạc, phật sự viên thành.

Nam mô Bản sư Thích Ca Mâu Ni Phật!

GHPGVN TRAO BẰNG TUYÊN DƯƠNG CÔNG ĐỨC CÁC CÁ NHÂN VÀ TẬP THỂ THAM GIA VESAK 2014.



Ảnh: NHK

Đại lễ Phật đản LHQ Vesak 2014 tổ chức lần thứ 02 tại Việt Nam đã thành công rực rỡ trên tất cả các phương diện. Cùng với sự quan tâm, giúp đỡ của Đảng, Nhà nước, Quốc hội, Chính phủ trong công tác tổ chức, nhiều cá nhân và đoàn thể cũng đã góp phần vào thành công sự kiện đối ngoại trọng đại này.

Nhằm tri ân các cá nhân và các tập thể đã có thành tích xuất sắc tham gia đóng góp tổ chức thành công Đại lễ Phật đản LHQ Vesak 2014, ngày 06/06/Giáp Ngọ (02/07/2014) GHPGVN đã trao bằng Tuyên dương công đức cho các cá nhân và tập thể tại trụ sở T.Ư GHPGVN chùa Quán Sứ Hà Nội.

Buổi lễ được tổ chức trang trọng dưới sự chứng minh của HT.Thích Thanh Nhiễu - Phó Chủ tịch TT HĐTS GHPGVN; TT.Thích Đức Thiện - Phó Tổng thư ký kiêm Chánh Văn phòng I.T.Ư GHPGVN và các vị lãnh đạo trong Ban Tôn giáo Chính phủ cùng các tập thể cá nhân trong BTC Đại lễ Vesak 2014.

HÀ NỘI: HỘI NGHỊ SƠ KẾT CÔNG TÁC PHẬT SỰ 6 THÁNG ĐẦU NĂM

Giáo hội Phật giáo Việt Nam TP Hà Nội, tổ chức Hội nghị Sơ kết công tác Phật sự sáu tháng đầu năm 2014 diễn ra ngày 16/6 tại chùa Mộ Lao - Số 02 Đường Thanh Bình - Mộ Lao - Hà Đông - Hà Nội.

Hội nghị dưới sự chủ trì của Hòa thượng Thích Bảo Nghiêm - Trưởng Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam cùng sự hiện diện của chư tôn thiện đức Tăng Ni thành viên Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Thành phố, Ban Trị sự Phật giáo các quận huyện thị.

Về phía chính quyền có ông Bùi

Anh Tuấn phó chủ tịch MTTQVN thành phố Hà Nội à các vị đại diện công an, dân vận thành ủy đã về tham dự. Theo đó, nhiệm vụ trọng tâm mà 6 tháng cuối năm Hội nghị hướng tới gồm: Tốt nghiệp, chiêu sinh lớp Trung cấp Phật học, Kiện toàn danh sách nhân sự các Phân ban trực thuộc Ban Hướng dẫn Phật tử; Phối hợp với Ban Trị sự Phật giáo các quận huyện, với Tăng Ni trụ trì các cơ sở tự viện để tăng cường sự định hướng hoạt động, giúp đỡ về tổ chức các khóa tu, hướng dẫn Phật tử tu học; Duy trì, phát triển các câu lạc



Ảnh: AP

bộ Thanh - Thiếu niên Phật tử;

Tổ chức lớp tập huấn huynh trưởng, đào tạo kỹ năng quản lý các đạo tràng và câu lạc bộ cho các Phật tử; Ban hành Quy chế hoạt động của các đạo tràng, các khóa tu...

TP.HCM: BẾ MẠC HỘI NGHỊ THƯỜNG TRỰC HĐTS GHPGVN

Ngày 03/06/Giáp Ngọ (29/06/2014) tại Văn phòng II - thiền viện Quảng Đức (Q.3, TP. HCM) Hội nghị Ban Thường trực HĐTS cũng đã diễn ra chương trình báo cáo tổng kết 6 tháng làm việc, sau khi nghe báo cáo sơ kết công tác Phật sự 06 tháng đầu năm 2014 và triển khai chương trình hoạt động Phật sự 06 tháng cuối năm 2014 của GHPGVN do Ban Thư ký trình bày, Chư tôn đức phát biểu ý kiến của các Ban, ngành, viện T.Ư Giáo hội, Hội nghị đã nhất trí thông qua bản báo cáo sơ kết 06 tháng đầu năm 2014, chương trình hoạt động Phật sự 06 tháng cuối năm 2014 của GHPGVN. Hội nghị đã tổng hợp kiến nghị của tăng, ni, Phật tử GHPGVN gửi đến Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam phản đối Chính phủ ND Trung Hoa hạ đặt giàn khoan Hải



Ảnh: AP

Dương HD 981 sâu bên trong thềm lục địa, vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam, vi phạm luật quốc tế (Công ước Luật Biển năm 1982). Tuyên bố ứng xử của các bên ở biển Đông và thỏa thuận của lãnh đạo hai nước, khẳng định chủ quyền không tranh cãi và không thay đổi đối với quần đảo Hoàng Sa - Trường Sa của Việt Nam, đề nghị đưa vấn đề biển Đông ra Tòa án Quốc tế.

ĐẠI LỄ QUỐC GIA CẦU SIÊU ANH HÙNG LIỆT SĨ TẠI NGHĨA TRANG LIỆT SĨ QUỐC GIA ĐƯỜNG 9.

Ngày 17/6 năm Giáp Ngọ (tức 13/7/2014), tại nghĩa trang Liệt sĩ Quốc gia đường 9, Đồng Hà, Quảng Trị, Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Bộ tài chính và UBND



Ảnh: AP

tỉnh Quảng Trị, GHPG Việt Nam tỉnh Quảng Trị trọng thể tổ chức đại lễ Cầu siêu Quốc gia các anh hùng liệt sĩ và khánh thành công trình nâng cấp, xây dựng nghĩa trang Liệt sĩ Quốc gia đường 9.

Tham dự đại lễ có các bậc giáo phẩm: HT. Thích Thiện Nhơn - Phó chủ tịch TT HĐTS GHPGVN - Tổng thư ký HĐTS GHPGVN; HT.Thích Thanh Nhiễu - Phó chủ tịch TT HĐTS GHP-

GVN; HT Thích Gia Quang - Phó chủ tịch HĐTS GHPGVN... cùng chư tôn đức HĐCM, HĐTS T.Ư GHPGVN; BTS GHPGVN các tỉnh thành trong cả nước. Về phía lãnh đạo chính quyền có ông Đinh Thế Huynh - Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư T.Ư Đảng, Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương; Phó Chủ tịch nước Nguyễn Thị Doan; Phó Thủ tướng Vũ Văn Ninh cùng đại diện lãnh đạo các ban ngành T.Ư và tỉnh Quảng Trị cùng về tham dự.

Công trình nâng cấp xây dựng Nghĩa trang Liệt sĩ Quốc gia Đường 9 được khởi công xây dựng năm 2011 với kinh phí đầu tư hơn 80 tỷ đồng. Việc nâng cấp sẽ giúp Nghĩa trang liệt sĩ Quốc gia Đường 9 trở thành công trình tưởng niệm, công trình văn hóa và lịch sử cho hiện tại và cho các thế hệ mai sau; phục vụ nhu cầu thăm viếng liệt sĩ của cán bộ, nhân dân cả nước, giáo dục thế hệ trẻ về truyền thống cách mạng vẻ vang của các thế hệ cha anh.

ĐÀ NẴNG: ĐẠI LỄ TRAI ĐÀN BẠT ĐỘ - CHẨN TẾ TẠI CHÙA VIÊN QUANG

Kỷ niệm ngày vía đức Quán Thế Âm Bồ Tát, hướng đến đại lễ Vu Lan báo hiếu. Để tưởng nhớ đến công ơn sâu dày của Chư Phật, Chư Hiền Thánh Tăng, ông bà cha mẹ quá cố nhiều đời nhiều kiếp, chùa Viên Quang (07 Phạm Văn Nghị, Tp Đà Nẵng) đã tổ chức Đại lễ cầu siêu Giải oan Bạt độ - Chẩn tế âm linh cô hồn - Cúng dường Trai Tăng trong 2 ngày 16,17/6/Giáp Ngọ (12,13/07/2014).

Dưới sự chứng minh của HT. Thích Chí Mãn - Trụ trì chùa Pháp Vân, Đà Nẵng. TT. Thích Minh Thành - Trụ trì chùa Viên Quang, Đệ nhất sám chủ



Ảnh: NHK

đàn tràng, Ban kinh sư đã tiến hành lễ thỉnh Tiêu diện đại sĩ, thỉnh linh để vị với sự tham dự của hơn 800 đạo hữu Phật tử, gia chủ có hương linh cầu siêu tại đàn tràng. Các khóa lễ: Trai đàn Giải oan Bạt độ, lễ cúng dường trai Tăng cũng đã diễn ra trang nghiêm thanh tịnh dưới sự chứng minh và tham dự các bậc giáo phẩm cùng đông đảo bà con Phật tử trong tiếng nhạc trầm bổng mang đậm âm hưởng kinh thành Huế.

HOẠT ĐỘNG THIỆN NGUYỆN HẢI PHÒNG: CHÙA LINH GIANG PHÁT 300 SUẤT CƠM TẠI BV VIỆT TIỆP

Trên tinh thần từ bi, cứu khổ, ban vui của đạo Phật cũng như để kỷ niệm ngày vía Bồ tát Quán Thế Âm thành đạo, ngày 14/7/2014 nhằm ngày 18/6 năm Giáp Ngọ, Đại đức Thích Bản Viên - Quản tự Chùa Linh Giang, thôn Bạch Cầu, xã Quốc Tuấn, huyện An Lão, cùng Chư Tăng và các Phật tử đang sinh hoạt, tu tập tại chùa đã phát 300 suất cơm từ thiện tại khoa ung bướu và khoa tim mạch của bệnh viện Việt Tiệp, Tp. Hải Phòng. Được biết việc phát cơm từ thiện tại một số bệnh viện trên địa bàn Hải Phòng của chùa Linh Giang sẽ được tiếp tục duy trì trong thời gian tới.

CHƯƠNG TRÌNH "ĐẠI LỄ VU LAN VỚI PHẬT TỬ & DOANH NHÂN" TRAO QUÀ ĐỢT 1 TẠI CHÙA LINH ỨNG (NAM ĐỊNH)

Ngày 16/06/Giáp Ngọ (12/07/2014), Đại diện BTC chương trình "Đại lễ Vu Lan với Phật tử & Doanh nhân" do ĐĐ.Thích Giác Vũ - Ủy viên Ban TTTT T.Ư GHPGVN, Trưởng ban TTTT GHPGVN tỉnh Nam Định dẫn đầu đoàn đã tới trao quà từ thiện đợt đầu tiên cho các em nhỏ mồ côi, khuyết tật, người già neo đơn hiện đang sinh sống tại chùa Linh Ứng, thị trấn Thịnh Long, Hải Hậu, Nam Định. Tham gia thực hiện chương trình còn có sự phối hợp Công ty CP Truyền thông Miền Bắc, các nhà mạnh thường quân trực tiếp ủng hộ những mảnh đời khó khăn tại chùa.

Với những tấm lòng sẻ chia từ các nhà mạnh thường quân: ĐĐ.Thích

Thanh Cường trụ trì chùa Cương Xá (Hải Dương) ủng hộ số tiền 5 triệu đồng; Trường ĐH Kinh tế Quốc dân ủng hộ 15 triệu đồng; Công ty Cổ phần Thực phẩm Việt Nam ủng hộ 300 suất quà, mỗi suất trị giá 60 nghìn đồng; Công ty Sữa Đậu nành Vinasoy ủng hộ 26 suất quà, mỗi suất trị giá 500 nghìn và 12 hộp sữa; Công ty VPP Hồng Hà ủng hộ sách vở trị giá 15 triệu đồng...

BẮC NINH: CHƯƠNG TRÌNH TIẾP SỨC "BÊN EM MÙA THI"

Căn cứ vào thực tiễn các chương trình "Tiếp sức mùa thi" của những năm qua, Hội Sinh viên thanh niên Tuổi trẻ Bắc Ninh đã xây dựng kế hoạch và Thực hiện chương trình đồng hành cùng "Bên em mùa thi" diễn ra từ 25/5 đến 8/7/2014 với những nội dung cơ bản: Hỗ trợ thí sinh và phụ huynh từ các huyện tỉnh về TP. Bắc Ninh, Hà Nội, Thái Nguyên... dự các kỳ thi tuyển



Ảnh: NHK

sinh Đại học và cao đẳng năm 2014. Nhiệm vụ của đoàn tình nguyện là đón, hướng dẫn đường đi cho các thí sinh từ các trạm xe, giới thiệu nhà trọ giá rẻ, thậm chí miễn phí tại các chùa gần trường... động viên tinh thần, giúp đỡ và hỗ trợ kịp thời cho các thí sinh dự thi.

Tại buổi lễ ra quân, Đại đức Thích Minh Không, chùa Non Nước, Sóc Sơn, Hà Nội; ông Nguyễn Nhân Chinh, Phó Bí thư tỉnh Đoàn, Phó chủ tịch HLH Thanh niên tỉnh Bắc Ninh; ông Nguyễn Anh Sơn, Phó ban Thanh thiếu niên trường học tỉnh Đoàn cũng đã về tham dự và cùng chia sẻ nhiệm vụ thiện nguyện này.

BTV Tổng hợp

TÍCH LAN: 12 TRIỆU PHẬT TỬ ĐÃ TỔ CHỨC LỄ HỘI POSON VÀO NGÀY TRĂNG TRÒN 12/6/2014



Lễ hội Poson được tổ chức tại các thành phố lớn với sự tham dự của chính quyền.
Photo: IANS

Poson là một sự kiện trọng đại thường niên theo Phật lịch Tích Lan để kỷ niệm sự du nhập của Phật giáo vào Tích Lan vào thế kỷ thứ 3 trước Công nguyên.

Tại thành phố cổ Anuradhapura, Lễ hội Poson 2014 được tổ chức với sự tham dự của tổng thống Mahinda Rajapaksa. Tổng thống tham gia một nghi lễ tôn trí xá lợi tại bảo tháp Sandagiri của Anuradhapura cũng như các lễ cúng dường vật phẩm tại cây Đại Bồ đề Sri. Để kỷ niệm sự kiện này, hơn 200 gian hàng thực phẩm miễn phí được thiết lập tại khu vực Anuradhapura. Những người hành hương và khách mời được chiêu đãi các bữa ăn, món tráng miệng, món ăn nhẹ và thức uống miễn phí suốt ngày trăng tròn này. Tương tự, các lễ hội Poson như vậy cũng được tổ chức tại hầu hết các thành phố lớn với sự tham dự của giới chức chính quyền.

TẠI TÍCH LAN, ĐẠI SỨ QUÁN HOA KỲ CẤP 100.000 USD ĐỂ BẢO TỒN TU VIỆN PHẬT GIÁO RAJAGALA

Đại sứ quán Hoa Kỳ đã trao cho trường Đại học Sri Jayewardenepura của Tích Lan khoản tài trợ 100.000 usd vào năm 2013, và đang làm việc chặt chẽ với trường và Cục Khảo cổ học về dự án bảo tồn tu viện Phật giáo Rajagala quan trọng này.

Tọa lạc tại Huyện Ampara ở Tỉnh Đông, Rajagala không chỉ có ý nghĩa

như một khu tu viện Phật giáo cổ xưa; nó cũng là một trong những di tích khảo cổ hoang sơ nhất tại Tích Lan. Tại chuyến tham quan di tích tu viện, Đại sứ Hoa Kỳ Sison phát biểu: "Chúng tôi tự hào là đối tác trong dự án này, nhờ vậy chúng tôi có thể giúp tiến đến một sự hiểu biết tốt hơn về niềm tự hào, di sản và lịch sử độc đáo của Tích Lan".

Khu phức hợp tu viện Phật giáo rộng 400 hecta Rajagala được xây dựng giữa những năm 119 - 109 trước



Công việc bắt đầu vào cuối năm 2013 và sẽ tiếp tục đến năm 2017.
Photo: Daily Mirror

Công nguyên, nhưng bị bỏ hoang vào khoảng năm 993 sau Công nguyên. Nó được "tái khám phá" trong một cuộc khảo sát khảo cổ học vào năm 1890. Khoản tài trợ của Hoa Kỳ sẽ giúp xác định, bảo tồn và khôi phục khoảng 80 loại di tích khác nhau. Công việc bắt đầu vào cuối năm 2013 và sẽ tiếp tục đến năm 2017.

MIỄN ĐIỆN: TRAO GIẢI CUỘC THI VĂN HỌC PHẬT GIÁO

Tiền thưởng tổng cộng gần 5 triệu K (kyat) đã được trao cho những người chiến thắng của một cuộc thi văn học Phật giáo trẻ. Tổ chức Thutasonne Lin Buddhawin, đơn vị tổ chức cuộc thi này chia sẻ: Cuộc thi nhằm khuyến khích các thế hệ trẻ tìm hiểu thêm về giáo lý của Đức Phật.

Trong khi sự kiện năm nay tập

trung vào lứa học sinh trung học từ 11 đến 14 tuổi, các nhà tổ chức đã lên kế hoạch tổ chức một cuộc thi mở rộng vào năm tới, bao gồm cả người lớn và trẻ em ở các độ tuổi khác.

ĐÀI LOAN: CHƯƠNG TRÌNH KHÓA TU PHẬT GIÁO PHẬT QUANG DÀNH CHO SINH VIÊN TOÀN THẾ GIỚI

Khóa tu Phật giáo Phật Quang dành cho sinh viên toàn thế giới được tổ chức vào mùa hè này tại nam Đài Loan.

Hai tuần đầu của chương trình được tổ chức theo hướng định hướng cho sinh viên trong cuộc sống tu viện, thông qua các buổi thiền định buổi sáng, các lớp về Phật giáo, từ Phật giáo Ấn Độ thời kỳ đầu đến Phật giáo Trung Hoa hiện đại, cũng như tư tưởng và thực hành Phật giáo. Phần thảo luận được hướng dẫn bởi đội ngũ giảng dạy tu học có nhiều kinh nghiệm. Cao trào của khóa tu là một đại hội thanh niên Phật giáo hiện đại



Khóa tu Phật Quang được thành lập bởi Sư nữ Tiến sĩ Yifa, một sư cô và là học giả nổi tiếng

với hơn 1.000 sinh viên khắp thế giới tham dự, sau đó là 3 ngày tham quan đảo Đài Loan, hấp thụ nền văn hóa địa phương và ở lại tại các tự viện khác nhau trên đường đi.

Khóa tu Phật Quang được thành lập bởi Sư nữ Tiến sĩ Yifa, một sư cô và là học giả nổi tiếng. Chương trình này được thực hiện để thúc đẩy sự hiểu biết giữa các tôn giáo, phát huy sự phát triển tinh thần của mỗi các

nhân, và tạo ra một cộng đồng sinh viên quốc tế có chung mục tiêu là những người đại diện cho hòa bình và lòng từ bi trên thế giới.

HOA KỲ: THƯ VIỆN HARVARD TẢI 10 TRIỆU TRANG VĂN HỌC PHẬT GIÁO TÂY TẠNG VÀO HỆ THỐNG KHO LƯU TRỮ KỸ THUẬT SỐ



bảo tồn nền văn học Tây Tạng là một trong những "dự án chuẩn" của Thư viện Harvard

Cambridge, Massachusetts - Thư viện Harvard đã công bố một dự án hợp tác với Trung tâm Tư liệu Phật giáo Tây Tạng (TBRC) để tải lên hơn 10 triệu trang văn học Phật giáo Tây Tạng vào Hệ thống Kho lưu trữ Kỹ thuật số của mình - như một phương tiện để cung cấp một "nơi an toàn" cho kho lưu trữ của TBRC.

TBRC được thành lập vào năm 1999 bởi Gene Smith, với sự ủy quyền quét và lập danh mục cho bộ sưu tập cá nhân của ông, gồm hơn 12.000 tập từ kinh điển Phật giáo Tây Tạng mà ông đã nhận được từ những người tị nạn Tây Tạng chạy trốn khỏi bất ổn chính trị tại quê hương họ.

Các chuyên gia của Thư viện Harvard sẽ bắt đầu tải lên vào tháng 7 và dự kiến sẽ mất một năm để hoàn thành. Sau đó, bộ sưu tập này sẽ được cung cấp cho những người sử dụng Thư viện Harvard thông qua danh mục HOLLIS của thư viện. Dan Hazen, thủ thư phụ tá về việc phát triển bộ sưu tập, đã gọi quan hệ đối tác với TBRC để bảo tồn nền văn học Tây Tạng là một trong những "dự án chuẩn" của Thư viện Harvard.

THÁI LAN: LỄ HỘI NÉN TRUYỀN THỐNG ĐÁNH DẤU SỰ BẮT ĐẦU CỦA MÙA CHAY PHẬT GIÁO

Bangkok, Thái Lan - Nhân dịp bắt đầu Mùa Chay Phật giáo năm nay, Tổng cục Du lịch Thái Lan (TAT) mời du khách quốc tế và nội địa tham gia cùng cộng đồng Phật tử Thái Lan trên toàn quốc, với các lễ hội nên được tổ chức tại nhiều nơi từ ngày 11 đến 13/7.

Trong số đó có lễ hội Nén Sáp Quốc tế và Lễ Rước Nén Sáp tại Thung Si Mueang, Ubon Ratchathani, với những kiệt tác điêu khắc nên đẹp nhất thế giới của các nghệ sĩ từ Bungaria, Costa Rica, Ấn Độ, Mã Lai, Mỹ Tây Cơ, Tây Ban Nha, Ukraine, Hoa Kỳ và Thái Lan; Lễ hội Nén Korat tại Đài Tưởng niệm Tao Suranaree với nền khắc tinh xảo mô tả cuộc đời của Đức Phật... Đám rước của gần 100



Photo: HK

con voi được trang trí công phu chở một số vị hòa thượng của thị trấn trong một lễ làm công đức độc đáo và đáng nhớ...

Mùa Chay Phật giáo, ở Thái Lan gọi là Khao Phansaas, kéo dài 3 tháng. Trong thời gian này, chư tăng ở trong chùa để học và tuân thủ đúng những lời dạy của Đức Phật.

ẤN ĐỘ: NHỮNG NỖ LỰC ĐỂ CỨU CÂY BỒ ĐỀ TẠI SARNATH



Photo: AP

Varanasi, Uttar Pradesh - Sở lâm nghiệp bang Uttar Pradesh đã đề ra một nhiệm vụ để cứu cây Bồ đề nổi tiếng thế giới tại Tịnh xá Mulagandha Kuti ở Sarnath, sau khi một nhánh của cây bị gãy đổ trong trận bão hồi tháng 6. Cây này được trồng vào ngày 12/11/1931 bởi Devamitta Dhammapala, người sáng lập Hội Đại Bồ đề Ấn Độ, để đánh dấu ngày khánh thành Tịnh xá Mulagandha Kuti. Nó là hậu duệ của cây Bồ đề nguyên thủy của Tích Lan. Tuần trước, một nhánh của nó đã ngã xuống do các lý do tự nhiên. CM Tripathi, một viên chức của Khu Lâm nghiệp Xã hội thông báo, các nhóm chuyên gia từ Viện Khoa học Nông nghiệp của trường Đại học Banaras Hindu (BHU) cũng được mời đến để tìm biện pháp và đưa ra những nhiệm vụ cụ thể để cứu cây Bồ Đề.

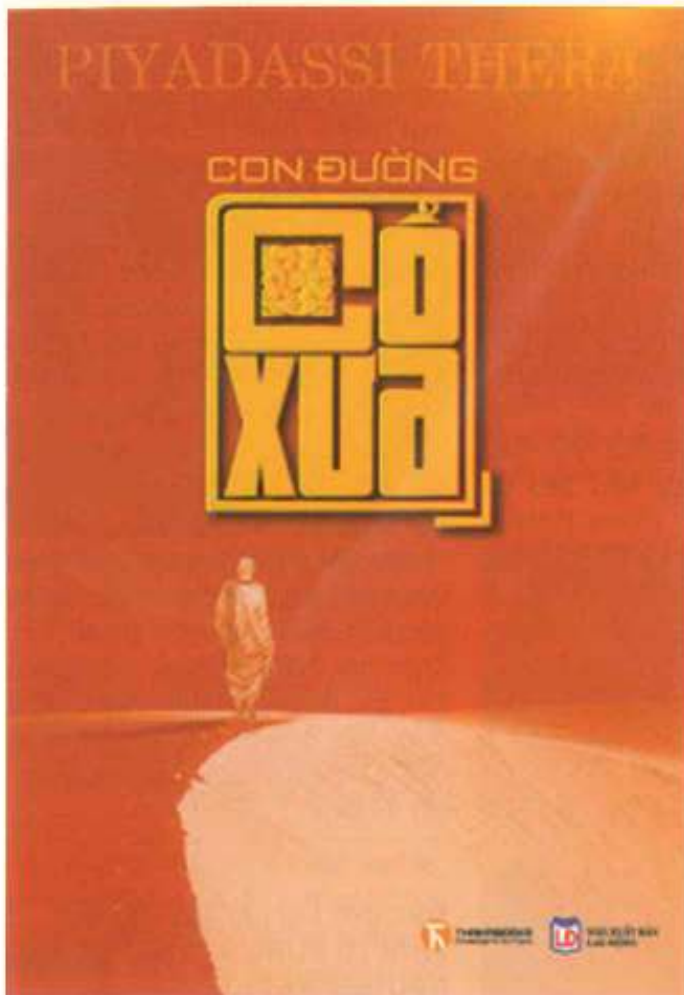
ĐỨC ĐẠT LAI LẠT MA KÊU GỌI PHẬT TỬ DỪNG BẠO LỰC ĐỐI VỚI NGƯỜI HỒI GIÁO



Photo: MP

Tại nhà riêng ở ngoại ô của Leh tại quận Ladakh, bang Jammu&Kashmir, Đức Đạt lai Lạt ma đã đưa ra lời kêu gọi mới gửi đến Phật tử tại Miến Điện và Tích Lan để ngưng bạo lực chống người Hồi giáo. Phát biểu trước hàng chục nghìn tín đồ Tây Tạng và Phật tử vào dịp sinh nhật thứ 79 (ngày 6/7) của mình, ngài nói rằng bạo lực tại cả hai nước Phật giáo chiếm đa số này nhằm vào người Hồi giáo thiểu số là điều không thể chấp nhận.

Vị lãnh đạo tinh thần lưu vong của Tây Tạng nói rằng Đức Phật, trong suốt cuộc đời Ngài, đã thuyết giảng về tình thương yêu và lòng từ bi, và đó là bốn phận và trách nhiệm mà tín đồ của Ngài phải noi theo.



chính xác và do đó ít tương ứng với tinh thần thực sự của Phật ngôn. Với tất cả lòng khiêm tốn, bản Tăng nguyện sẽ trình bày thật chân xác về lời Đức Phật dạy như đã được tìm thấy trong Tam Tạng Pali nguyên thủy nhất, một truyền thống Phật giáo cổ kính và rất đáng tin cậy từ ngàn xưa cho tới nay."

Trân trọng giới thiệu đến các bạn cuốn sách với ít nhiều trích dẫn. Mong mỗi người đều tìm được một ngọn đuốc, một viên ngọc quý để soi chiếu tâm mình trên con đường học Phật và tu theo Phật:

"Trong tư tưởng Phật giáo, không chấp nhận hay tin tưởng có sự hiện hữu của một đấng sáng tạo, dù bằng bất cứ hình thức nào, nắm quyền thưởng phạt những việc làm thiện ác của các chúng sanh do vị ấy tạo ra. Người Phật tử nương tựa nơi Đức Phật (Buddham saranam gacchami) nhưng không với hy vọng rằng họ sẽ được bậc Đạo Sư cứu độ. Hoàn toàn không có sự bảo đảm như vậy. Đức Phật chỉ là người thầy khai thị con đường và hướng dẫn những người theo mình đi đến sự giải thoát cá nhân của họ. Một tấm bảng chỉ đường ở ngã ba chẳng hạn, là để chỉ hướng đi, phần còn lại của người lữ hành là bước theo con đường, cần trọng từng đường đi nước bước của mình. Tấm bảng chắc chắn không đưa họ đến nơi mong muốn được. Nhiệm vụ của người lương y là chẩn bệnh và bốc thuốc, phần còn lại của bệnh nhân là uống thuốc. Thái độ của Đức Phật đối với những người theo Ngài cũng giống như thái độ của một vị thầy hay của một vị lương y đẩy lòng bi mẫn và trí tuệ vậy"

Bát Chánh Đạo trong Phật giáo, là con đường duy nhất

CHỌN SÁCH GIÙM BẠN

Con đường cổ xưa

Đây là tên cuốn sách được xuất bản lao động ấn hành do ngài Nayaka Mahathera Piyadassi biên soạn và được Tỳ kheo Pháp Thông dịch ra Việt ngữ, do NXB lao động phát hành.

Nayaka Mahathera Piyadassi (1914-1998) sinh trưởng tại Sri Lanka (Tích Lan), xuất gia vào năm hai mươi tuổi, thấm nhuần giáo lý và triết học Phật Giáo và trở thành Đại Lão Tăng, được biết đến như là một trong những vị sư, người thầy, người phụng sự Phật giáo không biết mỗi một đáng kính nhất trên thế giới. Lúc sinh thời, Ngài đã từng du hành đến nhiều nơi, cả phương Đông lẫn phương Tây, để truyền đi thông điệp Từ, Bi, Hỷ, Xả cao cả của Phật môn. Ngài cũng có khả năng đặc biệt, viết nên những tác phẩm có sức lay động với mọi tầng lớp người thuộc các quốc gia khác nhau.

Khi biên soạn cuốn sách "Con đường cổ xưa", Ngài đã hiển bày tâm nguyện và tinh thần phụng sự của mình như sau: "Như chúng ta biết, trong những năm gần đây, nhiều sách dẫn giải về lời dạy của Đức Phật đã xuất hiện, song phần nhiều những cuốn sách ấy chưa đạt tới tính

đưa đến sự thanh tịnh. Đức Phật nói: "Nghiệp, minh, pháp và giới thanh tịnh sinh mạng, chính nhờ những pháp này mà các chúng sanh thanh tịnh, chứ không phải do giai cấp và tài sản".

"Phàm những pháp nào là bất thiện, liên quan đến bất thiện, thuộc về bất thiện, tất cả những pháp ấy đều phát sanh từ tâm (nghĩa là tâm đi trước các pháp Manopubbangamà). Phàm những pháp nào là thiện, liên quan đến thiện, thuộc về thiện - Tất cả những pháp ấy đều phát sanh từ tâm".

"Khi tâm hay tư duy được phòng hộ thì thân nghiệp cũng được phòng hộ, khẩu nghiệp cũng được phòng hộ". "Nhân sanh của tất cả các nghiệp này hoặc là tham, sân, si hoặc là vô tham, vô sân, vô si. Những nghiệp nào được làm dưới ảnh hưởng của tham, sân, si đều là bất thiện, các nghiệp ấy đáng khiển trách, chúng đem lại quả khổ đau và dẫn đến các ác nghiệp khác, không dẫn đến sự đoạn tận nghiệp. Những nghiệp nào được làm dưới ảnh hưởng của vô tham, vô sân, vô si đều là thiện nghiệp, chúng đem lại lợi ích và không bị khiển trách, những nghiệp này cho quả an vui và dẫn sự đoạn diệt nghiệp, các nghiệp khác không sanh từ đó"...

HỎI - ĐÁP VỀ ĐẠO PHẬT MAY MẮN VÀ THỜI VẬN

TIẾP THEO KỲ TRƯỚC

● Tỳ khưu **Shravasti Dhammika**

Phạm Kim Khánh & Bình Anson dịch *Nguyên tác: Good Question, Good Answer*

VẤN: Đức Phật dạy thế nào về bùa phép và bói quẻ?

ĐÁP: Đức Phật xem những công việc như bốc số bói quẻ, đeo bùa phép hộ mạng, xem địa lý, xem ngày v.v. là vô ích, và Ngài khuyên đệ tử không nên thực hành. Ngài gọi đó là “*nghe thuật thấp kém*”, và dạy rằng:

“*Có vài đạo sĩ, trong khi sống nhờ vật thực mà tín đồ dâng cúng, lại tìm cách sinh sống bằng những nghệ thuật thấp kém, những nghề sinh sống như xem chỉ tay, xem tướng số, bàn mộng, cúng vái cầu thần tài... xem địa lý để xây cất nhà cửa, Tôn Giả Cổ Đàm (Gotama) tránh xa những nghệ thuật thấp kém, những nghề nuôi mạng tương tự*” (Trường Bộ, I. 9-12).

VẤN: Vậy tại sao đôi khi người ta làm những chuyện tương tự và đặt tin tưởng vào đó?

ĐÁP: Vì lòng tham, vì tánh hay lo sợ, và vì vô minh. Ngày nào mà người ta thấu hiểu những lời dạy của Đức Phật, họ sẽ nhận thức rằng một cái tâm trong sạch có thể bảo vệ mình vững chắc hơn nhiều so với những mảnh giấy, những miếng kim khí và một vài câu kinh đọc tụng, chùng đó, họ sẽ hết ý lại nơi những điều tương tự. Trong giáo huấn của Đức Phật, lòng chân thật, tánh cương trực và những đức hạnh tốt đẹp khác thật sự bảo vệ và đem lại cho ta trạng thái phong phú, thịnh vượng thật sự.

VẤN: Nhưng nhiều bùa phép quả thật linh thiêng, bạch Sư, có phải thế không?

ĐÁP: Tôi có biết một người sinh sống bằng nghề bán bùa phép. Người ấy khoe rằng bùa của ông ta có thể đem lại may mắn, thanh vượng, và đảm bảo rằng ông ta sẽ chọn đúng ba số trúng cho các kỳ số xổ. Nhưng nếu đúng như lời ông ấy khoe, tại sao chính ông ấy không trở thành triệu phú? Nếu bùa phép quả thật linh thiêng, tại sao ông ấy không trúng số hết tuần này qua tuần khác? Điều may mắn duy nhất của ông ấy là được có nhiều người khá điên rồ đến mua bùa của ông ta.

VẤN: Vậy có những chuyện như may mắn không?

ĐÁP: Tự điển giải thích “*vận mạng*” (fortune) hay “*may rủi*” là “*tin rằng bất cứ gì, dầu tốt hay xấu, xảy diễn đến một người, đều là ngẫu nhiên, do thời vận hay số mạng*”. Đức Phật phủ nhận hoàn toàn lối tin tưởng như vậy. Tất cả những gì xảy diễn đều do một hay nhiều nguyên nhân và phải có vài liên hệ nào đó giữa nguyên nhân và hậu quả.

Thí dụ như lâm bệnh, là do những nguyên nhân chính xác. Ta phải có tiếp xúc với vi trùng và cơ thể ta đủ yếu để cho vi trùng có thể bám vào và nảy nở. Có mối liên hệ nhất định giữa nhân (*vi trùng và cơ thể yếu*) và quả (*chúng bệnh*), vì ta biết rằng vi trùng tấn công những bộ phận của cơ thể và làm cho ta bệnh. Nhưng chúng ta không thấy có liên hệ nào giữa sự việc đeo một lá bùa với việc trở nên giàu có hay thi đậu.

Phật Giáo dạy rằng bất luận cái gì xảy đến cho ta đều do một hay nhiều nguyên nhân, chớ không do ngẫu nhiên, thời vận rủi may hay số mạng. Người chú trọng đến thời vận thường muốn được một điều gì - tiền bạc hoặc của cải. Đức Phật dạy rằng điều quan trọng hơn nhiều là trau giồi và phát triển tâm và trí:

“*Học sâu hiểu rộng, nghề nghiệp tin xảo,
Được rèn luyện đúng mức và nói đúng chánh ngữ;
Đó là vận mạng tốt nhất.
Phụng dưỡng cha mẹ, thương yêu nuôi nấng vợ con
Và sống theo chánh nghiệp;
Đó là vận mạng tốt nhất.
Quảng đại bố thí, công minh chánh trực,
Giúp đỡ họ hàng quyến thuộc và sống đúng chánh mạng;
Đó là vận mạng tốt nhất.
Tránh xa hành động bất thiện, say sưa,
Và nghiêm trì giới luật;
Đó là vận mạng tốt nhất.
Kính mộ, khiêm tốn, tri túc, tri ân
Và thành kính lắng nghe Giáo Pháp cao thượng;
Đó là vận mạng tốt nhất.”*

(Kinh Đại Hạnh Phúc, Tiểu Bộ)

PHƯƠNG DANH CÚNG DÀNG

STT	HỌ VÀ TÊN	ĐỊA CHỈ	TỊNH TÀI
1	Đặng Thị Thiều	Số 2, ngách 18 ngõ 187 Hồng Mai, Quỳnh Lôi, HBT, Hà Nội	500.000đ
2	Trần Thị Hồng Nghĩa	Khối Tân Thành, P. Hòa Hiếu, Thái Hòa, Nghệ An	400.000đ
3	Ông Thị Mai	Khối Tân Thành, P. Hòa Hiếu, Thái Hòa, Nghệ An	200.000đ
4	Lê Mạnh Thắng	Số nhà 15 ngõ 169 Minh Khai - Hai Bà Trưng - Hà Nội	2.000.000đ

Tạp chí xin chân thành cảm ơn Chư Tôn Đức Tăng Ni và Quý vị Phật tử đã hào tâm ủng hộ hoạt động của Phân viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tại Hà Nội. Hoàng pháp lợi sinh là Phật sự trọng đại và lâu dài. Kính mong được sự giúp đỡ thường xuyên của Quý vị để Phân viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tại Hà Nội hoàn thành Phật sự.

Nam mô Công Đức Lâm Bồ Tát tác đại chứng minh.

PHÂN VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC VIỆT NAM TẠI HÀ NỘI





VINCOM CITY TOWERS

"Where all the famous brands meet"

Exciting

Stylish

Comfortable

Fashionable

Famous brands

Unique & Modern

Entertainment



ADD:
191 Ba Trieu Str.,
Hai Ba Trung Dist., Hanoi
Tel: (84-4) 974 2899
Fax: (84-4) 974 2868
<http://www.vincomjsc.com>

VINCOM CITY TOWERS
Hanoi's most modern
prestigious shopping
complex with up to date
fashion excellent food
and great entertainment

GREAT SHOPPING
International & famous Brands
Good warranties and services
Cool and fresh environment
with fully air conditioning system

FOOD COMPLEX
Great restaurants Variety
of Asian and Western food

MODERN CINEMA COMPLEX
(Opening 26th April 2006)
8 most modern cinemas

**GAMES WORLD
A SAFE PLACE
TO LEAVE YOUR KIDS**
(Legend Garden)
Fun and relaxing choice of games

AVG

**TRUYỀN HÌNH
AN VIÊN**

TỐT MÀ TIẾT KIỆM

Giá dịch vụ
33.000đ - 66.000đ - 88.000đ/1 tháng

Không mất
tín hiệu khi
trời mưa

Thuyết minh,
lồng tiếng kênh
nước ngoài

**CƯỚC PHÍ
RẺ NHẤT**

Giải pháp
chia được
nhiều tivi

Ăng-ten
nhỏ gọn
dễ lắp đặt

**Truyền hình
không dây**
di chuyển được
mọi nơi



Hơn 100 kênh siêu nét
với đầy đủ các kênh giải trí

www.truyenhinhanvien.vn



Hotline 1000 1000